



TRONG SỐ NÀY SỐ 14, THÁNG 9 NĂM 2026

ĐƯỜNG LỐI – CHÍNH SÁCH

3. LÊ QUANG BỒN: Học viện Phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ: “Đổi mới tư duy – chuyển biến mạnh mẽ – kết quả thực chất”.

7. PHẠM KHẮC THỂ: Yêu cầu bảo đảm an ninh con người, an ninh quốc gia và những vấn đề đặt ra đối với công tác đào tạo nguồn nhân lực phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ ở Việt Nam.

XÂY DỰNG PHÒNG TRÀO TOÀN DÂN PCCC&CNCH

11. TRỊNH THẾ TUẤN: Xây dựng lực lượng Dân phòng góp phần thực hiện hiệu quả hoạt động của các mô hình trong phong trào Toàn dân phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ tại các khu dân cư trên địa bàn Thành phố Hà Nội.

16. NGUYỄN HỮU DŨNG: Tăng cường công tác phòng cháy, chữa cháy đối với các kho bảo quản vật liệu nổ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

NGHIÊN CỨU – TRAO ĐỔI

21. HOÀNG NGỌC HẢI: Lãnh đạo, chỉ đạo công tác tuyên truyền, giáo dục, phổ biến kiến thức, pháp luật về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trên địa bàn Thành phố Hà Nội.

27. ĐÀO HỮU DÂN: Đánh giá rủi ro cháy, nổ trong đổi mới phương thức quản lý nhà nước về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ ở Việt Nam.

32. THÁI THỊ KIM THÚY: Quan hệ phối hợp trong bảo đảm an toàn về phòng cháy, chữa cháy đối với các công trình di tích lịch sử - văn hóa đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững.

36. NGUYỄN NGỌC THẮNG - TRẦN THỊ HUYỀN GIANG: Tổ chức dạy học môn toán theo hướng tiếp cận bối cảnh thực tiễn ngành phòng cháy chữa cháy.

41. LÊ PHƯƠNG ANH - PHẠM ĐỨC TRUNG: Vai trò của hoạt động lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan đối với công tác bảo đảm chất lượng giáo dục, đào tạo tại học viện phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ.

46. HÀ TRUNG BÌNH: An toàn phòng cháy, chữa cháy cho garage có xe điện ở Việt Nam.

52. LƯU NGỌC LONG - NGUYỄN NGỌC QUỲNH: Trách nhiệm đạo đức khi sử dụng ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong học tập các học phần Lý luận chính trị tại Học viện Phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ.

57. NGUYỄN VĂN THẮNG: Vị trí, ý nghĩa quan hệ phối hợp giữa cơ quan Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ với cơ quan Cảnh sát Điều tra trong xác minh, giải quyết vụ cháy.

61. MAI DANH GIANG: Liên kết “ba nhà” trong phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trong tình hình mới.

66. BÙI THỊ PHƯƠNG - ĐỖ THỊ DIỆU LINH: Nâng cao chất lượng hoạt động nghiên cứu khoa học của học viên tại Học viện Phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ.

70. PHẠM CHÍ LÂN: Quan hệ phối hợp giữa công an cấp xã với lực lượng Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trong xác minh, giải quyết vụ cháy tại địa bàn đô thị và khu công nghiệp.



TẠP CHÍ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY ĐIỆN TỬ

JOURNAL OF FIRE ONLINE

e-ISSN: 3093-3595



INDEX Issue no 14, 09/2026

GUIDELINES – POLICIES

3. LE QUANG BON: Fire and Rescue Academy: "Innovative Thinking – Powerful Transformation – Substantive Results".

7. PHAM KHAC THE: Requirements for ensuring human security and national security, and issues posed for the training of human resources in fire and rescue in Vietnam.

DEVELOPING THE MOVEMENT: "ALL PEOPLE'S PARTICIPATION IN FIRE PREVENTION AND FIGHTING"

11. TRINH THE TUAN: Strengthening civil defense forces to enhance the effectiveness of community models in all-people movement for fire prevention, fighting, and rescue across Hanoi's residential areas.

16. NGUYEN HUU DUNG: Enhance fire safety for industrial explosive storage facilities in Dien Bien Province.

RESEACH – EXCHANGE

21. HOANG NGOC HAI: Leading and directing the work of propaganda, education, and dissemination of knowledge and laws on fire and rescue in Hanoi City.

27. DAO HUU DAN: Assessment of fire and explosion risks in innovating state management methods for fire prevention and fighting, and rescue in Vietnam.

32. THAI THI KIM THUY: Coordination relationships in ensuring fire safety for historical and cultural heritage sites to meet the requirements of sustainable development.

36. NGUYEN NGOC THANG – TRAN THI HUYEN GIANG: Mathematics teaching through a practical context-based approach in the fire prevention and firefighting sector.

41. LE PHUONG ANH – PHAM DUC TRUNG: The role of stakeholder feedback in educational quality assurance at the Fire and Rescue Academy.

46. HA TRUNG BINH: Fire safety for garages housing electric vehicles in Vietnam.

52. LUU NGOC LONG – NGUYEN NGOC QUYNH: Ethical responsibilities in utilizing artificial intelligence applications for political theory modules at the Fire and Rescue Academy.

57. NGUYEN VAN THANG: The role and significance of coordination between the Fire and Rescue Police and the Investigative Police agency in verifying and handling fire cases.

61. MAI DANH GIANG: Three-Party linkage in the development of science, technology and innovation to support fire safety and rescue in the new context.

66. BUI THI PHUONG – DO THI DIEU LINH: Improving scientific research quality for cadets at the Fire and Rescue Academy.

70. PHAM CHI LAN: Coordination between Commune-Level Police and Fire and Rescue Police in verifying and handling fire incidents in urban areas and industrial zones.



Ngày nhận bài: 05/9/2026; Ngày thẩm định: 06/9/2026; Ngày duyệt đăng: 21/9/2026.

HỌC VIỆN PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN CỨU HỘ: “ĐỔI MỚI TƯ DUY – CHUYỂN BIẾN MẠNH MẼ – KẾT QUẢ THỰC CHẤT”

Trung tướng, PGS, TS LÊ QUANG BÓN

Bí thư Đảng ủy, Giám đốc Học viện Phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ

Tóm tắt: Ngày 05/9/2026, tại Lễ Khai giảng năm học mới 2026 – 2027, đồng chí Trung tướng, PGS, TS Lê Quang Bón – Bí thư Đảng ủy, Giám đốc Học viện Phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ (PCCC và CNCH) đã có bài phát biểu chỉ đạo quan trọng, Tạp chí Phòng cháy và chữa cháy điện tử - Học viện PCCC và CNCH trân trọng đăng tải toàn văn bài phát biểu của đồng chí Giám đốc.

Từ khóa: Lễ Khai giảng, Học viện PCCC và CNCH, đổi mới tư duy, chuyển biến mạnh mẽ, kết quả thực chất.

Abstract: On September 5, 2026, at the opening ceremony of the 2026–2027 academic year, Lieutenant General, Assoc. Prof., Dr. Le Quang Bon, Secretary of the Party Committee and President of the Fire and Rescue Academy, delivered an important directive speech. The Journal of Fire Online, under the Fire and Rescue Academy, respectfully publishes the full text of his speech.

Keywords: Opening ceremony, Fire and Rescue Academy, innovative thinking, powerful transformation, substantive results.

Kính thưa các đồng chí lãnh đạo, các quý vị đại biểu!

Kính thưa các thế hệ lãnh đạo, cán bộ, nhà giáo của Học viện!

Thưa toàn thể cán bộ, giảng viên, công nhân viên và các em học viên thân mến!

Hôm nay, trong không khí phấn khởi của những ngày đầu tháng Chín, cùng với các cơ sở giáo dục trong cả nước, Học viện Phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ long trọng tổ chức Lễ Khai giảng năm học 2026 – 2027, lễ khai giảng năm nay của Học viện được tổ chức trực tiếp tại Cơ sở 1 và kết nối trực tuyến tại Cơ sở 3. Thay mặt Đảng ủy, Ban Giám đốc Học viện, tôi trân trọng gửi tới các đồng chí lãnh đạo, nguyên lãnh đạo, các quý vị đại biểu, các thế hệ cán bộ, nhà giáo, cùng toàn thể cán bộ, giảng viên, công nhân viên, học viên lời chào mừng nồng nhiệt, lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Kính thưa các đồng chí!

Lễ khai giảng năm nay có ý nghĩa đặc biệt. Đây là năm học đầu tiên Học viện bước vào một chặng đường phát triển mới, với vị thế mới, chức năng và kỳ vọng cao hơn sau 50 năm xây dựng, chiến đấu và trưởng thành.

Năm học 2026 – 2027 cũng bắt đầu trong một bối cảnh mới của đất nước, của ngành Công an và của toàn ngành giáo dục. Các yêu cầu về xây dựng xã hội kỷ cương, an toàn, văn minh; bảo đảm an ninh con người, an ninh quốc gia; chủ động ứng phó với các thách thức an ninh phi truyền thống; đột phá về phát triển giáo dục, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đang đặt ra những nhiệm vụ mới đối với Học viện.

Những vụ cháy, nổ, tai nạn, sự cố ngày càng có tính phức hợp; sự phát triển của nhà cao tầng, công trình ngầm, trung tâm dữ liệu, phương tiện điện, pin lithium, năng lượng mới, biến đổi khí hậu và thiên tai cực đoan đòi hỏi người cán bộ PCCC và CNCH

**Đầu đề do Ban Biên tập đặt*

không chỉ giỏi xử lý sự cố mà còn phải có năng lực nhận diện nguy cơ, dự báo, cảnh báo sớm, quản trị rủi ro và làm chủ công nghệ.

Chỉ đạo của Bộ trưởng Bộ Công an tại Lễ Kỷ niệm 50 năm Ngày Truyền thống đã đặt Học viện trước một chuẩn phát triển rất rõ: phấn đấu sớm trở thành cơ sở giáo dục đại học trọng điểm quốc gia và chậm nhất đến năm 2035 trở thành trung tâm đào tạo, nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo ngang tầm khu vực trong lĩnh vực PCCC và CNCH. Đây không chỉ là một mục tiêu danh dự, mà là lời giao nhiệm vụ đối với toàn thể Học viện. Để biến tầm nhìn đó thành hành động ngay từ năm học 2026 – 2027, tôi đề nghị toàn Học viện thống nhất phương châm hành động: “Đoàn kết – Kỷ cương – Đổi mới – Phát triển”; đồng thời quán triệt tinh thần làm việc: “Đổi mới tư duy – Chuyển biến mạnh mẽ – Kết quả thực chất”. Mục tiêu cuối cùng là người học tốt hơn, người thầy tốt hơn, Học viện tốt hơn và nguồn nhân lực của đất nước tốt hơn”.

Đảng ủy, Ban Giám đốc Học viện sẽ tập trung lãnh đạo, chỉ đạo để tạo chuyển biến về chất của Học viện trên 03 đột phá chiến lược, đó là:

Thứ nhất, đột phá về giáo dục, đào tạo và phát triển con người.

Chúng ta phải chuyển mạnh từ câu hỏi “học viên biết gì” sang “học viên làm được gì”. Chuẩn đầu ra phải được thiết kế theo năng lực thực thi nhiệm vụ ngoài thực tiễn. Cùng với kiến thức chuyên môn, người học phải có bản lĩnh chính trị, đạo đức nghề nghiệp, tinh thần phụng sự Nhân dân, ý thức kỷ luật và khả năng thích ứng.

Đổi mới đào tạo phải diễn ra đồng bộ từ: chuẩn đầu ra, chương trình, nội dung đào tạo đến phương pháp dạy học, huấn luyện thực hành, thi, kiểm tra. Học viện phải xây dựng một môi trường giáo dục lành mạnh, kỷ cương, thực chất; kiên quyết chống bệnh thành tích và tiêu cực, gian lận; để người thầy thực sự là người thầy, người học thực sự học tập, rèn luyện và trưởng thành bằng năng lực.

Thứ hai, đột phá về dữ liệu, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo.

Dữ liệu phải trở thành một hạ tầng khoa học của Học viện. Nghiên cứu khoa học phải chuyển từ hoàn

thành đề tài sang tạo tri thức mới, quy trình mới, tiêu chuẩn mới, công nghệ mới và sản phẩm phải có địa chỉ ứng dụng. Mỗi nhiệm vụ khoa học phải trả lời được ba câu hỏi rất quan trọng, cần thiết đó là: Đề tài giải quyết vấn đề thực tiễn nào? Tạo ra sản phẩm gì? Ai sẽ sử dụng sản phẩm đó?

Thứ ba, đột phá về hạ tầng chiến lược của Học viện.

Học viện cần chủ động xây dựng “Cụm hạ tầng chiến lược” gồm bốn cấu phần gắn kết: Một là, hạ tầng phục vụ huấn luyện, thực hành đảm bảo tính thực chiến; Hai là, hạ tầng phục vụ nghiên cứu, thử nghiệm, kiểm định phương tiện, thiết bị PCCC&CNCH; Ba là, hạ tầng dữ liệu, mô phỏng, dự báo trong lĩnh vực PCCC&CNCH; Bốn là, hạ tầng phục vụ giáo dục, trải nghiệm cho cộng đồng, cho người dân, cho xã hội các kiến thức, kỹ năng về PCCC&CNCH.

Trên nền tảng 03 đột phá đó, trong năm học 2026 - 2027, Đảng ủy, Ban Giám đốc Học viện sẽ tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện 08 nhóm nhiệm vụ trọng tâm, cơ bản sau đây:

Một là, hoàn thiện mô hình tổ chức bộ máy và chiến lược phát triển Học viện.

Khẩn trương báo cáo lãnh đạo Bộ Công an hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Học viện; bố trí cán bộ theo vị trí việc làm. Xây dựng Chiến lược phát triển Học viện đến năm 2030, tầm nhìn 2045, trong đó cụ thể hóa lộ trình đến năm 2035 sớm trở thành trường trọng điểm của ngành Công an, của quốc gia.

Hai là, đổi mới mạnh mẽ giáo dục đào tạo.

Đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp đào tạo, bồi dưỡng gắn với yêu cầu thực tiễn, chú trọng giáo dục phẩm chất chính trị, tư cách người Công an cách mạng; cập nhật kiến thức về trí tuệ nhân tạo, an ninh con người, xử lý các thách thức an ninh phi truyền thống. Tổng rà soát các nội dung, chương trình đào tạo, bồi dưỡng theo hướng sát thực tiễn, bám sát vị trí việc làm; giảm lý thuyết, tăng thực hành, huấn luyện và rèn luyện kỹ năng thực chiến, góp phần đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, vững về pháp luật, tinh thông nghiệp vụ, có kiến thức về khoa học, kỹ thuật, ngoại ngữ và kỹ năng xử lý các tình huống

phức tạp về an ninh, trật tự ngay từ ban đầu và ngay tại cơ sở. Biên soạn, tổ chức các chương trình, lớp bồi dưỡng chuyên sâu cho lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH về các vấn đề mới như: phòng cháy, chữa cháy nhà siêu cao tầng, công trình ngầm, trung tâm dữ liệu, pin lithium, phương tiện điện, năng lượng mới, thiên tai cực đoan, cháy rừng, cháy trên sông, biển, cháy diện rộng, không gian hạn chế và các tình huống CNCH quy mô lớn. Đặc biệt, chú trọng đào tạo sơ cấp cứu, cấp cứu ngoại viện đối với cán bộ Cảnh sát PCCC và CNCH.

Ba là, xây dựng đội ngũ cán bộ, giảng viên, chuyên gia và học viên có phẩm chất, năng lực và tâm vóc mới.

Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức trong sáng, tư duy đổi mới, dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung, có năng lực chuyên môn, ngoại ngữ, khoa học công nghệ, kỹ năng số và khả năng làm việc trong môi trường quốc tế; Đặc biệt, chú trọng xây dựng cơ chế phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng, thu hút trọng dụng chuyên gia, nhà khoa học, cán bộ có năng lực nổi trội; từng bước xây dựng đội ngũ chuyên gia đầu ngành, đội ngũ kế cận; tăng số giảng viên có trình độ tiến sĩ, chức danh giáo sư, phó giáo sư; tăng cường công tác luân chuyển, thực tế; Triển khai hiệu quả Đề án đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong Học viện, bảo đảm lộ trình cụ thể, đồng bộ trong nâng cao năng lực ngoại ngữ, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế và đẩy mạnh công bố khoa học quốc tế của đội ngũ cán bộ, giảng viên. Đối với cán bộ quản lý phải chuyển từ quản lý bằng thủ tục hành chính sang quản trị trên nền tảng dữ liệu số để phát triển đội ngũ cán bộ, giảng viên.

Đối với học viên phải rèn luyện toàn diện theo tinh thần “Kỷ luật nhất – Trung thành nhất – Gần dân nhất”; có bản lĩnh, trí tuệ, tinh thần phục vụ Nhân dân, năng lực tự học, sáng tạo và khả năng thích ứng.

Bốn là, tạo chuyển biến thực chất về nghiên cứu khoa học và ứng dụng chuyển giao công nghệ.

Xây dựng kế hoạch để hình thành các nhóm nghiên cứu mạnh về: khoa học cháy; vật liệu, năng lượng mới; cảm biến – cảnh báo sớm; AI và dữ liệu; robot – UAV; công nghệ bảo hộ; kỹ thuật CNCH

trong môi trường đặc biệt.... Từng bước tham gia nghiên cứu, thiết kế, chế tạo các phương tiện, thiết bị, công nghệ PCCC và CNCH mang thương hiệu Việt Nam; góp phần xây dựng công nghiệp an ninh tự lực, tự cường, lưỡng dụng, hiện đại. Tập trung xây dựng, hình thành từ 5 đến 7 nhóm nghiên cứu mạnh của Học viện về các vấn đề thực tiễn công tác PCCC và CNCH đang đặt ra.

Năm là, xây dựng cơ sở dữ liệu về PCCC và CNCH để phục vụ giảng dạy, huấn luyện, nghiên cứu khoa học.

Các khoa chuyên ngành cần tập trung nghiên cứu, xây dựng cơ sở dữ liệu về cháy, nổ, tai nạn, sự cố ở Việt Nam để phục vụ công tác giảng dạy, huấn luyện, nghiên cứu khoa học về PCCC và CNCH. Chủ động nghiên cứu, phân tích nguyên nhân các vụ thảm họa đã xảy ra trên thế giới trong những năm gần đây để dự báo các vụ việc tương tự có thể xảy ra ở Việt Nam từ đó sớm có báo cáo, đề xuất, tham mưu đối với lãnh đạo Bộ Công an và các cơ quan chức năng.

Sáu là, xây dựng quy hoạch tổng thể cơ sở vật chất kỹ thuật của Học viện.

Báo cáo, đề xuất với lãnh đạo Bộ Công an về nhu cầu đất đai, thao trường, phương tiện, phòng thí nghiệm, cơ sở thử nghiệm, kiểm định, dữ liệu và trung tâm giáo dục, trải nghiệm cộng đồng trong điều chỉnh Quy hoạch hạ tầng PCCC. Tiếp tục báo cáo, đề xuất về mở rộng cơ sở vật chất tại xã Kiều Phú, Hà Nội; nghiên cứu xây dựng thêm nhiều phòng thí nghiệm trọng điểm, phòng thí nghiệm ảo, không gian thử nghiệm công nghệ về PCCC&CNCH. Đẩy mạnh chuyển đổi số, xây dựng Học viện số, Học viện thông minh; giảm thủ tục hành chính giúp cán bộ, giảng viên có nhiều thời gian hơn để giảng dạy, nghiên cứu.

Bảy là, mở rộng sứ mệnh của Học viện đối với lực lượng CAND và xã hội.

Khẩn trương hoàn thiện mô hình Trung tâm giáo dục trải nghiệm an toàn cộng đồng về PCCC&CNCH theo hướng không chỉ tổ chức trải nghiệm mà còn nghiên cứu, chuẩn hóa học liệu, chuẩn kỹ năng và chuyển giao mô hình này cho nhiều Công an địa phương. Nâng cao năng lực của đơn vị dự bị chiến đấu, sẵn sàng tham gia các nhiệm

vụ phòng thủ dân sự và CNCH lớn trong nước, quốc tế khi được giao.

Tám là, đẩy mạnh hợp tác quốc tế, quan hệ phối hợp với các cơ quan, đơn vị trong và ngoài ngành Công an.

Nghiên cứu, xây dựng, phát triển mô hình liên kết, hợp tác giữa 4 đơn vị: Viện nghiên cứu – Học viện – Doanh nghiệp – Đơn vị nghiệp vụ của Bộ Công an. Tăng cường phối hợp với C07, Công an các đơn vị, địa phương, doanh nghiệp công nghệ, cơ sở đào tạo của các nước phát triển trong công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và hoạt động thực tiễn.

Hợp tác của Học viện trong năm học này phải chuyển mạnh về chất, từ “có hoạt động” sang “có sản phẩm chung” như: chương trình đào tạo chung; nghiên cứu đề tài chung; huấn luyện nghiệp vụ chung; phòng thí nghiệm chung; học liệu song ngữ; chuyển giao công nghệ chung; tham gia các hoạt động CNCH quốc tế chung....

Kính thưa các đồng chí!

Đối với đội ngũ cán bộ, giảng viên, tôi mong mỗi đồng chí bước vào năm học mới với một câu hỏi rất cụ thể: năm học này mình sẽ tạo ra thay đổi gì cho Học viện? Có thể là: Một bài giảng tốt hơn; một phương pháp dạy mới hơn; một sản phẩm khoa học, một sáng kiến cải tiến mới; một công nghệ mới được thử nghiệm; một học viên được truyền cảm hứng; một quy trình được làm gọn hơn... Tất cả đều có thể trở thành những viên gạch xây nên một Học viện vững mạnh. Vị thế của Học viện không chỉ được tạo bởi những quyết định lớn, mà còn được tạo nên từ chất lượng công việc hằng ngày của từng cán bộ, giảng viên, công nhân viên và học viên.

Đối với các em học viên, ngày khai giảng không chỉ là mở đầu một năm học mới mà còn là lời nhắc về trách nhiệm của người được học tập dưới mái trường có 50 năm truyền thống vẻ vang. Các em hãy trân trọng từng giờ học, từng buổi thực hành, từng lần rèn luyện trên thao trường; hình thành thói quen học thật, làm thật, chịu trách nhiệm thật. Nghề PCCC&CNCH là nghề liên quan trực tiếp đến sinh mạng con người. Trong thời khắc hiểm nguy: Kiến thức phải trở thành phản xạ, kỷ luật phải trở thành bản lĩnh, kỹ năng phải

trở thành năng lực cứu người. Vì vậy, các em học viên hãy học không chỉ để thi, mà để đủ năng lực thực hiện nhiệm vụ; rèn luyện không chỉ để đạt tiêu chuẩn, mà để xứng đáng với niềm tin của Nhân dân và danh dự của người cán bộ Công an nhân dân.

Tôi cũng mong các em nuôi dưỡng tinh thần tự học và sáng tạo. Không một chương trình đào tạo nào có thể cung cấp đủ kiến thức cho cả một đời công tác. Điều Học viện cần trao cho các em không chỉ là những gì đã biết hôm nay, mà là phương pháp để tiếp tục học ngày mai; khả năng học từ thực tiễn và chủ động thích ứng với những tình huống chưa từng gặp.

Đối với các đơn vị, tôi yêu cầu ngay từ đầu năm học phải chuyển các định hướng nêu trên thành chương trình hành động cụ thể. Năm học 2026 – 2027 không phải là năm làm thật nhiều việc, mà phải là năm lựa chọn đúng việc, làm đến cùng và tạo chuyển biến rõ nét.

Tôi tin tưởng rằng, với truyền thống 50 năm, với sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, Nhà nước, Đảng ủy Công an Trung ương và lãnh đạo Bộ Công an; với sự đoàn kết, trách nhiệm và khát vọng vươn lên của toàn thể cán bộ, giảng viên, công nhân viên, học viên, Học viện Phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ sẽ hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ năm học 2026 – 2027.

Với niềm tin và quyết tâm đó, thay mặt Đảng ủy, Ban Giám đốc Học viện, tôi tuyên bố khai giảng năm học 2026 – 2027 của Học viện Phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ.

Kính chúc các đồng chí lãnh đạo, nguyên lãnh đạo, các quý vị đại biểu sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Xin trân trọng cảm ơn!■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Thủ tướng Chính phủ (2026), *Quyết định số 1207/QĐ-TTg ngày 06/7/2026 về việc đổi tên Trường Đại học Phòng cháy chữa cháy thành Học viện Phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ*, Hà Nội.
2. Bộ Công an (2026), *Quyết định số 4768/QĐ-BCA ngày 23/7/2026 về việc triển khai chuyển đổi tên gọi Trường Đại học PCCC thành Học viện Phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ*, Hà Nội.



Ngày nhận bài: 28/8/2026; Ngày thẩm định: 13/9/2026; Ngày duyệt đăng: 21/9/2026.

YÊU CẦU BẢO ĐẢM AN NINH CON NGƯỜI, AN NINH QUỐC GIA VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI CÔNG TÁC ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY, CỨU NẠN, CỨU HỘ Ở VIỆT NAM

Thiếu tá, ThS PHẠM KHẮC THỂ

Khoa Nghiệp vụ cơ bản, Học viện Cảnh sát Nhân dân

*Tác giả liên hệ: Phạm Khắc Thể (Email: phamkhacthet02@gmail.com)

Tóm tắt: Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 28/7/2026 về xây dựng xã hội kỷ cương, an toàn, văn minh, hài hòa, phát triển, Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 28/7/2026 về Chiến lược An ninh quốc gia đặt ra những yêu cầu mới đối với bảo đảm an ninh con người, quản trị rủi ro, an ninh hệ thống và năng lực ứng phó với các thách thức an ninh truyền thống, phi truyền thống. Từ góc độ đào tạo, những yêu cầu này làm thay đổi chuẩn năng lực của nguồn nhân lực phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ. Bài viết phân tích ba chuyển đổi lớn trong nhận thức và đề xuất mô hình năm nhóm năng lực cốt lõi; trên cơ sở đó làm rõ bốn vấn đề trọng tâm cần đổi mới trong mục tiêu, chương trình, phương pháp, đội ngũ, hạ tầng và cơ chế gắn đào tạo với thực tiễn. Kết quả nghiên cứu cho thấy đổi mới đào tạo nguồn nhân lực phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (PCCC và CNCH) cần được nhìn nhận như một bộ phận trực tiếp của xây dựng năng lực quốc gia về bảo đảm an ninh con người và an ninh quốc gia.

Từ khóa: an ninh con người, an ninh quốc gia, nguồn nhân lực, đào tạo, PCCC và CNCH, quản trị rủi ro.

Abstract: Resolution No. 18-NQ/TW on building a disciplined, safe, civilized, harmonious and developed society, and Resolution No. 22-NQ/TW on the National Security Strategy introduce new requirements for human security, risk governance, system security and responses to traditional and non-traditional security challenges. From an educational perspective, these requirements reshape the competency profile of fire and rescue personnel. This article identifies three major shifts in thinking, proposes a five-domain competency model, and analyzes four key issues for reforming training objectives, curricula, methods, instructors, infrastructure, and practice-based cooperation in Vietnam.

Keywords: human security, national security, human resources, training, fire and rescue, risk governance.

1. Trong bối cảnh các nguy cơ cháy, nổ, tai nạn, sự cố ngày càng gắn với đô thị hóa, hạ tầng trọng yếu, năng lượng mới, công nghệ số, thiên tai cực đoan và các thách thức an ninh phi truyền thống, công tác PCCC và CNCH không thể chỉ được nhìn nhận như hoạt động xử lý sự cố đơn lẻ. Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 22-NQ/TW đã đặt an ninh

con người, năng lực quản trị rủi ro, bảo vệ hệ thống, dự báo và ứng phó khủng hoảng vào những vị trí mới trong tư duy phát triển và bảo vệ an ninh quốc gia. Điều đó tác động trực tiếp đến yêu cầu đối với nguồn nhân lực PCCC và CNCH.

2. Điểm có ý nghĩa nền tảng của Nghị quyết số 18-NQ/TW là xác lập bảo đảm an ninh con người như

một mục tiêu, yêu cầu xuyên suốt của quá trình phát triển; đồng thời nhấn mạnh xây dựng nền quản trị xã hội hiện đại, lấy dữ liệu làm nền tảng, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo làm động lực, tăng năng lực dự báo, cảnh báo sớm và quản trị rủi ro. Khi soi chiếu vào lĩnh vực PCCC và CNCH, cách tiếp cận này đòi hỏi phải vượt qua tư duy chủ yếu tập trung vào điều kiện an toàn và khả năng xử lý sau khi sự cố xảy ra.

Nguồn nhân lực PCCC và CNCH trong giai đoạn mới phải có khả năng tham gia toàn bộ chu trình quản trị rủi ro: nhận diện nguy cơ, thu thập và phân tích thông tin, đánh giá xác suất và hậu quả, xây dựng kịch bản, xác định ngưỡng rủi ro, tổ chức phòng ngừa, chuẩn bị lực lượng - phương tiện, chỉ huy ứng phó, phục hồi sau sự cố và chuyển hóa bài học thực tiễn thành biện pháp phòng ngừa mới. Đây là sự dịch chuyển quan trọng từ “người xử lý sự cố” sang “người quản trị rủi ro an toàn”. Sự thay đổi này có hệ quả trực tiếp đối với đào tạo. Nếu chương trình vẫn chủ yếu truyền đạt quy định, quy trình và thao tác nghiệp vụ theo từng tình huống tương đối ổn định thì khó đáp ứng yêu cầu mới. Người học cần được hình thành năng lực phân tích nguyên nhân sâu, đánh giá tương tác giữa các nguy cơ, dự báo diễn biến và ra quyết định trong điều kiện dữ liệu không đầy đủ. Nói cách khác, đào tạo phải đưa người học từ năng lực “làm đúng quy trình” lên năng lực “lựa chọn và điều chỉnh giải pháp phù hợp với rủi ro thực tế”.

3. Nghị quyết số 22-NQ/TW xác định an ninh con người là mục đích, đồng thời nhấn mạnh an ninh tổng thể, toàn diện, chủ động, bao trùm và kiến tạo; chuyển từ “bảo vệ lĩnh vực” sang “bảo vệ hệ thống”, từ “quản lý từng nguy cơ” sang “quản trị tương tác giữa các nguy cơ”, không để rủi ro vượt ngưỡng kiểm soát và khủng hoảng lan rộng thành tổn thất chiến lược. Đây là điểm đặc biệt quan trọng đối với PCCC và CNCH, bởi nhiều sự cố hiện nay có thể nhanh chóng vượt khỏi phạm vi một công trình hoặc một ngành.

Cháy tại trung tâm dữ liệu có thể gây gián đoạn dịch vụ số và hoạt động kinh tế; sự cố tại cơ sở năng lượng, kho hóa chất hoặc hệ thống pin lưu trữ có thể đồng thời tạo nguy cơ cháy, độc hại và ô nhiễm môi trường; sự cố ở công trình ngầm, metro, nhà cao tầng,

hạ tầng giao thông hoặc cơ sở trọng yếu có thể ảnh hưởng đến nhiều nhóm dân cư và nhiều chức năng thiết yếu. Trong những tình huống như vậy, câu hỏi nghiệp vụ không chỉ là “chữa cháy bằng phương án nào”, mà còn là “hệ thống nào phải được bảo vệ trước, nguy cơ nào có thể lan truyền, chức năng thiết yếu nào không được phép gián đoạn, lực lượng nào cần huy động và cách phối hợp ra sao”.

Vì vậy, nguồn nhân lực PCCC và CNCH phải hình thành tư duy hệ thống, hiểu mối liên hệ giữa con người - công trình - công nghệ - hạ tầng - môi trường - hoạt động kinh tế, xã hội; có khả năng phối hợp liên ngành và tổ chức ứng phó với các tình huống phức hợp. Đây là bước phát triển từ năng lực xử lý một sự cố sang năng lực bảo vệ con người, bảo vệ chức năng trọng yếu và duy trì khả năng chống chịu của hệ thống.

4. Hai Nghị quyết quan trọng nêu trên đã đặt ra vấn đề cần phải tập trung nghiên cứu, đề xuất về mô hình năng lực cốt lõi đối với nguồn nhân lực PCCC và CNCH trong giai đoạn mới. Mô hình này không phủ nhận các năng lực nghiệp vụ truyền thống, mà mở rộng chúng theo yêu cầu bảo đảm an ninh con người và an ninh quốc gia; cụ thể là:

Thứ nhất, năng lực quản trị rủi ro và dự báo: nhận diện nguy cơ, phân tích dữ liệu, đánh giá rủi ro, xây dựng kịch bản, dự báo diễn biến, tổ chức cảnh báo sớm và đề xuất biện pháp giảm thiểu. Đây phải trở thành năng lực nền, bởi phòng ngừa hiệu quả phụ thuộc vào khả năng nhận biết rủi ro trước khi chúng chuyển thành sự cố.

Thứ hai, năng lực thực chiến và chỉ huy: xử lý tình huống trong điều kiện áp lực cao, thông tin không đầy đủ, môi trường nguy hiểm; chỉ huy hiện trường; phân bổ nguồn lực; phối hợp đa lực lượng và điều chỉnh phương án theo diễn biến thực tế. Năng lực này phải được hình thành bằng huấn luyện tình huống và diễn tập, không thể chỉ bằng học lý thuyết.

Thứ ba, năng lực khoa học - công nghệ: sử dụng dữ liệu, GIS, mô phỏng, cảm biến, camera nhiệt, UAV, robot, trí tuệ nhân tạo và các phương tiện hiện đại để hỗ trợ nhận diện, dự báo và ra quyết định. Không phải mọi cán bộ đều trở thành chuyên gia công nghệ, nhưng nguồn nhân lực hiện đại phải có khả

năng hiệu, lựa chọn và khai thác công nghệ đúng mục đích nghiệp vụ.

Thứ tư, năng lực làm việc với con người và cộng đồng: tổ chức thoát nạn, hỗ trợ nhóm dễ bị tổn thương, truyền thông rủi ro, hướng dẫn kỹ năng, tổ chức lực lượng tại chỗ và huy động cộng đồng. Nếu an ninh con người là mục tiêu thì khả năng làm việc với con người phải trở thành một thành tố của năng lực nghề nghiệp, không chỉ là kỹ năng bổ trợ.

Thứ năm, năng lực thích ứng và hội nhập: tự học, cập nhật công nghệ và nguy cơ mới, sử dụng ngoại ngữ chuyên ngành, tiếp cận tiêu chuẩn quốc tế và tham gia hợp tác, CNCH quốc tế. Trong bối cảnh rủi ro biến đổi nhanh hơn chu kỳ cập nhật chương trình, khả năng học tập suốt đời là điều kiện để duy trì năng lực nghề nghiệp.

5. Từ mô hình năng lực đó, chúng tôi nhận thấy rằng, vấn đề đầu tiên không phải là bổ sung thêm bao nhiêu môn học, mà là xác định lại người học sau tốt nghiệp phải giải quyết được những vấn đề gì. Nếu mục tiêu đào tạo vẫn chủ yếu mô tả lượng kiến thức và kỹ năng nghiệp vụ cần nắm, quá trình đổi mới dễ dừng ở việc “cộng thêm nội dung” mà chưa làm thay đổi chất lượng đầu ra. Cần chuyển sang chuẩn đầu ra dựa trên năng lực thực hiện nhiệm vụ trong bối cảnh rủi ro mới.

Theo đó, chuẩn đầu ra cần tích hợp năm nhóm năng lực nêu trên, được cụ thể hóa theo từng trình độ, vị trí việc làm và loại hình nhiệm vụ. Với cán bộ làm công tác phòng ngừa, trọng tâm có thể là phân tích rủi ro, thẩm định giải pháp, dữ liệu và truyền thông an toàn; với cán bộ chữa cháy, CNCH là năng lực chỉ huy, ứng phó phức hợp, công nghệ và phối hợp; với cán bộ nghiên cứu, quản lý là năng lực phân tích hệ thống, dự báo và tham mưu chính sách. Cách tiếp cận này giúp tránh một chuẩn đầu ra chung chung cho mọi đối tượng.

Vì vậy, thước đo chất lượng phải chuyển từ “người học biết gì” sang “người học làm được gì, trong điều kiện nào và với mức độ độc lập, chính xác, an toàn ra sao”. Đây là tiền đề để đổi mới nội dung, phương pháp và đánh giá theo cùng một logic năng lực. Trên cơ sở đó, chúng tôi đề xuất một số vấn đề sau:

Một là, chương trình đào tạo cần được cấu trúc lại theo hướng tích hợp, tránh kéo dài thời lượng bằng cách bổ sung cơ học các học phần mới. Các nội dung về an ninh con người, an ninh phi truyền thống, quản trị rủi ro, quản trị khủng hoảng, bảo vệ hạ tầng trọng yếu, dữ liệu và công nghệ số, năng lực mới, biến đổi khí hậu, tâm lý trong tình huống khẩn cấp và giáo dục cộng đồng cần được tích hợp vào các mô-đun hoặc tình huống nghiệp vụ tương ứng.

Một yêu cầu quan trọng là xây dựng mạch chương trình theo chu trình “phòng ngừa - chuẩn bị - ứng phó - phục hồi”. Cách tổ chức này giúp người học nhìn thấy toàn bộ vòng đời của rủi ro và mối liên hệ giữa các chức năng PCCC, CNCH, thay vì tiếp cận chúng như các khối kiến thức tách biệt. Những loại hình rủi ro mới như công trình ngầm, trung tâm dữ liệu, pin lithium, phương tiện điện, kho năng lượng, không gian hạn chế, cháy rừng và thảm họa đa nguy cơ cần được đưa vào tình huống tích hợp, phù hợp với từng chương trình.

Hai là, phương pháp đào tạo phải chuyển mạnh từ truyền thụ kiến thức sang học tập dựa trên vấn đề và tình huống: giảng giải nền tảng - phân tích vụ việc - mô phỏng - thực hành - diễn tập - đánh giá năng lực. Trong đó, dữ liệu vụ cháy, tai nạn, sự cố thực tế phải trở thành nguồn học liệu quan trọng. Xây dựng “ngân hàng tình huống PCCC và CNCH phục vụ đào tạo”, trong đó mỗi vụ việc điển hình được chuẩn hóa theo cấu trúc: bối cảnh - nguy cơ - quyết định - diễn biến - kết quả - sai lệch - bài học - phương án thay thế. Ngân hàng này vừa phục vụ đào tạo, vừa tạo nền dữ liệu cho nghiên cứu và mô phỏng.

Ba là, đánh giá người học cũng cần thay đổi tương ứng. Bên cạnh kiểm tra kiến thức, cần tăng đánh giá qua tình huống, mô phỏng và bài tập ra quyết định; chú trọng tiêu chí nhận diện nguy cơ, lựa chọn phương án, phối hợp, sử dụng công nghệ, kiểm soát an toàn và khả năng giải thích cơ sở của quyết định. Chỉ khi đánh giá thay đổi, chương trình và phương pháp mới thực sự chuyển động, tạo ra kết quả rõ nét.

Bốn là, đổi mới chương trình sẽ khó tạo kết quả nếu đội ngũ giảng viên không đồng thời được chú trọng xây dựng, phát triển xứng tầm. Mô hình giảng

viên phù hợp với yêu cầu mới có thể khái quát bằng ba thành tố: giới lý luận - vững thực tiễn - làm chủ công nghệ. Trong đó, “vững thực tiễn” không chỉ là từng tham gia công tác thực tế, mà phải thường xuyên tiếp cận vụ việc, dữ liệu và các vấn đề mới của lực lượng; “làm chủ công nghệ” không chỉ là sử dụng thiết bị trình chiếu, mà là khả năng khai thác mô phỏng, dữ liệu, công cụ số và phương tiện kỹ thuật phục vụ dạy học, nghiên cứu. Cần thiết lập cơ chế luân chuyển, đi thực tế nghiệp vụ định kỳ, tham gia nghiên cứu theo vấn đề thực tiễn, trao đổi chuyên gia giữa cơ sở đào tạo với đơn vị chiến đấu, cơ quan quản lý và doanh nghiệp công nghệ. Những lĩnh vực mới nên hình thành nhóm giảng viên - chuyên gia liên ngành, thay vì giao cho một khoa đơn lẻ. Đồng thời, phải coi ngoại ngữ chuyên ngành, năng lực đọc tiêu chuẩn và tài liệu kỹ thuật quốc tế, kỹ năng dữ liệu là những năng lực phát triển nghề nghiệp bắt buộc đối với một bộ phận giảng viên nòng cốt, chuyên sâu.

Năm là, về hạ tầng, yêu cầu đào tạo theo năng lực đòi hỏi chuyển từ mô hình chủ yếu dựa vào giảng đường và thao trường truyền thống sang tổ hợp thực hành - thực chiến - mô phỏng - dữ liệu - phòng thí nghiệm. Hạ tầng không được đầu tư dàn trải; cần ưu tiên những nền tảng dùng chung có khả năng tạo nhiều loại tình huống, tái sử dụng dữ liệu và tích hợp công nghệ mới và phải được thiết kế từ yêu cầu năng lực chuẩn đầu ra.

Sáu là, nguồn nhân lực PCCC và CNCH hoạt động trong một hệ thống liên ngành, do đó đào tạo không thể khép kín trong phạm vi một cơ sở giáo dục. Cần hình thành hệ sinh thái liên kết giữa cơ sở đào tạo chuyên ngành với cơ quan quản lý nhà nước, lực lượng trực tiếp chiến đấu, Công an địa phương, y tế, quân đội, cơ sở nghiên cứu, doanh nghiệp công nghệ, các trường đại học và đối tác quốc tế. Mỗi chủ thể cung cấp một loại nguồn lực khác nhau: tình huống, dữ liệu, chuyên gia, công nghệ, môi trường thử nghiệm hoặc kinh nghiệm quốc tế. Trong hệ sinh thái đó, Học viện PCCC và CNCH cần phát huy vai trò cơ sở đào tạo, nghiên cứu chuyên ngành nòng cốt; chủ động tham gia xây dựng chuẩn năng lực, chuẩn hóa học liệu, phát triển ngân hàng tình huống, tổ chức

huấn luyện chuyên sâu và kết nối mạng lưới chuyên gia. Vai trò nòng cốt không làm thay các chủ thể khác mà sẽ tạo chuẩn, tạo nền tảng dùng chung và tạo cơ chế để tri thức từ thực tiễn được chuyển hóa nhanh thành năng lực đào tạo.

Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 22-NQ/TW không chỉ đặt ra những nhiệm vụ mới đối với công tác PCCC và CNCH mà còn làm thay đổi yêu cầu đối với chính nguồn nhân lực thực hiện nhiệm vụ này. Trong giai đoạn mới, cán bộ PCCC và CNCH không chỉ cần giỏi xử lý sự cố, mà phải có năng lực quản trị rủi ro, dự báo, chỉ huy ứng phó, làm chủ khoa học - công nghệ, làm việc với cộng đồng và thích ứng với những nguy cơ mới. Vì vậy, đổi mới đào tạo nguồn nhân lực PCCC và CNCH không chỉ là yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục chuyên ngành, mà là một bộ phận trực tiếp của quá trình xây dựng năng lực quốc gia về bảo đảm an ninh con người, an ninh quốc gia và khả năng chống chịu của xã hội trong kỷ nguyên mới.■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2026), *Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 28/7/2026 về xây dựng xã hội kỷ cương, an toàn, văn minh, hài hòa, phát triển*, Hà Nội.
2. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2026), *Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 28/7/2026 về Chiến lược An ninh quốc gia*, Hà Nội.



Ngày nhận bài: 12/7/2026; Ngày thẩm định: 04/8/2026; Ngày duyệt đăng: 21/9/2026.

XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG DÂN PHÒNG GÓP PHẦN THỰC HIỆN HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC MÔ HÌNH TRONG PHONG TRÀO TOÀN DÂN PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY, CỨU NẠN, CỨU HỘ TẠI CÁC KHU DÂN CƯ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Đại úy, ThS TRỊNH THỂ TUẤN

Khoa Nghiệp vụ cơ bản, Học viện Phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ

**Tác giả liên hệ: Trịnh Thể Tuấn (Email: tringthetuant34@gmail.com)*

Tóm tắt: Các mô hình trong phong trào Toàn dân phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ (PCCC và CNCH) tại các khu dân cư ngày càng có vị trí, vai trò quan trọng trong việc lan tỏa kiến thức, kỹ năng và xây dựng văn hóa an toàn PCCC, CNCH cho cộng đồng, trong đó có sự đóng góp to lớn của lực lượng Dân phòng. Bài viết trên cơ sở làm rõ vai trò và thực tiễn lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH hướng dẫn, xây dựng lực lượng Dân phòng đối với việc tổ chức hoạt động của các mô hình trong phong trào Toàn dân PCCC, CNCH tại khu dân cư trên địa bàn Thành phố Hà Nội; từ đó, đề xuất các giải pháp xây dựng lực lượng Dân phòng góp phần tổ chức thực hiện hiệu quả hoạt động của các mô hình trong phong trào Toàn dân PCCC, CNCH tại khu dân cư trên địa bàn Thành phố thời gian tới.

Từ khóa: lực lượng Dân phòng, khu dân cư, Thành phố Hà Nội.

Abstract: Community-based models within the All-People movement for fire and rescue in residential areas play an increasingly vital role in disseminating safety knowledge, skills, and fostering a community culture of fire safety, with significant contributions from civil defense forces. Based on clarifying the practical role of the Fire and Rescue Police in guiding and building the civil defense force to organize the activities of these models in residential areas across Hanoi City, this article proposes key solutions to strengthen the civil defense force. These solutions aim to enhance the operational efficiency of the models within the All-People movement for fire and rescue in the City's residential areas in the coming period.

Keywords: civil defense forces, residential area, Hanoi City.

1. Thành phố Hà Nội là đô thị đặc biệt với quy mô dân số lớn, mật độ dân cư cao, nhiều loại hình cơ sở, công trình đan xen giữa nhà ở, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ..., cùng với hơn 1,7 triệu hộ gia đình, trong đó nhiều nhà ở kết hợp kinh doanh tiềm ẩn nguy cơ cháy, nổ cao, đặt ra yêu cầu trong công tác xây dựng phong trào Toàn dân tham gia PCCC và CNCH phải được triển khai thường xuyên, liên tục, có chiều sâu và bao phủ rộng khắp; trong đó đòi hỏi người

đứng đầu cấp ủy, chính quyền, các ngành, đoàn thể cần nâng cao vai trò lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện đồng bộ, hiệu quả, gắn với điều kiện thực tiễn của địa phương. Bên cạnh đó, đặc điểm nhiều khu dân cư truyền thống với ngõ nhỏ, sâu, hạ tầng giao thông hạn chế không chỉ gây khó khăn trong tiếp cận chữa cháy, thực tiễn đó cần có những mô hình, phương thức linh hoạt, phù hợp, đặc biệt đối với chủ cơ sở, chủ hộ gia đình, hộ kinh doanh nhỏ lẻ, tiểu thương và

quần chúng nhân dân nhằm bảo đảm dễ tiếp cận, dễ hiểu, dễ thực hiện.

Trong những năm qua, lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an Thủ đô đóng vai trò là hạt nhân nòng cốt, giữ vị trí quyết định trong việc hướng dẫn, xây dựng lực lượng Dân phòng nhằm vận hành hiệu quả các mô hình trong phong trào Toàn dân PCCC, CNCH tại khu dân cư. Vai trò chiến lược này được thể hiện rõ nét qua ba khía cạnh trọng tâm: (1) Lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an Thành phố Hà Nội không chỉ là người diễn tập mà trực tiếp “cầm tay chỉ việc”, tổ chức huấn luyện nghiệp vụ, trang bị kiến thức pháp luật và kỹ năng chữa cháy, thoát nạn cho lực lượng Dân phòng. Sự hướng dẫn bài bản này giúp lực lượng Dân phòng tại các khu dân cư trên địa bàn thành phố có đủ khả năng ứng phó ngay trong “thời điểm vàng” khi đám cháy mới phát sinh; (2) Lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an Thành phố đóng vai trò tham mưu, trực tiếp khảo sát đặc thù từng địa bàn để hướng dẫn xây dựng các mô hình thiết thực như: “Tổ liên gia an toàn PCCC”, “Điểm chữa cháy công cộng” hay “Khu dân cư an toàn PCCC”...; hướng dẫn cách lắp đặt hệ thống chuông báo cháy liên động, trang bị và sử dụng các phương tiện chữa cháy, CNCH tại chỗ một cách thực chất, hiệu quả; (3) Thông qua việc đồn đốc, kiểm tra và cùng sinh hoạt, lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an thành phố Hà Nội đã tạo ra sự gắn kết chặt chẽ giữa chính quyền, lực lượng Dân phòng và người dân. Từng bước biến ý thức phòng cháy thành thói quen hằng ngày của từng hộ gia đình, thúc đẩy phong trào “Toàn dân tham gia PCCC, CNCH” đi vào chiều sâu, phát huy tối đa phương châm “Bốn tại chỗ”. Sự đồng hành, hướng dẫn sát sao của lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an Thành phố Hà Nội chính là chiếc cầu nối quyết định, biến lực lượng Dân phòng thành “cánh tay nối dài” vững chắc, bảo vệ bình yên cho từng con ngõ, mái nhà tại các khu dân cư trên địa bàn Thành phố.

2. Lực lượng Dân phòng được xác định là lực lượng xung kích, nòng cốt trong xây dựng, duy trì và tổ chức hoạt động của các mô hình trong phong trào Toàn dân PCCC, CNCH tại các khu dân cư trên địa

bàn Thành phố. Theo đó, ngay khi Luật PCCC và CNCH năm 2024, Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ có hiệu lực, Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH đã chủ động báo cáo Giám đốc Công an thành phố đề tham mưu UBND Thành phố kiện toàn lực lượng Dân phòng theo đúng quy định. Hiện nay, trên địa bàn Thành phố Hà Nội hiện có 126 phường, xã, thị trấn với 5.415 thôn, tổ dân phố. Đến nay, 100% các thôn, tổ dân phố đã thành lập Đội Dân phòng với tổng số 5.415 Đội trưởng, 5.435 Đội phó và 44.369 đội viên. Thành viên các Đội Dân phòng sau khi được thành lập đã được tổ chức tập huấn nghiệp vụ về PCCC, CNCH theo quy định. Cuối năm 2025, Thành phố đã tổ chức đánh giá, phân loại gồm: 2.414 Đội Dân phòng tốt (đạt từ 85 điểm trở lên); 2.794 Đội Dân phòng khá (đạt từ 70 điểm đến dưới 85 điểm); 203 Đội Dân phòng trung bình (đạt từ 70 điểm đến dưới 85 điểm); 04 Đội Dân phòng yếu (đạt dưới 50 điểm). Về phương tiện, có 2.359 Đội Dân phòng đã trang bị đầy đủ phương tiện PCCC, CNCH theo Thông tư số 36/2025/TT-BCA, 3.056 Đội Dân phòng chưa trang bị đầy đủ phương tiện PCCC, CNCH theo Thông tư số 36/2025/TT-BCA [2].

Khu dân cư luôn là địa bàn phức tạp, tiềm ẩn nhiều nguy cơ, rủi ro cháy, nổ, tai nạn, sự cố xảy ra trên địa bàn thành phố; do đó, bên cạnh việc nâng cao hiệu quả tuyên truyền thì lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an Thành phố luôn chủ động nghiên cứu, sáng tạo, hướng dẫn nhiều các làm hay, mô hình hiệu quả trong công tác xây dựng phong trào Toàn dân tham gia PCCC, CNCH trên địa bàn quản lý, nhằm phát huy hiệu quả phương châm “Bốn tại chỗ” trong công tác PCCC và CNCH tại các khu dân cư. Quá trình thực hiện và thực tiễn cho thấy, để xây dựng, duy trì và tổ chức hiệu quả hoạt động của các mô hình thì lực lượng nòng cốt, trực tiếp là lực lượng Dân phòng. Trong những năm qua, lực lượng Dân phòng cùng lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH, Công an xã, phường trên địa bàn thành phố đã tích cực, chủ động hướng dẫn các khu dân cư xây dựng mô hình trong phong trào Toàn dân PCCC, CNCH trên cơ sở văn bản chỉ đạo của cơ quan cấp trên, cũng như từ thực tiễn hoạt động của mỗi khu dân cư. Theo

đó đã thu được một số kết quả nổi bật như sau:

Thành phố đã thành lập và duy trì hoạt động 8.975 mô hình “Tổ liên gia an toàn PCCC” (100% tổ liên gia đã được hướng dẫn tổ chức thực tập phương án chữa cháy, thoát nạn); đã xây dựng, lắp đặt 23.788 mô hình “Điểm chữa cháy công cộng”. Công an Thành phố đã tích cực vận động các hộ gia đình chủ động trang bị thêm bình chữa cháy xách tay, dụng cụ phá dỡ thô sơ và có phương án xử lý tình huống cháy, nổ, thoát nạn. Kết quả tính đến hết ngày 30/3/2026: 1.710.696 hộ gia đình (chỉ để ở), hộ gia đình kết hợp sản xuất, kinh doanh trên địa bàn Thành phố đã trang bị bình chữa cháy xách tay (trong đó 100% hộ gia đình kết hợp sản xuất kinh doanh đã chủ động tự trang bị) với tổng số hơn 1,7 triệu bình chữa cháy. 1.622.466 hộ gia đình đã tự trang bị dụng cụ phá dỡ thô sơ (trong đó 100% hộ gia đình kết hợp sản xuất kinh doanh đã chủ động tự trang bị) với tổng số khoảng 1,8 dụng cụ phá dỡ các loại [2].

Bên cạnh đó, căn cứ hoạt động đặc thù ở mỗi khu dân cư, trên cơ sở hướng dẫn của lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an Thành phố, UBND các xã, phường đã chủ động xây dựng các mô hình phù hợp với khu dân cư thuộc phạm vi quản lý. Theo đó, lực lượng Dân phòng đã chủ động cùng Công an xã, phường, Đội Chữa cháy và CNCH khu vực tiến hành các hoạt động xây dựng và nhân rộng các mô hình trong phong trào Toàn dân tham gia PCCC, CNCH tại các khu dân cư thuộc phạm vi địa bàn quản lý. Kết quả: Mô hình “Hộ gia đình an toàn PCCC theo phương châm 4 tại chỗ” đã được xây dựng và nhân rộng trên địa bàn phường, xã: Hoàn Kiếm, Bắc Từ Liêm; Đống Đa; Hoàng Mai; Chương Mỹ. Mô hình “Khu chung cư, tập thể an toàn PCCC” đã được xây dựng và nhân rộng trên địa bàn phường, xã: Hai Bà Trưng; Đống Đa; Ba Đình; Hoàng Mai; Thanh Xuân; Hà Đông; Đan Phượng; Quốc Oai. Mô hình “Cụm liên kết Làng nghề an toàn” đã được xây dựng và nhân rộng trên địa bàn phường, xã: Hà Đông; Quốc Oai. Mô hình “Cụm liên kết an toàn trong Khu/Cụm công nghiệp” trên địa bàn phường, xã: Long Biên; Đông Anh; Thanh Trì; Hà Đông; Quốc Oai. Mô hình “Cụm liên kết an toàn PCCC rừng” đã được xây dựng và

nhân rộng trên địa bàn xã: Ba Vì; Quốc Oai. Mô hình “Đội PCCC tình nguyện” đã được xây dựng và nhân rộng trên địa bàn phường, xã: Ba Đình, Cầu Giấy. Mô hình “Tổ chữa cháy và CNCH thuộc lực lượng Công an phường” trên địa bàn phường: Thanh Xuân. Mô hình “Cụm liên kết đảm bảo an ninh trật tự - an toàn PCCC và CNCH” trên địa bàn phường: Từ Liêm. Mô hình “Phát động phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trong công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tại các cơ quan, doanh nghiệp trên địa bàn” trên địa bàn phường, xã: Hoàng Mai, Chương Mỹ;...[2].

Công tác xây dựng phong trào Toàn dân tham gia PCCC, CNCH dần đi vào thực chất với nhiều mô hình được xây dựng và nhân rộng theo phương châm “Bốn tại chỗ” đem lại hiệu quả cao như: mô hình Tổ liên gia an toàn về PCCC (8.975 Tổ liên gia an toàn về PCCC), Điểm chữa cháy công cộng (23.788 Điểm chữa cháy công cộng), trường học an toàn PCCC, Tổ chữa cháy tình nguyện,... Lực lượng Dân phòng được kiện toàn với các trang thiết bị phục vụ công tác PCCC và CNCH để đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới. Theo đó, nhiều vụ cháy đã được lực lượng cơ sở, Dân phòng và quần chúng nhân dân phát hiện và dập tắt kịp thời ngay khi mới phát sinh. Theo thống kê vụ cháy trong 5 năm trở lại đây, lực lượng tại chỗ tham gia xử lý gần 90% tổng số vụ cháy trong đó dập tắt 53,38% số vụ cháy ngay từ ban đầu. Chỉ tính riêng trong Quý I/2026, lực lượng tại chỗ đã tham gia chữa cháy ban đầu 199 vụ cháy, trực tiếp dập tắt 35 vụ cháy, đặc biệt xử lý ngay 433 vụ việc không để phát triển thành đám cháy [2].

Bên cạnh những kết quả đạt được, các mô hình trong phong trào Toàn dân tham gia PCCC, CNCH tại khu dân cư ở một số địa bàn phát triển chưa đồng đều; việc duy trì hoạt động của các mô hình, lực lượng Dân phòng có nơi còn hình thức, hiệu quả chưa bền vững; nhận thức, ý thức chấp hành quy định về PCCC và CNCH của một bộ phận người dân, chủ cơ sở còn chưa cao; vẫn tồn tại tâm lý chủ quan, lơ là, chưa coi công tác PCCC là trách nhiệm thường xuyên, tự giác;... nguyên nhân chủ yếu đó là công tác xây dựng phong trào Toàn dân PCCC, CNCH tại

khu dân cư có lúc, có nơi chưa được xác định là nhiệm vụ thường xuyên, lâu dài; lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền địa phương chưa quyết liệt, còn giao khoán cho lực lượng Công an, chưa phát huy đầy đủ vai trò của cả hệ thống chính trị và các tổ chức đoàn thể; đồng thời, chưa thực sự quan tâm xây dựng lực lượng Dân phòng phát triển toàn diện, thực sự là lực lượng nòng cốt trong công tác PCCC và CNCH tại các khu dân cư.

3. Thời gian tới, để lực lượng Dân phòng thực sự phát huy năng lực, hiệu quả cao hơn nữa góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của các mô hình trong phong trào Toàn dân tham gia PCCC, CNCH tại các khu dân cư trên địa bàn Thành phố, lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an thành phố cần tập trung làm tốt một số nội dung sau:

Một là, tham mưu UBND Thành phố chỉ đạo UBND các xã, phường kiện toàn tổ chức và bảo đảm chế độ chính sách cho lực lượng Dân phòng; thường xuyên, định kỳ tổ chức tập huấn, huấn luyện cho lực lượng Dân phòng, đảm bảo 100% thành viên Đội Dân phòng phải được tập huấn và chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ về PCCC&CNCH đảm bảo theo quy định; đầu tư trang bị phương tiện PCCC, CNCH cho lực lượng Dân phòng theo đúng quy định của Bộ Công an trên địa bàn Thành phố Hà Nội. Đồng thời, thúc đẩy việc huy động các nguồn lực xã hội hóa kết hợp ngân sách địa phương để bảo đảm chế độ phụ cấp, hỗ trợ kinh phí hoạt động và trang bị phương tiện, dụng cụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ ban đầu cho lực lượng Dân phòng.

Hai là, đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương pháp huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC, CNCH, trong đó có kiến thức, kỹ năng tổ chức và duy trì hoạt động của các mô hình trong phong trào Toàn dân tham gia PCCC, CNCH tại khu dân cư cho lực lượng Dân phòng theo hướng thực chiến, dễ hiểu, dễ làm. Lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH phải xóa bỏ tính hình thức trong đào tạo, chuyển từ lý thuyết sang tăng cường thời lượng thực hành các kỹ năng cốt lõi cho Dân phòng như: kỹ năng hướng dẫn, thuyết phục, sử dụng thành thạo phương tiện chữa cháy tại chỗ, kỹ thuật di chuyển người bị nạn trong đám cháy

và kỹ năng thoát nạn trong môi trường nhiều khói. Các buổi diễn tập phương án chữa cháy, CNCH cần được tổ chức ngay tại địa bàn khu dân cư, giả định các tình huống cháy sát thực tế tại các nhà ở kết hợp sản xuất kinh doanh, ngõ sâu xe chữa cháy không tiếp cận được,... Qua đó, giúp lực lượng Dân phòng nâng cao bản lĩnh, phản xạ nhanh và biết cách chỉ huy, phân công phối hợp xử lý tình huống ngay trong “thời điểm vàng” ban đầu.

Ba là, nâng cao vai trò hướng dẫn trực tiếp của lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH trong việc vận hành, duy trì và nhân rộng các mô hình trong phong trào Toàn dân PCCC, CNCH tại khu dân cư. Không dừng lại ở việc ra mắt mô hình, lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH phải thường xuyên xuống địa bàn, cùng lực lượng Dân phòng “đi từng ngõ, gõ từng nhà” kiểm tra, hướng dẫn người dân khắc phục các nguy cơ cháy, nổ, như: hệ thống điện, nơi thờ cúng, quản lý chất dễ cháy,... Phải hướng dẫn lực lượng Dân phòng cách tổ chức sinh hoạt định kỳ, kiểm tra bảo dưỡng hệ thống chuông báo cháy liên động, bổ sung phương tiện tại các điểm chữa cháy công cộng và các dụng cụ, phương tiện PCCC, CNCH đã được trang bị. Đồng thời, lấy lực lượng Dân phòng làm hạt nhân để tuyên truyền, hướng dẫn người dân cài đặt các ứng dụng báo cháy, ký cam kết an toàn, duy trì và nhân rộng các mô hình trong phong trào Toàn dân PCCC, CNCH tại khu dân cư thuộc phạm vi phụ trách.

Bốn là, tăng cường phối hợp trong công tác kiểm tra, giám sát, kịp thời biểu dương, khen thưởng và gắn kết chặt chẽ cơ chế phối hợp thông tin về lực lượng Dân phòng trong tổ chức và duy trì hoạt động của các mô hình trong phong trào Toàn dân tham gia PCCC, CNCH tại khu dân cư. Lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH cần thiết lập kênh thông tin liên lạc thông suốt 24/7 với các Đội trưởng, Phó Đội trưởng Dân phòng để kịp thời nắm bắt tình hình hoạt động, giải quyết ngay những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện; đồng thời để tiếp nhận thông tin cháy, nổ, tai nạn, sự cố tại khu dân cư và hướng dẫn xử lý từ xa trước khi di chuyển đến hiện trường. Hàng năm, cần tổ chức các hội thi về tuyên truyền, xây dựng phong trào Toàn dân PCCC, CNCH giỏi, hội thao

nghiệp vụ chữa cháy, CNCH cho lực lượng Dân phòng nhằm tạo sân chơi cọ xát, nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng phó, xử lý các tình huống cháy, nổ, tai nạn, sự cố trong thực tiễn. Đồng thời, phối hợp với chính quyền kịp thời biểu dương, khen thưởng những tập thể, cá nhân trong lực lượng Dân phòng có thành tích xuất sắc, dũng cảm trong công tác xây dựng phong trào Toàn dân tham gia PCCC, CNCH tại khu dân cư, tạo động lực lan tỏa tinh thần trách nhiệm trong toàn cộng đồng.■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chính phủ (2025), *Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ*, Hà Nội.
2. Công an Thành phố Hà Nội (2026), *Báo cáo số 732/BC-CAHN-PC07 ngày 24/4/2026 của Công an Thành phố Sơ kết việc triển khai thực hiện Đề án “Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và kiến thức, kỹ năng về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ đáp ứng yêu cầu tình hình mới” (giai đoạn 1, từ năm 2021 đến hết Quý I năm 2026)*, Hà Nội.
3. Quốc hội (2024), *Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ*, Hà Nội.



Ngày nhận bài: 29/7/2026; Ngày thẩm định: 04/8/2026; Ngày duyệt đăng: 21/9/2026.

TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY ĐỐI VỚI CÁC KHO BẢO QUẢN VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Trung tá, ThS NGUYỄN HỮU DŨNG

Khoa Tự động và phương tiện kỹ thuật phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, Học viện Phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ

**Tác giả liên hệ: Nguyễn Hữu Dũng (Email: mrdungnguyenhuu@gmail.com)*

Tóm tắt: Bài viết tập trung phân tích công tác phòng cháy, chữa cháy (PCCC) đối với kho bảo quản vật liệu nổ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Điện Biên, rút ra những kết quả đạt được, những hạn chế, thiếu sót và nguyên nhân, trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp góp phần tăng cường công tác PCCC đối với các kho vật liệu nổ công nghiệp trên địa bàn tỉnh thời gian tới.

Từ khóa: phòng cháy, chữa cháy; vật liệu nổ công nghiệp; Điện Biên....

Abstract: This article analyzes fire prevention and firefighting practice at industrial explosives storage facilities in Dien Bien province; highlighting achievements and shortcomings and their causes. Based on this analysis, it proposes solutions to enhance the fire safety management at industrial explosives storage facilities in the province in the future.

Keywords: fire safety; industrial explosives; Dien Bien....

1. Điện Biên là tỉnh miền núi, biên giới phía Tây Bắc của Tổ quốc, diện tích tự nhiên 9.562,9km², phía Đông Bắc giáp tỉnh Sơn La, phía Bắc giáp tỉnh Lai Châu, phía Tây Bắc giáp tỉnh Vân Nam (Trung Quốc), phía Tây và Tây Nam giáp Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào. Dân số toàn tỉnh 673.973 người, với 19 dân tộc. Hiện nay, với mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, tỉnh Điện Biên có 45 đơn vị hành chính cấp xã (42 xã và 03 phường). Trong những năm qua, mặc dù còn nhiều khó khăn, thách thức nhưng với sự quyết tâm của cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân trong toàn tỉnh, kinh tế, xã hội của tỉnh được duy trì, phát triển ổn định. Đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân từng bước cải thiện, quốc phòng được giữ vững, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm, pháp chế xã hội chủ nghĩa được tăng cường, hệ thống chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể được củng cố. Cùng với đó, quá trình

đô thị hóa phát triển nhanh, nhiều cơ sở sản xuất kinh doanh, chợ và trung tâm thương mại được đầu tư phát triển, công trình dân dụng gia tăng như: Dự án đầu tư xây dựng mở rộng Cảng Hàng không Điện Biên, Dự án Trung tâm Thương mại và Nhà ở Thương mại thành phố Điện Biên Phủ, Dự án Chợ và thương mại dịch vụ Mường Thanh... dẫn đến nguy cơ tiềm ẩn các sự cố, tai nạn, cháy, nổ, gây thiệt hại về người và tài sản. Trong khi đó, địa bàn rộng, cơ sở hạ tầng, trang thiết bị về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (PCCC và CNCH), hệ thống giao thông, nguồn nước, thông tin liên lạc còn nhiều khó khăn, do đó đã tác động, ảnh hưởng không nhỏ đến công tác PCCC và CNCH trên địa bàn, nhất là khu vực vùng sâu, vùng xa. Bên cạnh đó, với đặc thù tỉnh miền núi, việc các kho bảo quản vật liệu nổ công nghiệp được xây dựng, tồn tại và phát triển ngày càng đặt ra những vấn đề nghiêm ngặt trong công tác PCCC. Mặc dù các kho vật liệu nổ

công nghiệp trên địa bàn Điện Biên chưa xảy ra cháy nổ lớn nhưng vẫn còn tồn tại nhiều nguy cơ do đặc điểm địa hình miền núi, khoảng cách xa lực lượng chữa cháy chuyên nghiệp, điều kiện giao thông khó khăn và nguồn nước hạn chế. Do đó, việc đánh giá thực trạng công tác PCCC đối với các kho bảo quản vật liệu nổ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Điện Biên có ý nghĩa quan trọng nhằm đề xuất các giải pháp phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

2. Nhận thức được tầm quan trọng của công tác PCCC và CNCH nói chung cũng như công tác bảo đảm an toàn về PCCC cho các kho vật liệu nổ công nghiệp phục vụ phát triển kinh tế, xã hội ở địa phương, Tỉnh ủy đã chỉ đạo các đảng, đoàn, ban cán sự đảng, đảng ủy địa phương, đảng ủy trực thuộc tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc các chỉ đạo của Trung ương về công tác PCCC, trọng tâm là: Chỉ thị số 47-CT/TW, Kết luận số 02-KL/TW và hiện nay là Chỉ thị số 02-CT/TW, Luật PCCC và CNCH năm 2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành.... Qua đó, đã góp phần nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp, các ngành; phát huy được sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị và đông đảo quần chúng nhân dân tích cực tham gia công tác PCCC và CNCH, góp phần kiểm chế các vụ cháy lớn gây thiệt hại nghiêm trọng, bảo đảm trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Cấp ủy, chính quyền các cấp và các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể tỉnh đã thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp, quyết liệt và toàn diện đối với công tác PCCC và CNCH; cụ thể hoá nội dung Chỉ thị số 02-CT/TW và văn bản chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh thành chương trình, kế hoạch, văn bản chỉ đạo công tác PCCC và CNCH với những mục tiêu, yêu cầu, giải pháp phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, địa bàn, lĩnh vực quản lý, phụ trách. Ban Thường vụ Tỉnh ủy thường xuyên chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc tổ chức thực hiện của các cơ quan, đơn vị; đồng thời sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm, kịp thời chấn chỉnh, khắc phục những hạn chế, khuyết điểm, đưa ra các giải pháp tháo gỡ những khó khăn, bất cập trong quá trình tổ chức thực hiện và đề ra phương hướng, nhiệm vụ công tác PCCC và CNCH trong thời gian tiếp theo.

Đối với việc xây dựng và quản lý kho bảo quản vật liệu nổ công nghiệp tại tỉnh Điện Biên tuân thủ nghiêm ngặt quy hoạch địa phương và các tiêu chuẩn kỹ thuật an toàn. Các doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng kho vật liệu nổ phải đáp ứng quy định của pháp luật có liên quan đến vật liệu nổ công nghiệp. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh, các kho vật liệu nổ công nghiệp chủ yếu được đầu tư, cấp phép cho các doanh nghiệp khai thác khoáng sản, thi công các dự án giao thông hoặc các đơn vị dịch vụ nổ mìn. Để vận hành hoặc thuê kho chứa vật liệu nổ trên địa bàn tỉnh Điện Biên, tổ chức, doanh nghiệp phải tuân thủ nghiêm các quy chuẩn quốc gia về kỹ thuật an toàn, bảo quản (như QCVN 01:2019/BCT), đồng thời phải được sự chấp thuận của UBND tỉnh và các cơ quan chức năng. UBND tỉnh cũng đã ban hành Quy chế quản lý vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Điện Biên. Quy chế này quy định trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện công tác quản lý nhà nước về hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Theo đó, Sở Công Thương là cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, có chức năng tham mưu, giúp UBND tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp trên địa bàn tỉnh; là đầu mối trong việc phối hợp với các đơn vị trên địa bàn tỉnh quản lý vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp có nhiệm vụ: chủ trì phối hợp với các cơ quan chức năng soạn thảo, trình UBND tỉnh ban hành, tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn tổ chức thực hiện các văn bản quản lý, các quy định pháp luật về vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp. Tiếp nhận hồ sơ, thẩm định hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại, thu hồi (hoặc trả lại) giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp. Cấp, cấp lại hoặc thu hồi giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp cho các tổ chức có nhu cầu và đủ điều kiện sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền cấp phép theo quy định. Tiếp nhận hồ sơ

Thông báo về sử dụng vật liệu nổ công nghiệp của các đơn vị có giấy phép hoạt động vật liệu nổ công nghiệp do Bộ Công Thương, Bộ Quốc phòng cấp khi hoạt động vật liệu nổ công nghiệp tại địa phương. Công bố trên Website Sở Công Thương các thông tin cần thiết về nội dung Giấy phép đã cấp. Các thông tin đã công bố có giá trị pháp lý như thông tin gốc trong hồ sơ lưu trữ tại Sở Công Thương. Gửi bản sao Giấy phép cho UBND cấp xã nơi có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp biết để theo dõi, giám sát. Tổ chức thu và quản lý, sử dụng phí thẩm định hồ sơ cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí. Tiếp nhận hồ sơ đề nghị huấn luyện; tổ chức huấn luyện, kiểm tra, cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ cho các đối tượng là người quản lý. Tiếp nhận hồ sơ đề nghị kiểm tra, cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ cho các đối tượng là người được giao quản lý kho vật liệu nổ công nghiệp; chỉ huy nổ mìn; thợ mìn; người phục vụ; người áp tải, điều khiển phương tiện vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm về hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp trên địa bàn tỉnh. Chủ trì phối hợp các ngành có liên quan chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác báo cáo trong các trường hợp bất thường và báo cáo định kỳ hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp theo quy định. Quản lý chất lượng công trình xây dựng liên quan đến bảo quản vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư xây dựng. Chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc thẩm định thiết kế về PCCC...[5].

Đối với Công an tỉnh, có trách nhiệm phổ biến, hướng dẫn và tổ chức thực hiện các quy định về an ninh trật tự; phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trong quản lý sử dụng, bảo quản, vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ theo quy định

của pháp luật. Phối hợp Sở Công Thương và các ngành liên quan tham gia xây dựng văn bản quản lý về vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ trên địa bàn tỉnh. Tổ chức kiểm tra, huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ về PCCC, CNCH. Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ thiết kế về PCCC, cấp văn bản ghi nhận kết quả thẩm định thiết kế về PCCC; cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự để làm ngành, nghề kinh doanh có điều kiện.... Cử cán bộ tham gia giám sát việc sử dụng vật liệu nổ công nghiệp do Sở Công Thương chủ trì khi nổ mìn trong các khu vực dân cư, cơ sở khám chữa bệnh, khu vực có các di tích lịch sử, văn hoá, bảo tồn thiên nhiên, các công trình an ninh, quốc phòng hoặc các công trình quan trọng khác của quốc gia, khu vực bảo vệ khác theo quy định pháp luật. Phối hợp với Sở Công Thương và các ngành liên quan trong thanh tra, kiểm tra định kỳ, đột xuất các doanh nghiệp sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, kiểm tra chất lượng công trình kho vật liệu nổ công nghiệp trước khi cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; kiểm tra, kiểm soát khối lượng vật liệu nổ công nghiệp, cấp phép vận chuyển cho từng công trình, địa điểm sử dụng đảm bảo phù hợp với quy mô, số lượng cho phép tại Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; tổ chức diễn tập các phương án kế hoạch ứng cứu khẩn cấp của các tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Chỉ đạo các phòng nghiệp vụ, Công an các đơn vị phối hợp với các đơn vị liên quan tiến hành thanh tra, kiểm tra hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ trên địa bàn. Phát hiện và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm về hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ. Chủ trì tiến hành điều tra, truy tố các vụ án liên quan đến hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ theo quy định của pháp luật [5].

3. Trong lĩnh vực hóa chất, trên địa bàn toàn tỉnh có 408 cơ sở, trong đó có 16 kho bảo quản vật liệu nổ công nghiệp. Được sự hướng dẫn, kiểm tra của các đơn vị nghiệp vụ và sự quan tâm chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền địa phương nên người đứng đầu các cơ sở đã quan tâm hơn đến công tác PCCC và CNCH, thường xuyên tổ chức tự kiểm tra về PCCC, tổ chức tập huấn nghiệp vụ về PCCC và CNCH, thực

tập phương án chữa cháy và CNCH định kỳ, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ PCCC và CNCH tại cơ sở theo phương châm “bốn tại chỗ”. Tình hình cháy, nổ, tai nạn, sự cố và thiệt hại do cháy, nổ, tai nạn, sự cố gây ra được kiểm chế đến mức thấp nhất. Từ năm 2020 đến nay, trên địa bàn toàn tỉnh chưa xảy ra vụ cháy, nổ nào liên quan đến vật liệu nổ công nghiệp. Công tác hướng dẫn, kiểm tra về PCCC đã được quan tâm và thực hiện theo đúng quy định của pháp luật; công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, kiến thức về PCCC và CNCH tại các cơ sở có kho bảo quản vật liệu nổ công nghiệp được đẩy mạnh, đầu tư cả về nội dung và hình thức. Tỉnh ủy đã lãnh đạo, chỉ đạo các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các đoàn thể chính trị, xã hội các cấp đẩy mạnh công tác này, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu các cấp, các ngành và cơ sở trong việc quản lý, tổ chức công tác PCCC, với nhiều hình thức đa dạng, phong phú như: tổ chức xây dựng, đăng phát các tin, bài, phóng sự tuyên truyền về công tác PCCC trên các phương tiện thông tin đại chúng; tuyên truyền trên mạng xã hội (facebook, zalo,...), tuyên truyền công tác PCCC và CNCH thông qua mã QR code, tuyên truyền thông qua các hội nghị giao ban báo chí, họp báo để cung cấp, định hướng thông tin, chỉ đạo các cơ quan báo chí tuyên truyền công tác PCCC. Chỉ đạo xây dựng phát hành các tài liệu hướng dẫn kỹ năng biện pháp PCCC và CNCH và giải đáp vướng mắc về pháp luật trong công tác PCCC; tổ chức các hội nghị, tọa đàm, đối thoại để tiếp nhận, giải đáp các kiến nghị của doanh nghiệp, người dân trong công tác PCCC và CNCH; hướng dẫn treo băng rôn, khẩu hiệu, áp phích, tổ chức các lớp tập huấn, hội thi, hội thao, chương trình trải nghiệm...; thường xuyên huấn luyện, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng PCCC, thoát nạn cho lực lượng PCCC và CNCH cơ sở, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tại các cơ sở trọng điểm, có nguy hiểm cháy, nổ cao, trong đó có các kho vật liệu nổ công nghiệp...; triển khai hướng dẫn cài đặt ứng dụng “Báo cháy 114” trên điện thoại di động. Qua đó đã nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy, lãnh đạo các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể, địa phương và nhân dân về công tác

PCCC và CNCH nói chung và đối với kho vật liệu nổ công nghiệp nói riêng. Qua kiểm tra về PCCC tại các kho vật liệu nổ công nghiệp đã hướng dẫn khắc phục những hạn chế, thiếu sót trong công tác PCCC và CNCH góp phần loại trừ nguy cơ phát sinh cháy, nổ, sự cố, tai nạn.

4. Thời gian tới, để tăng cường công tác PCCC tại các kho quản lý vật liệu nổ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Điện Biên ngày càng có hiệu quả hơn, góp phần bảo đảm mục tiêu không để xảy ra cháy, nổ loại hình cơ sở này, cần chú ý một số nội dung sau:

Một là, tiếp tục chỉ đạo triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các văn bản chỉ đạo của Trung ương đảng, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về công tác PCCC và CNCH nói chung và PCCC đối với kho vật liệu nổ công nghiệp nói riêng. Đưa việc chấp hành các quy định của pháp luật về PCCC và CNCH là một tiêu chí đánh giá chất lượng hoạt động của tổ chức cơ sở đảng, cơ quan, đơn vị, đoàn thể, cán bộ, đảng viên, người lao động tại các kho vật liệu nổ công nghiệp. Quán triệt sâu rộng và thực hiện nghiêm túc Chỉ thị 02-CT/TW cũng như các chương trình, kế hoạch của Trung ương và địa phương; Luật PCCC và CNCH và các văn bản hướng dẫn thi hành và đặc biệt là thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật có liên quan đến bảo quản vật liệu nổ công nghiệp.

Hai là, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, phổ biến kiến thức, pháp luật về PCCC và CNCH tại các cơ sở, kho bảo quản vật liệu nổ công nghiệp. Vận động cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động và quần chúng Nhân dân nâng cao trách nhiệm, ý thức tự giác chấp hành pháp luật về PCCC và CNCH, tích cực tham gia công tác PCCC và CNCH. Lồng ghép việc phổ biến kiến thức, kỹ năng PCCC và CNCH vào trong các buổi sinh hoạt chính trị tại cấp cơ sở, trong các chương trình, hoạt động ngoại khóa tại các cơ sở. Trong đó, đặc biệt là tuyên truyền các kiến thức an toàn chuyên sâu về vật liệu nổ công nghiệp.

Ba là, xây dựng phong trào Toàn dân tham gia PCCC và CNCH sâu rộng, gắn với phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, với phương châm bốn tại chỗ, nòng cốt là lực lượng PCCC và CNCH cơ sở

tại các cơ sở, kho vật liệu nổ công nghiệp. Chú trọng xây dựng, nhân rộng các điển hình tiên tiến, các mô hình an toàn PCCC áp dụng cho các kho bảo quản vật liệu nổ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Điện Biên. Kết nối xây dựng các cụm khu vực, cụm cơ sở, trong đó có các kho bảo quản vật liệu nổ công nghiệp bảo đảm an toàn và ngày càng được nhân rộng.

Bốn là, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về PCCC và CNCH đối với các kho vật liệu nổ công nghiệp. Thực hiện đồng bộ quy hoạch phát triển kinh tế, xã hội của địa phương gắn với quy hoạch hệ thống hạ tầng bảo đảm cho công tác PCCC và CNCH. Phát huy vai trò, trách nhiệm của lực lượng Công an; tăng cường thanh tra, kiểm tra công tác đảm bảo an toàn PCCC tại các kho bảo quản vật liệu nổ công nghiệp; hướng dẫn khắc phục các khó khăn, thiếu sót trong công tác PCCC và CNCH tại các cơ sở, kho bảo quản vật liệu nổ công nghiệp. Hướng dẫn sử dụng trang, thiết bị, phương tiện PCCC; hướng dẫn cập nhật dữ liệu về PCCC và CNCH vào hệ thống Cơ sở dữ liệu về PCCC và CNCH; lắp đặt thiết bị truyền tin báo cháy; xây dựng mô hình quản lý rủi ro theo mức nguy hiểm của các kho vật liệu nổ trên địa bàn.

Năm là, thường xuyên tổ chức tập huấn, diễn tập, thực tập các phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, tình huống xử lý cháy, nổ, sự cố, tai nạn có huy động nhiều lực lượng, phương tiện tham gia. Xây dựng cơ chế phối hợp giữa các lực lượng trong triển khai thực hiện công tác PCCC và CNCH trên địa bàn. Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho lực lượng trực tiếp thực hiện công tác PCCC và CNCH; xây dựng lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Điện Biên chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, nắm vững pháp luật, tinh thông nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ PCCC và CNCH trong tình hình mới.■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Bí thư (2026), *Chỉ thị số 02-CT/TW* ngày 31/01/2026 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác PCCC và CNCH trong tình hình mới, Hà Nội.
2. Chính phủ (2024), *Nghị định 181/2024/NĐ-CP*, ngày 31/12/2024, hướng dẫn Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ, Hà Nội.
3. Quốc hội (2024), *Luật PCCC và CNCH*, Hà Nội.
4. Tỉnh ủy Điện Biên (2025), *Báo cáo tổng kết thực hiện Chỉ thị số 47-CT/TW, Kết luận số 02-KL/TW của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác PCCC*, Điện Biên.
5. UBND tỉnh Điện Biên (2019), *Quyết định của UBND tỉnh về việc ban hành quy chế quản lý vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Điện Biên*, Điện Biên.



Ngày nhận bài: 29/7/2026; Ngày thẩm định: 07/8/2026; Ngày duyệt đăng: 21/9/2026.

LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN, GIÁO DỤC, PHỔ BIẾN KIẾN THỨC, PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Đại tá, PGS, TS HOÀNG NGỌC HẢI

Trưởng khoa Nghiệp vụ cơ bản, Học viện Phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ

**Tác giả liên hệ: Hoàng Ngọc Hải (Email: hoanghait34@gmail.com)*

Tóm tắt: Bài viết tập trung phân tích những kết quả đạt được trong lãnh đạo, chỉ đạo công tác tuyên truyền, giáo dục, phổ biến kiến thức, pháp luật về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (PCCC và CNCH) trên địa bàn Thành phố Hà Nội, trên cơ sở đó, chỉ ra hạn chế, nguyên nhân và đề xuất những vấn đề cần chú ý trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo thời gian tới.

Từ khóa: lãnh đạo, chỉ đạo PCCC và CNCH, PCCC và CNCH, pháp luật về PCCC và CNCH.

Abstract: This article focuses on analyzing the achievements in leadership and guidance of propaganda, education, and dissemination of knowledge and laws on fire and rescue in Hanoi. Based on this analysis, it identifies limitations, their causes, and proposes areas for improvement in future leadership and guidance.

Keywords: leadership and guidance in fire and rescue, fire and rescue, laws on fire and rescue.

1. Thủ đô Hà Nội là trung tâm chính trị - hành chính, văn hóa, khoa học, giáo dục, kinh tế, xã hội và giao dịch quốc tế của cả nước; là nơi đặt trụ sở của các cơ quan Trung ương của Đảng, Nhà nước, các đoàn thể chính trị, xã hội, trụ sở các đại sứ quán, tổ chức quốc tế, các văn phòng đại diện của các tổ chức nước ngoài... và là nơi thường xuyên diễn ra các hoạt động đối nội, đối ngoại, sự kiện trọng đại, quan trọng của Thủ đô và của đất nước. Thành phố có 126 xã, phường; 412 khu dân cư có nguy cơ cháy, nổ cao; 73 địa bàn được xác định là địa bàn, khu vực trọng điểm về PCCC theo hướng dẫn của Bộ Công an; có 137.192 cơ sở thuộc diện quản lý về PCCC theo quy định tại Phụ lục I Nghị định 105/2025/NĐ-CP, trong đó: 72.603 cơ sở do cơ quan Công an và cơ quan chuyên môn về xây dựng Thành phố quản lý, 64.589 cơ sở thuộc thẩm quyền quản lý của UBND cấp xã [3]. Với đặc điểm chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội cũng như tính chất phức tạp,

đa dạng của các loại hình cơ sở, khu dân cư trên địa bàn Thành phố nên cần phải tập trung huy động sức mạnh trong lãnh đạo, chỉ đạo về PCCC và CNCH, nhất là lãnh đạo, chỉ đạo công tác tuyên truyền, giáo dục, phổ biến pháp luật, kiến thức về PCCC và CNCH, góp phần thực hiện mục tiêu bảo đảm an toàn phục vụ nhiệm vụ chính trị trên địa bàn Thủ đô.

2. Trên địa bàn Thành phố Hà Nội, trong hơn 10 năm qua, từ năm 2015 đến nay, đã xảy ra khoảng 6.715 vụ cháy và 15 vụ nổ; gây thiệt hại về người: 223 người chết và 266 người bị thương, thiệt hại về tài sản: ước tính khoảng 1.200 tỷ đồng... [3]. Điều đó, cho thấy tình hình cháy, nổ trên địa bàn thành phố vẫn còn diễn biến phức tạp. Thường trực Thành ủy, UBND Thành phố luôn quan tâm, tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện các mặt công tác PCCC và CNCH với quan điểm chỉ đạo quyết liệt, toàn diện, có trọng tâm trọng điểm. Xác định công tác này là một

nhiệm vụ quan trọng cần ưu tiên thực hiện trong chiến lược phát triển kinh tế, xã hội của địa phương, đơn vị, gắn với việc thực hiện chương trình của Thành ủy về tăng cường quốc phòng, an ninh, đảm bảo trật tự an toàn xã hội và các chương trình mục tiêu kinh tế, xã hội khác của Thành phố. Bám sát sự chỉ đạo của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Công an, trong những năm qua, Thành ủy, UBND Thành phố đã lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng, hoàn thiện chính sách pháp luật về PCCC và CNCH và triển khai nhiều giải pháp biện pháp có tính chất trọng tâm, đột phá, sáng tạo và đổi mới; trong đó có rất nhiều nội dung lớn, khó, phức tạp mà Hà Nội là đơn vị đầu tiên trên toàn quốc quyết liệt triển khai thực hiện.

Đối với công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức, pháp luật về PCCC và CNCH, Thành ủy, UBND Thành phố luôn xác định đây là công tác đóng vai trò hết sức quan trọng trong việc nâng cao ý thức của người dân, doanh nghiệp trong thực hiện công tác PCCC; từ đó, thường xuyên quan tâm, chỉ đạo các đơn vị như: Công an Thành phố, các Sở, ban, ngành và UBND các phường, xã nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật và kiến thức PCCC và CNCH. Bên cạnh việc chỉ đạo duy trì các hình thức truyền thống như tổ chức các lớp tuyên truyền miệng, tuyên truyền trên loa phát thanh, điểm giao thông công cộng, xe buýt... Thành ủy, UBND Thành phố đã chỉ đạo lực lượng PCCC và CNCH Thủ đô thường xuyên nghiên cứu đổi mới về nội dung, đa dạng về hình thức, với nhiều cách làm hay, mô hình hiệu quả theo phương châm “dễ hiểu, dễ nhớ, dễ áp dụng”; xây dựng các video clip tuyên truyền bằng hình ảnh trực quan, sinh động để phát sóng trên các đài truyền hình, các nền tảng xã hội được đông đảo người dân theo dõi từ đó tạo sức lan tỏa sâu rộng đến người dân, tổ chức, cơ quan, doanh nghiệp, góp phần đưa công tác PCCC thực sự đến gần và đi vào cuộc sống của người dân.

Thành phố đã ban hành các Kế hoạch, văn bản chỉ đạo các cấp các ngành, chính quyền địa phương đẩy mạnh công tác tuyên truyền, kiến thức về PCCC và CNCH, điển hình như: Kế hoạch số 224/KH-

UBND, ngày 10/12/2018 về “Tuyên truyền, phổ biến pháp luật và kiến thức PCCC trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2019-2021”; tổ chức cuộc thi “Tìm hiểu pháp luật về PCCC trên địa bàn Thành phố năm 2017” với 03 cụm thi cấp cơ sở, góp phần nâng cao ý thức chấp hành pháp luật về PCCC trong nhân dân; Kế hoạch số 213/KH-UBND ngày 21/9/2021 về tuyên truyền, phổ biến pháp luật và kiến thức PCCC trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2022-2025; Kế hoạch số 19/KH-UBND ngày 21/01/2021 về việc triển khai thực hiện Nghị định 136/2020/NĐ-CP; Kế hoạch số 191/KH-UBND ngày 21/6/2024 về tuyên truyền, phổ biến và triển khai thực hiện Nghị định số 50/2024/NĐ-CP; Kế hoạch số 101/KH-UBND ngày 16/4/2025 về tuyên truyền triển khai Luật PCCC và CNCH.... Qua đó, đã nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về PCCC và CNCH; vai trò, trách nhiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, chính quyền địa phương trong công tác PCCC và CNCH; nhận thức, ý thức, trách nhiệm của người đứng đầu cơ sở, chủ hộ gia đình và cá nhân trong việc chấp hành các quy định của pháp luật về PCCC và CNCH.

Với vai trò là lực lượng nòng cốt, xung kích, lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an Thành phố Hà Nội đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan báo, đài địa phương, từ năm 2015 đến nay [3], đã xây dựng, cung cấp 19.820 tin, bài tuyên truyền về PCCC và CNCH cho cơ quan báo chí; đăng tải 19.868 tin bài, khuyến cáo, cảnh báo an toàn PCCC trên Trang thông tin điện tử của Thành phố, Cổng thông tin điện tử Công an Thành phố; 22.514 tin bài được đăng trên Cổng thông tin điện tử của UBND cấp huyện; phối hợp xây dựng 8.631 phóng sự; cấp phát trên 10 triệu lượt tờ rơi, pano, khẩu hiệu, tài liệu phục vụ công tác tuyên truyền; tổ chức ký cam kết về PCCC đối với gần 07 triệu lượt hộ gia đình (chỉ đề ở), hộ gia đình kết hợp sản xuất kinh doanh; tổ chức 35.188 lớp tuyên truyền PCCC, buổi sinh hoạt lồng ghép nội dung PCCC vào họp chi bộ tại khu dân cư với 2.623.889 người tham gia. Cùng với đó, đã triển khai, tổ chức các hoạt động tuyên truyền, trải nghiệm, thực hành chữa cháy và CNCH tại các tuyến phố đi bộ trên

địa bàn Thành phố; tổ chức 73 điểm tuyên truyền, trải nghiệm, thu hút gần 70.000 lượt người dân, học sinh, sinh viên tham gia; triển khai thí điểm “Trung tâm giáo dục cộng đồng về PCCC và CNCH”, qua đó hình thành một địa điểm công cộng để phổ biến, hướng dẫn kiến thức, pháp luật về PCCC và CNCH, kỹ năng xử lý, thoát nạn khi có tình huống cháy, nổ, tai nạn xảy ra cho các tầng lớp nhân dân. Kết quả, từ khi hoạt động đến nay, Trung tâm giáo dục cộng đồng về PCCC và CNCH đã thu hút gần 20.000 lượt khách tham gia trải nghiệm các hoạt động và nhiều cơ quan báo, đài đến viết bài, đưa tin. Bên cạnh đó, lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an Thành phố đã phối hợp với các sở, ngành Thành phố, các cơ quan báo đài địa phương tăng cường đẩy mạnh công tác tuyên truyền dưới mọi hình thức, phương pháp, cụ thể: (1) Phối hợp Thành Đoàn Hà Nội triển khai Công trình thanh niên tuyên truyền, phổ biến pháp luật PCCC và CNCH, qua đó đã thành lập 526 tổ thanh niên tình nguyện tại từng xã, phường, thị trấn để hỗ trợ các hoạt động tuyên truyền, phổ biến pháp luật về PCCC và CNCH; (2) Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo triển khai bộ tài liệu tập huấn, hướng dẫn kỹ năng PCCC và CNCH cho học sinh các cấp học trên địa bàn Thành phố; yêu cầu các đơn vị trong Công an Thành phố phối hợp với các Phòng Giáo dục trên địa bàn tổ chức tập huấn, hướng dẫn cho đội ngũ giáo viên kiến thức, kỹ năng về PCCC và CNCH cho trẻ em, học sinh để kịp thời xây dựng giáo án, giảng dạy kiến thức, kỹ năng về PCCC và CNCH lồng ghép vào các môn học chính khóa cho các cấp, bậc học. Tính đến hết học kì 1 năm học 2024 - 2025, 100% cơ sở giáo dục trên địa bàn toàn Thành phố (khoảng 4.105 cơ sở) đã đưa vào giảng dạy kiến thức, kỹ năng về PCCC và CNCH lồng ghép vào các môn học chính khóa (tối thiểu 01 buổi học) và tổ chức trình chiếu Phóng sự “Đề không còn nỗi đau do hỏa hoạn” vào các dịp sinh hoạt tập trung của nhà trường; (3) Phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình Hà Nội xây dựng 520 phóng sự thực hiện chuyên mục “An toàn PCCC”; phối hợp với kênh VOV giao thông - Đài Tiếng nói Việt Nam xây dựng 520 phóng sự thực hiện chuyên mục “Hồ sơ 114”; Phối hợp Báo An ninh Thủ đô xây

dựng 156 phóng sự thực hiện chuyên mục “Alo 114 Hà Nội xin nghe”; tuyên truyền, phát đến các hộ gia đình, hộ gia đình kết hợp sản xuất kinh doanh tài liệu “Cẩm nang PCCC trong gia đình”; xây dựng video tuyên truyền về kỹ năng thoát nạn, hiện đang được phát sóng trên kênh VTV1 - Đài Truyền hình Việt Nam vào các khung giờ vàng và phát trên các phương tiện báo, đài phát thanh, truyền hình địa phương...; (4) Phối hợp với các đơn vị truyền thông triển khai tuyên truyền, khuyến cáo, cảnh báo an toàn về PCCC và CNCH qua 60 triệu lượt tin nhắn SMS đến hơn 10 triệu thuê bao đang sử dụng dịch vụ viễn thông (Viettel, Vinaphone, Mobifone, Vietnamobile); thông qua mạng xã hội Zalo và trên ứng dụng của điện thoại thông minh đã gửi hơn 5.600.000 lượt tin nhắn tuyên truyền về công tác PCCC và CNCH đến tài khoản sử dụng Zalo và trên ứng dụng của điện thoại thông minh; trao đổi, phối hợp với cơ quan báo chí, truyền thông để thống nhất cơ chế, định hướng thông tin, tuyên truyền và duy trì hoạt động của nhóm Zalo “Tuyên truyền PCCC và CNCH Hà Nội” với các cơ quan báo chí (hơn 950 bài báo, tin bài, phóng sự phản ánh về các vụ cháy, nổ, sự cố CNCH được đăng tải trên các báo điện tử chính thống đang hoạt động trên địa bàn Thành phố). Mặt khác, các sở, ban, ngành Thành phố cũng đã phối hợp lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an Thành phố triển khai thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức pháp luật về PCCC, góp phần tạo được sự chuyển biến về nhận thức và hành động trong công tác đảm bảo PCCC và CNCH của toàn thể công chức, viên chức và nhân dân trên địa bàn Thành phố, nhiều hộ gia đình đã tự trang bị hệ thống cảnh báo cháy nhanh và trang bị phương tiện chữa cháy ban đầu, phương tiện CNCH, cải tạo, bổ sung thêm lối thoát nạn,... Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Thành phố, các đoàn thể chính trị, xã hội đã phối hợp với UBND cấp phường, xã, lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, kiến thức về PCCC và CNCH trong các buổi sinh hoạt định kỳ. Vận động các hội viên và quần chúng nhân dân tích cực tham gia phong trào Toàn dân PCCC và CNCH gắn với phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

3. Mặc dù, các cấp ủy, chính quyền Thủ đô đã lãnh đạo, chỉ đạo công tác tuyên truyền, giáo dục, phổ biến pháp luật, kiến thức về PCCC và CNCH rất quyết liệt, có trọng tâm, trọng điểm, đạt nhiều kết quả, huy động được sức mạnh của cả hệ thống chính trị, tạo sự chuyển biến về nhận thức của cơ quan, doanh nghiệp, cơ sở và người dân. Tuy nhiên, thời gian tới, dự báo tình hình kinh tế - xã hội trên cả nước nói chung và trên địa bàn thành phố Hà Nội nói riêng sẽ tiếp tục phát triển với tốc độ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đô thị hóa nhanh, nguồn vốn đầu tư của nước ngoài vào Việt Nam, các dự án, công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp ngày càng phát triển; khu đô thị, nhà cao tầng, công trình ngầm phục vụ dân sinh hình thành nhiều; kèm theo đó là nhu cầu sử dụng năng lượng, khí đốt, hóa chất sẽ tiếp tục tăng cao... Bên cạnh đó, Thành phố vẫn còn tồn tại nhiều công trình cũ, xuống cấp dẫn đến nguy cơ tiềm ẩn về cháy, nổ, sự cố, tai nạn với mức độ nghiêm trọng, phức tạp; cơ sở vật chất, hạ tầng phục vụ công tác chữa cháy và CNCH như giao thông, nguồn nước còn những hạn chế nhất định, ảnh hưởng đến công tác tổ chức cứu chữa các vụ cháy, nổ, sự cố, tai nạn; do ảnh hưởng khí hậu toàn cầu và môi trường suy thoái, thiên tai xảy ra ngày càng phức tạp, khó lường và khó dự đoán, dẫn đến những sự cố, tai nạn xảy ra đột xuất, bất ngờ với quy mô lớn, tính chất nghiêm trọng, gây thiệt hại không nhỏ về người và tài sản, ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống của nhân dân Thủ đô, đồng thời tiếp tục là những yếu tố tác động đến tình hình công tác PCCC và CNCH. Các yếu tố trên tiếp tục là nguy cơ và nguyên nhân tiềm ẩn dễ dẫn đến cháy, nổ và cháy lớn gây thiệt hại nghiêm trọng về người và tài sản, gây ảnh hưởng đến môi trường đầu tư, hoạt động kinh doanh, đời sống dân sinh, an sinh xã hội, ANTT trên địa bàn Thủ đô. Do đó, trong lãnh đạo, chỉ đạo công tác tuyên truyền, giáo dục, phổ biến pháp luật, kiến thức về PCCC và CNCH cần chú ý một số nội dung sau:

Tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo triển khai đầy đủ, đồng bộ, quyết liệt và hiệu quả Luật PCCC và CNCH, các Nghị định, Thông tư, Chỉ thị, Nghị quyết, Kế hoạch, văn bản chỉ đạo của Quốc Hội, Ban Bí thư

Trung ương Đảng, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Công an về công tác PCCC và CNCH, trọng tâm là lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng, hoàn thiện chính sách pháp luật về PCCC và CNCH, cụ thể như ban hành các Nghị quyết của HĐND Thành phố về quy định nâng mức tiền xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực PCCC và CNCH; về đầu tư, trang bị, sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống, phương tiện PCCC và CNCH; về quy định tiêu chí thành lập Đội Dân phòng và tiêu chí về số lượng thành viên Đội Dân phòng trên địa bàn Thành phố.... Cùng với đó, lãnh đạo, chỉ đạo tập trung triển khai, thực hiện quyết liệt, hiệu quả Luật PCCC và CNCH; Đề án nâng cao năng lực và bảo đảm an toàn PCCC và CNCH trên địa bàn Thủ đô giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030....

Lãnh đạo, chỉ đạo công tác tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH một cách quyết liệt hơn nữa, với nhiều cách làm hay cần nhân rộng; lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên đổi mới về nội dung, hình thức, phương pháp, đối tượng tuyên truyền, phổ biến kiến thức kỹ năng về PCCC và CNCH; xây dựng những khái niệm đơn giản, dễ hiểu, dễ nhớ, dễ tiếp cận để đưa công tác PCCC và CNCH đến với từng nhà, từng cơ sở, từng khu dân cư, từng khu phố; trong đó đặc biệt coi trọng việc tuyên truyền, vận động 100% hộ gia đình trang bị, lắp đặt hệ thống cảnh báo cháy sớm, bình chữa cháy, mở lối thoát hiểm, thoát nạn thứ hai, trang bị các dụng cụ, phương tiện phục vụ thoát nạn (mặt nạ phòng độc, thang dây...) tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, bứt phá trong công tác này; kiên trì, bền bỉ vận động, tuyên truyền người dân không sản xuất kinh doanh, làm việc và sinh sống tại các cơ sở, khu nhà trọ, nhà nhiều căn hộ không đảm bảo an toàn về PCCC; lồng ghép việc phổ biến, học tập kiến thức, kỹ năng về PCCC vào Chương trình học tập, hoạt động ngoại khóa của các nhà trường và cơ sở giáo dục phù hợp với từng ngành học, cấp học....

Lãnh đạo, chỉ đạo áp dụng chuyển đổi số, tập trung xây dựng dữ liệu chuyên ngành phục vụ công tác PCCC và CNCH; tiếp tục rà soát lại toàn bộ các đề án, phần mềm, ứng dụng về chuyển đổi số trong công tác PCCC và CNCH Bộ Công an đang triển khai,

trên cơ sở đó chủ động nghiên cứu, xây dựng các phần mềm ứng dụng, cơ sở dữ liệu chuyên ngành còn thiếu phục vụ công tác chuyên môn, hướng tới mục tiêu chuyển đổi trạng thái làm việc từ môi trường truyền thống sang môi trường điện tử, trong đó có chuyển đổi số, ứng dụng CNTT trong tuyên truyền, giáo dục, phổ biến pháp luật, kiến thức về PCCC và CNCH để thực sự “dễ hiểu, dễ nhớ, dễ áp dụng”; xây dựng phong trào toàn dân tham gia PCCC với khẩu hiệu “mỗi người dân là một chiến sỹ, mỗi gia đình là một pháo đài trên mặt trận PCCC và CNCH”, đưa công tác PCCC dần dần đi vào cuộc sống của nhân dân; tận dụng hiệu quả mạng xã hội, nền tảng số và các ứng dụng di động để lan tỏa thông điệp PCCC đến từng nhóm đối tượng.

Các cấp lãnh đạo, chính quyền Thành phố cần quan tâm xây dựng lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an Thành phố bảo đảm về mạng lưới trụ sở, doanh trại, cơ cấu biên chế, lực lượng và trang thiết bị, phương tiện đáp ứng yêu cầu công tác về PCCC và CNCH của Thành phố, đồng thời bảo đảm theo phương châm “Lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH Thủ đô thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại”. Tập trung nghiên cứu, báo cáo đề xuất về việc thành lập các Đội chữa cháy và CNCH khu vực trực thuộc Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH để sớm ổn định về tổ chức, bộ máy. Tiếp tục nghiên cứu bổ sung mạng lưới, vị trí trụ sở, doanh trại của lực lượng chữa cháy và CNCH nhằm rút ngắn thời gian, quãng đường tiếp cận đám cháy, đáp ứng yêu cầu theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng, đặc biệt là tại các khu dân cư đông người, nguy cơ cháy, nổ cao. Lãnh đạo các cấp, các ngành ưu tiên bố trí nguồn kinh phí bảo đảm cho công tác PCCC và CNCH trong dự toán ngân sách ngắn hạn, trung hạn và hằng năm; quan tâm hỗ trợ đầu tư kinh phí cho lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH để xây dựng, cải tạo và sửa chữa trụ sở làm việc, trang bị, bảo dưỡng, sửa chữa, hiện đại hóa phương tiện PCCC và CNCH nhằm đáp ứng khả năng chữa cháy và CNCH theo hướng phù hợp với đặc điểm của Thủ đô.■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Chính trị (2022), *Nghị quyết số 15-NQ/TW, ngày 05/5/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*, Hà Nội
2. Công an Thành phố Hà Nội (2026), *Báo cáo sơ kết việc triển khai thực hiện Đề án “Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và kiến thức, kỹ năng về PCCC và CNCH đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới”*, Hà Nội
3. Thành ủy Hà Nội (2025), *Báo cáo của Thành ủy Hà Nội tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 47-CT/TW của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác PCCC*, Hà Nội
4. Quốc hội (2024), *Luật PCCC và CNCH*, Hà Nội.



Ngày nhận bài: 11/9/2026; Ngày thẩm định: 13/9/2026; Ngày duyệt đăng: 21/9/2026.

ĐÁNH GIÁ RỦI RO CHÁY, NỔ TRONG ĐỐI MỚI PHƯƠNG THỨC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY, CỨU NẠN, CỨU HỘ Ở VIỆT NAM

Đại tá, PGS, TS ĐÀO HỮU DÂN

Nguyên Trưởng khoa Nghiệp vụ cơ bản, Học viện Phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ

*Tác giả liên hệ: Đào Hữu Dân (Email: danbm3@gmail.com)

Tóm tắt: Bài viết phân tích sự cần thiết đưa đánh giá rủi ro cháy, nổ trở thành một thành tố của phương thức quản lý nhà nước về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ (PCCC, CNCH); làm rõ các yếu tố cơ bản để đánh giá rủi ro tại cơ sở; cách đánh giá tổng hợp thành rủi ro chung của cơ sở. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất lộ trình áp dụng đánh giá mức độ rủi ro cháy, nổ tại Việt Nam.

Từ khóa: đánh giá rủi ro cháy, nổ; nguy cơ cháy, nổ; quản lý dựa trên rủi ro; quản lý nhà nước về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

Abstract: This article analyzes the necessity of incorporating fire and explosion risk assessment as a component of state management methods for fire prevention, firefighting, and rescue; clarifies the basic elements for assessing risks at the facility; and explains how to comprehensively assess the overall risk of the facility. Based on this, the article proposes a roadmap for applying fire and explosion risk assessment in Vietnam.

Keywords: fire and explosion risk assessment; fire and explosion hazard; risk-based management; state management of fire prevention, firefighting, rescue.

1. Đặt vấn đề

Công tác PCCC, CNCH có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với bảo vệ tính mạng, sức khỏe con người, tài sản của nhà nước, tổ chức, cá nhân và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội. Trong những năm qua, Việt Nam đã từng bước hoàn thiện hệ thống pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn về PCCC làm cơ sở pháp lý vững chắc cho quản lý nhà nước về PCCC, CNCH. Cùng với quá trình phát triển kinh tế, xã hội, các loại hình công trình, cơ sở sản xuất, kinh doanh, kho tàng, năng lượng và dịch vụ ngày càng đa dạng. Nhiều công nghệ mới xuất hiện, sử dụng các nguồn năng lượng, vật liệu và quy trình sản xuất mới. Ngay trong một cơ sở, nguy cơ cháy, nổ cũng có thể thay đổi theo nguyên liệu, công nghệ, công suất, khối lượng hàng hóa, cách thức lưu trữ và tổ chức vận hành.

Trong bối cảnh đó, một vấn đề cần được đặt ra đối với quản lý nhà nước là: các cơ sở cùng loại hình, cùng nhóm nguy hiểm cháy, nổ có nhất thiết phải được quản lý với cùng một mức độ và theo cùng một cách thức hay không?

Theo quy định của Nghị định số 105/2025/NĐ-CP, việc phân loại cơ sở thuộc diện quản lý theo loại hình, quy mô và tính chất nguy hiểm cháy, nổ được quy định tại Phụ lục I, Phụ lục II [1] là cần thiết để xác định đối tượng quản lý cũng như áp dụng các biện pháp quản lý cần thiết cho từng nhóm đối tượng. Tuy nhiên, việc phân loại này không phản ánh đầy đủ mức độ rủi ro thực tế của từng cơ sở. Thực tiễn cho thấy, hai cơ sở cùng nhóm nguy hiểm cháy, nổ có thể có mức rủi ro rất khác nhau do khác biệt về công nghệ, điều kiện vận hành, tổ chức mặt bằng, số lượng người, biện pháp bảo vệ và khả năng ứng phó.

Điều đó cho thấy sự cần thiết phải bổ sung đánh giá rủi ro cháy, nổ vào phương thức quản lý nhà nước về PCCC, CNCH. Đây không phải là yêu cầu thay thế hệ thống quy định hiện hành bằng một mô hình quản lý hoàn toàn mới, mà là bổ sung một công cụ để nhận biết rủi ro thực tế ở đâu, mức độ như thế nào và cần ưu tiên kiểm soát vấn đề gì. Tại Phiên họp thứ 6 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 04/9/2026 về dự án Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC và CNCH, đã nêu yêu cầu: tiếp tục rà soát, hoàn thiện các quy định chuyển từ tiền kiểm sang hậu kiểm, bổ sung các quy định cụ thể về cơ chế hậu kiểm, chia sẻ dữ liệu điện tử và quản lý mức độ rủi ro, giảm tần suất kiểm tra không cần thiết đối với các cơ sở ít có nguy cơ cháy, nổ [2]. Điều này cho thấy quản lý theo rủi ro không còn chỉ là một yêu cầu mang tính lý luận, mà đang trở thành một hướng tiếp cận gắn với yêu cầu hoàn thiện pháp luật và đổi mới phương thức quản lý. Tuy nhiên, muốn quản lý theo mức độ rủi ro thì phải giải quyết vấn đề nền tảng: xác định được mức độ rủi ro của cơ sở bằng một phương pháp có cơ sở khoa học, thống nhất, dễ áp dụng và có thể cập nhật theo sự thay đổi của cơ sở. Nói cách khác, đánh giá mức độ rủi ro phải trở thành một công cụ của quản lý, chứ không phải một thủ tục hành chính bổ sung.

2. Đánh giá rủi ro cháy, nổ – cơ sở của cách tiếp cận quản lý mới

Đánh giá rủi ro tại cơ sở.

Theo ISO 31000:2018 xác định quản lý rủi ro là một quá trình bao gồm nhận diện, phân tích, đánh giá, xử lý, theo dõi và trao đổi về rủi ro; đồng thời nhấn mạnh việc thiết kế quá trình quản lý rủi ro phù hợp với bối cảnh của tổ chức [4].

Trong PCCC, bước đầu tiên là nhận diện các yếu tố có khả năng dẫn đến cháy, nổ. Đó có thể là chất cháy, nguồn nhiệt, nguồn lửa, thiết bị điện, khí hoặc hơi dễ cháy, bụi cháy, hóa chất nguy hiểm, thiết bị chịu áp lực hoặc các điều kiện vận hành có khả năng phát sinh sự cố. Tuy nhiên, nguy cơ và rủi ro không phải là một khái niệm đồng nhất. Nguy cơ phản ánh sự tồn tại của nguồn hoặc điều kiện có khả năng gây ra sự cố. Rủi ro phản ánh mức độ nguy hiểm của sự cố đó trong điều kiện cụ thể, gắn với khả năng xảy ra và hậu quả

có thể gây ra. Vì vậy, đánh giá rủi ro cháy, nổ cần trả lời ba câu hỏi cơ bản: Nguy cơ nằm ở đâu? Khả năng xảy ra sự cố như thế nào? Nếu xảy ra thì hậu quả có thể đến mức nào? Về nguyên tắc, đánh giá rủi ro cần xem xét đồng thời khả năng xảy ra và mức độ hậu quả. Từ đó, có thể xác định: *Đánh giá mức độ rủi ro cháy, nổ tại cơ sở là quá trình nhận diện các mối nguy hiểm, xem xét khả năng phát sinh cháy, nổ, phân tích hậu quả có thể xảy ra và xem xét khả năng kiểm soát, ứng phó của cơ sở để xác định mức độ rủi ro, làm cơ sở lựa chọn và ưu tiên các biện pháp kiểm soát.*

Việc xem xét khả năng xảy ra có thể được tính toán theo định lượng hoặc theo định tính (mức thấp, trung bình và cao); tương tự như vậy mức độ rủi ro có thể được phân thành bốn mức: thấp, trung bình, cao và rất cao.

Khả năng thấp là khi sự cố khó xảy ra trong điều kiện vận hành bình thường và thường đòi hỏi sự xuất hiện đồng thời của những điều kiện bất thường hoặc nhiều yếu tố bất lợi. Khả năng trung bình là khi sự cố có thể xảy ra trong quá trình vận hành hoặc khi xuất hiện một số sai lệch, hư hỏng hoặc điều kiện không an toàn. Khả năng cao là khi các điều kiện dẫn đến cháy, nổ thường xuyên tồn tại hoặc khó được kiểm soát, làm cho sự cố có khả năng xảy ra tương đối dễ dàng.

Mức độ rủi ro phản ánh mức độ đáng quan tâm của rủi ro đối với con người, tài sản, hoạt động của cơ sở và các đối tượng có liên quan, được xác định trên cơ sở xem xét tổng hợp khả năng xảy ra và mức độ hậu quả, đồng thời tính đến khả năng phát triển, lan truyền và khả năng phòng ngừa, ứng phó sự cố. Rủi ro thấp là rủi ro có mức độ ảnh hưởng hạn chế và về cơ bản có thể được kiểm soát bằng các biện pháp hiện có. Rủi ro trung bình là rủi ro cần được quan tâm và có biện pháp kiểm soát, theo dõi phù hợp. Rủi ro cao là rủi ro có khả năng gây hậu quả đáng kể hoặc có khả năng xảy ra ở mức đáng chú ý, cần được ưu tiên giảm thiểu. Rủi ro rất cao là rủi ro có khả năng xảy ra và/hoặc hậu quả đặc biệt nghiêm trọng, có khả năng gây thiệt hại lớn đối với con người, tài sản hoặc phạm vi hoạt động của cơ sở và cần được ưu tiên kiểm soát ở mức cao nhất. Việc phân mức này trước hết nhằm tạo ra một ngôn ngữ

chung để nhận diện và ưu tiên xử lý rủi ro, không nhất thiết phải gắn với một giá trị định lượng hoặc một thuật toán phức tạp. IEC 31010:2019 cũng cho thấy đánh giá rủi ro có thể sử dụng nhiều kỹ thuật khác nhau, tùy thuộc mục đích, bối cảnh và mức độ phức tạp của đối tượng [5].

Để đánh giá rủi ro tại cơ sở theo hướng đơn giản, có thể tập trung vào năm nhóm yếu tố sau:

Thứ nhất, nguồn nguy hiểm cháy, nổ. Bao gồm chất cháy, chất dễ cháy; nguồn nhiệt, nguồn lửa; hệ thống và thiết bị điện; khí, hơi, bụi có khả năng cháy, nổ; hóa chất; máy móc, thiết bị và quá trình công nghệ có khả năng phát sinh sự cố.

Thứ hai, điều kiện làm phát sinh và phát triển cháy, nổ. Cần xem xét khả năng tiếp xúc giữa chất cháy và nguồn gây cháy, điều kiện nhiệt độ, áp suất, nồng độ, thông gió, tình trạng thiết bị, phương thức vận hành, bảo trì và những điều kiện bất thường.

Thứ ba, khả năng phát triển và lan truyền sự cố. Bao gồm tải trọng cháy, bố trí mặt bằng, khoảng cách, kết cấu, phân khoang, vật liệu, khả năng lan truyền lửa, khói, nhiệt và đối với nổ là khả năng tích tụ chất cháy, hình thành môi trường nổ và tác động đến các khu vực lân cận.

Thứ tư, mức độ ảnh hưởng và hậu quả có thể xảy ra. Bao gồm số lượng và đặc điểm người có mặt, khả năng thoát nạn, giá trị và tính chất tài sản, mức độ quan trọng của hoạt động, tác động đến công trình lân cận và môi trường.

Thứ năm, khả năng phòng ngừa, phát hiện, ứng phó và hạn chế hậu quả. Bao gồm tổ chức quản lý, kiểm soát nguồn nguy hiểm, hệ thống phát hiện và cảnh báo, phương tiện và hệ thống chữa cháy, điều kiện thoát nạn, lực lượng tại chỗ, khả năng xử lý ban đầu và điều kiện tiếp cận của lực lượng PCCC, CNCH.

Năm nhóm trên không nên được hiểu là năm loại điểm số bắt buộc. Đây là những phương diện chủ yếu cần xem xét để hình thành nhận định về khả năng xảy ra và mức độ hậu quả, từ đó xác định mức rủi ro. Theo hướng này, có thể hình dung quá trình đánh giá là nhận diện nguy cơ → đánh giá khả năng xảy ra → đánh giá hậu quả → xác định mức độ rủi ro.

- Về phương pháp đánh giá rủi ro

Đánh giá rủi ro thường dễ bị hiểu là phải có công thức, ma trận hoặc thuật toán. Tuy nhiên, theo IEC 31010:2019 có nhiều kỹ thuật đánh giá rủi ro khác nhau và việc lựa chọn kỹ thuật phải phù hợp với mục đích, hoàn cảnh và mức độ phức tạp [5]. Vì vậy, trong giai đoạn đầu, có thể ưu tiên đánh giá định tính hoặc bán định lượng đơn giản, nhằm xác định:

Nguy cơ nào đáng chú ý;

Khả năng xảy ra ở mức nào;

Hậu quả có thể đến đâu;

Rủi ro thuộc mức thấp, trung bình, cao hay rất cao;

Biện pháp khắc phục nào cần ưu tiên.

Khi đã có hệ thống cơ sở dữ liệu đầy đủ, thống nhất được số hoá; năng lực chuyên môn và yêu cầu quản lý phát triển và nâng cao, phương pháp đánh giá có thể từng bước nâng lên mức độ chuyên sâu hơn.

- Đánh giá theo khu vực, bộ phận và tổng hợp rủi ro của cơ sở

Một cơ sở thường không đồng nhất về nguy cơ cháy, nổ. Trong cùng một nhà máy có thể có khu sản xuất, kho nguyên liệu, kho thành phẩm, phòng điện, trạm biến áp, văn phòng và các khu vực phụ trợ. Do đó, đối với cơ sở có nhiều khu vực, bộ phận hoặc quá trình có đặc điểm nguy hiểm khác nhau, nên đánh giá rủi ro theo từng khu vực hoặc bộ phận trước khi xác định rủi ro chung của cơ sở.

Trình tự đánh giá có thể được khái quát: Phân chia khu vực/bộ phận → nhận diện nguy cơ → đánh giá khả năng xảy ra và hậu quả → xác định mức rủi ro từng khu vực → xác định khu vực rủi ro chi phối → xem xét lan truyền và tác động qua lại → xác định rủi ro chung của cơ sở.

Mỗi khu vực có thể được nhận định ở một trong bốn mức: thấp, trung bình, cao hoặc rất cao. Tuy nhiên, rủi ro chung của cơ sở không nên được xác định bằng cách cộng hoặc lấy giá trị trung bình cơ học của các khu vực. Việc tổng hợp cần dựa trên ba nguyên tắc.

Một là, chú ý khu vực có rủi ro chi phối. Một khu vực có rủi ro rất cao có thể quyết định đáng kể mức độ rủi ro chung của cơ sở.

Hai là, xem xét khả năng lan truyền và tác động qua lại. Một khu vực có rủi ro trung bình nhưng có khả năng truyền cháy sang khu vực nguy hiểm hơn hoặc khu vực tập trung đông người có thể làm thay đổi đáng kể rủi ro chung.

Ba là, xem xét hậu quả ở quy mô toàn cơ sở. Một sự cố tại một khu vực có thể gây đình trệ toàn bộ hoạt động, ảnh hưởng đến cộng đồng xung quanh hoặc tạo ra chuỗi sự cố liên hoàn.

Từ đó, có thể xác lập nguyên tắc tổng hợp: Rủi ro của cơ sở được xác định trên cơ sở xem xét rủi ro của các khu vực, bộ phận và quá trình có nguy cơ; trong đó chú ý đến khu vực có rủi ro chi phối, khả năng lan truyền và tác động qua lại giữa các khu vực, cùng với hậu quả tổng thể của sự cố.

Đây là cách tiếp cận đơn giản nhưng có ý nghĩa thực tiễn, bởi nó tránh được cả hai cách hiểu cực đoan: lấy rủi ro cao nhất làm rủi ro của toàn bộ cơ sở một cách máy móc, hoặc cộng cơ học tất cả các rủi ro thành phần.

- Đánh giá rủi ro phải gắn với kiểm soát rủi ro

Giá trị của đánh giá rủi ro không nằm ở việc tạo ra một kết quả phân loại, mà ở việc kết quả đó dẫn đến hành động. Sau khi đánh giá, cơ sở cần xác định: nguồn nguy hiểm nào cần loại bỏ hoặc giảm; điều kiện nào cần kiểm soát để ngăn ngừa cháy, nổ; khu vực nào cần tăng cường phát hiện, cảnh báo, chữa cháy; vấn đề nào liên quan đến thoát nạn, cứu hộ, cứu nạn cần ưu tiên; biện pháp nào cần thực hiện ngay và biện pháp nào có thể thực hiện theo lộ trình. Như vậy, đánh giá rủi ro tạo thành một chu trình từ nhận diện → đánh giá → kiểm soát → theo dõi → đánh giá lại. Khi có thay đổi đáng kể về công nghệ, nguyên liệu, công suất, mặt bằng, số lượng người hoặc phương thức vận hành thì rủi ro cũng cần được xem xét lại.

- Cơ sở là chủ thể đầu tiên đánh giá và kiểm soát rủi ro

Người đứng đầu cơ sở và người trực tiếp quản lý hoạt động PCCC là những người hiểu rõ nhất về công nghệ, nguyên liệu, thiết bị và điều kiện vận hành. Vì vậy, đánh giá rủi ro trước hết phải trở thành một công cụ tự quản lý của cơ sở. Ở mức đơn giản, cơ sở có thể trả lời các câu hỏi:

Nguồn nguy hiểm cháy, nổ chủ yếu ở đâu?

Điều kiện nào có thể làm phát sinh sự cố?

Nếu xảy ra, sự cố có thể phát triển và lan truyền đến đâu?

Ai và cái gì có thể bị ảnh hưởng?

Các biện pháp hiện có kiểm soát nguy cơ đến mức nào?

Điểm yếu lớn nhất cần khắc phục là gì?

Khi điều kiện hoạt động thay đổi, rủi ro có thay đổi không?

Cách tiếp cận này phù hợp với tư duy quản lý rủi ro hiện đại, trong đó người có trách nhiệm phải đánh giá nguy cơ, xác định những người có thể bị ảnh hưởng, xác định các biện pháp giảm rủi ro và thường xuyên rà soát tại chính cơ sở của mình [6].

- Cơ quan quản lý nhà nước sử dụng kết quả đánh giá để xác định trọng tâm quản lý cần tập trung nguồn lực

Khi cơ sở đã trở thành chủ thể đầu tiên nhận diện và đánh giá rủi ro, vai trò của cơ quan quản lý nhà nước có thể từng bước chuyển mạnh hơn sang hướng dẫn, kiểm tra, giám sát và tập trung nguồn lực vào các rủi ro đáng chú ý. Điều đó tạo ra mối quan hệ: Cơ sở tự đánh giá và kiểm soát → cơ quan quản lý hướng dẫn, kiểm tra → xác định trọng tâm quản lý → cơ sở khắc phục → đánh giá lại. Kết quả đánh giá rủi ro có thể trở thành một trong những thông tin giúp cơ quan quản lý xác định cơ sở nào cần quan tâm nhiều hơn, khu vực nào cần tập trung kiểm tra, vấn đề nào cần hướng dẫn hoặc yêu cầu khắc phục trước. Đây là điểm khác biệt căn bản giữa quản lý theo rủi ro và quản lý đồng đều theo đối tượng mà chúng ta đang áp dụng theo các quy định của pháp luật về PCCC và CNCH hiện hành.

3. Đề xuất lộ trình áp dụng tại Việt Nam

Việc áp dụng quản lý dựa trên mức độ rủi ro không nên thực hiện bằng cách thay thế ngay toàn bộ phương thức quản lý hiện hành. Cần coi đánh giá rủi ro là một lớp công cụ mới bổ sung cho hệ thống quản lý PCCC, CHCN hiện có và phải được quy định trong Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC và CNCH, được cụ thể hoá một bước trong Nghị định của Chính phủ, lộ trình áp dụng được đề xuất như sau:

Giai đoạn thứ nhất: xây dựng và chuẩn hóa phương pháp. Trước hết cần nghiên cứu, đề xuất Bộ Công an ban hành Thông tư hướng dẫn về: khái niệm và nguyên tắc đánh giá rủi ro cháy, nổ; đối tượng và phạm vi đánh giá; các nhóm tiêu chí; thang phân loại mức độ rủi ro; phương pháp đánh giá định tính; nguyên tắc tổng hợp rủi ro ở các khu vực, bộ phận thành rủi ro của cơ sở; trách nhiệm của cơ sở trong tự đánh giá; cập nhật và kiểm soát rủi ro. Trong giai đoạn đầu, không nên đặt yêu cầu quá cao về dữ liệu hay tính toán. Mục tiêu quan trọng nhất là tạo ra một ngôn ngữ chung về mức độ rủi ro giữa cơ sở và cơ quan quản lý. Theo đó, mỗi khu vực/bộ phận của cơ sở chỉ nên xem xét 5 nhóm tiêu chí: nguồn nguy hiểm cháy, nổ; khả năng hình thành điều kiện cháy, nổ; khả năng phát triển, lan truyền sự cố; đối tượng và mức độ hậu quả có thể chịu tác động; khả năng phòng ngừa, phát hiện, chữa cháy, thoát nạn và cứu nạn, cứu hộ (nội dung từng nhóm tiêu chí đã trình bày ở phần trên). Từ 5 nhóm này, người đánh giá đưa ra hai nhận định về khả năng cháy xảy ra (thấp, trung bình, cao) và mức độ rủi ro (thấp, trung bình, cao, rất cao). Việc xây dựng tiêu chí có khung chung áp dụng cho các loại hình cơ sở và đưa ra những tiêu chí riêng phù hợp với loại hình cơ sở đặc thù. Đối với cơ sở có nhiều khu vực, cần đánh giá từ khu vực, bộ phận hoặc quá trình rồi tổng hợp lên cấp cơ sở. Việc tổng hợp không nên thực hiện bằng phép cộng hoặc trung bình cơ học mà phải xem xét rủi ro chi phối, khả năng lan truyền, tác động qua lại và hậu quả tổng thể.

Giai đoạn thứ hai: thí điểm và hoàn thiện. Có thể lựa chọn một số nhóm cơ sở có đặc điểm nguy hiểm cháy, nổ khác nhau (cơ sở sản xuất, kho hàng, cơ sở tập trung đông người, cơ sở có công nghệ hoặc năng lượng đặc thù) thí điểm. Kết quả thí điểm cần được sử dụng để kiểm nghiệm ba vấn đề: tính dễ hiểu của tiêu chí; khả năng tự thực hiện của cơ sở; và mức độ tương thích giữa kết quả tự đánh giá với thực tế quản lý, kiểm tra. Đây cũng là giai đoạn xác định những trường hợp cần chuyển từ đánh giá định tính sang đánh giá chuyên sâu.

Giai đoạn thứ ba: số hóa và tích hợp vào quản lý nhà nước. Sau khi phương pháp được chuẩn hóa,

cần xây dựng công cụ điện tử để cơ sở thực hiện tự đánh giá và cập nhật kết quả. Mỗi cơ sở có thể hình thành một hồ sơ rủi ro điện tử, trong đó thể hiện mức độ rủi ro hiện tại, các khu vực có nguy cơ cao, những yếu tố làm tăng rủi ro, các biện pháp kiểm soát và lịch sử thay đổi.

Đối với cơ quan quản lý nhà nước, dữ liệu này cho phép chuyển từ quản lý theo danh sách đơn thuần sang quản lý theo thông tin về mức độ rủi ro. Cơ sở có mức rủi ro thấp có thể được giảm tần suất kiểm tra hoặc giao chủ cơ sở tự kiểm tra, đánh giá; cơ sở có rủi ro cao cần được ưu tiên hướng dẫn, kiểm tra, giám sát hoặc yêu cầu khắc phục. Như vậy, cùng với định hướng chia sẻ dữ liệu điện tử và quản lý mức độ rủi ro đang được đặt ra trong quá trình sửa đổi pháp luật PCCC và CNCH, đánh giá rủi ro tại cơ sở có thể trở thành cầu nối giữa tự chủ của cơ sở, chuyển đổi số và quản lý nhà nước dựa trên rủi ro.

Giai đoạn thứ tư: phát triển quản lý thích ứng theo rủi ro. Khi cơ sở dữ liệu được tích lũy đủ lớn, cơ quan quản lý có thể tiến tới phân tích xu hướng rủi ro theo loại hình, ngành nghề, địa bàn và nguyên nhân; xác định nhóm cơ sở có nguy cơ cao; dự báo những khu vực hoặc loại hình cần tập trung nguồn lực; đồng thời từng bước ứng dụng các công cụ phân tích dữ liệu và tự động hóa. Khi đó, quản lý nhà nước về PCCC, CNCH có thể chuyển dần từ mô hình xác định đối tượng theo quy định của Nhà nước sang mô hình xác định đối tượng trên cơ sở nhận diện và đánh giá rủi ro, phân loại mức độ rủi ro, lựa chọn mức độ quản lý phù hợp và kiểm soát và cập nhật rủi ro. Cần chú ý rằng đây không phải sự thay thế hoàn toàn phương thức quản lý hiện hành, các yêu cầu pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn và trách nhiệm bảo đảm an toàn vẫn là nền tảng. Điểm thay đổi là mức độ rủi ro trở thành một căn cứ để xác định trọng tâm và cường độ quản lý.

4. Kết luận

Sự đa dạng và biến đổi nhanh của các hoạt động sản xuất, kinh doanh, công nghệ và nguồn năng lượng đang đặt ra yêu cầu phải tiếp tục đổi mới phương thức quản lý nhà nước về PCCC, CNCH. Hệ thống phân loại đối tượng, quy chuẩn, tiêu chuẩn và các yêu cầu an toàn vẫn là nền tảng không thể thay thế, nhưng cần

được bổ sung bằng thông tin về mức độ rủi ro thực tế của từng cơ sở. Đánh giá rủi ro cháy, nổ có thể trở thành một công cụ quan trọng cho sự đổi mới đó. Từ góc độ quản lý nhà nước, đánh giá rủi ro trở thành cầu nối giữa tự quản lý của cơ sở và quản lý của Nhà nước, cơ sở chủ động nhận diện, đánh giá và kiểm soát nguy cơ, cơ quan quản lý sử dụng thông tin về rủi ro để hướng dẫn, kiểm tra và tập trung nguồn lực vào những nơi cần thiết.■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chính phủ (2025), *Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ*, Hà Nội.
2. Minh Khuê, Cao Hoàng, Nguyễn Hùng (2026), *Chuyển từ tiền kiểm sang hậu kiểm nhưng cần rõ trách nhiệm về phòng cháy, chữa cháy*.
<https://quochoi.vn/tintuc/Pages/tin-hoat-dong-cua-quoc-oi.aspx?ItemID=101386>
3. Quốc hội (2024), *Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ số 55/2024/QH15*, Hà Nội.
4. International Organization for Standardization (ISO) (2018), *ISO 31000:2018 – Risk management — Guidelines*, Geneva: ISO.
5. International Organization for Standardization/International Electrotechnical Commission (ISO/IEC) (2019), *IEC 31010:2019 – Risk management — Risk assessment techniques*, Geneva: ISO/IEC.
6. Home Office, United Kingdom (2025), *Fire safety risk assessment: 5-step checklist*, UK Government.
7. Home Office, United Kingdom, *Fire safety risk assessment: offices and shops*, UK Government.
8. International Organization for Standardization (ISO) (2018), *ISO 31000:2018 – Risk management — Guidelines*, Geneva: ISO.



Ngày nhận bài: 29/7/2026; Ngày thẩm định: 04/8/2026; Ngày duyệt đăng: 21/9/2026.

QUAN HỆ PHỐI HỢP TRONG BẢO ĐẢM AN TOÀN VỀ PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY ĐỐI VỚI CÁC CÔNG TRÌNH DI TÍCH LỊCH SỬ - VĂN HÓA ĐÁP ỨNG YÊU CẦU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Đại úy, ThS THÁI THỊ KIM THÚY

Khoa Nghiệp vụ cơ bản, Học viện Phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ

**Tác giả liên hệ: Thái Thị Kim Thúy (Email: Thuyk2t34@gmail.com)*

Tóm tắt: Bài viết tập trung phân tích, làm rõ cơ sở lý luận, pháp lý có liên quan đến trách nhiệm trong bảo đảm an toàn về phòng cháy, chữa cháy (PCCC) đối với các công trình di tích lịch sử - văn hóa, trên cơ sở đó, xác định rõ trách nhiệm của các cơ quan trong quan hệ phối hợp, góp phần bảo đảm an toàn về PCCC cho các công trình di tích lịch sử - văn hóa, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững.

Từ khóa: phòng cháy, chữa cháy; công trình di tích lịch sử - văn hóa; quan hệ phối hợp trong bảo đảm an toàn về phòng cháy, chữa cháy....

Abstract: This article focuses on discussing the theoretical and legal basis related to responsibility in ensuring fire safety for historical and cultural heritage sites. Based on this, it clearly defines the responsibilities of agencies in coordinating efforts to ensure fire safety for these sites, meeting the requirements of sustainable development.

Keywords: fire safety; historical and cultural heritage sites; coordination in ensuring fire safety....

1. Theo Luật Di sản văn hóa, di tích lịch sử - văn hóa là công trình kiến trúc, nghệ thuật, cụm công trình xây dựng, địa điểm, di chỉ khảo cổ hoặc cấu trúc có tính chất khảo cổ học; di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia thuộc công trình, cụm công trình, địa điểm, di chỉ hoặc cấu trúc đó, có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học [6]. Theo thống kê của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, hiện nay, ở nước ta có khoảng hơn 40.000 di tích lịch sử - văn hóa, trong đó có khoảng hơn 10.000 di tích được xếp hạng (hơn 150 di tích quốc gia đặc biệt, hơn 3.600 di tích quốc gia...) [4]. Với đặc thù các công trình di tích lịch sử - văn hóa được kết cấu chủ yếu là vật liệu gỗ cũng như các vật liệu dễ cháy khác, được xây dựng lâu đời, nằm xen kẽ trong các khu dân cư... cùng với đó, để bảo tồn văn hóa, di sản văn hóa nên công tác PCCC tại đây mang những nét đặc thù riêng và cũng đặt ra trách nhiệm của các sở, ban ngành cũng như sự phối hợp chặt chẽ, thống nhất giữa các cơ quan, đơn vị trong bảo đảm an toàn về PCCC

đối với các công trình di tích lịch sử - văn hóa. Theo đó, việc nghiên cứu trách nhiệm cũng như sự phối hợp chặt chẽ, thống nhất giữa các cơ quan, ban, ngành và UBND phường, xã (cấp xã) là rất quan trọng.

2. Theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa [6], Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về di sản văn hóa. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch là cơ quan đầu mối giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về di sản văn hóa, có trách nhiệm: xây dựng, ban hành hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, chương trình, quy hoạch, kế hoạch nhằm bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa; phê duyệt, thẩm định dự án, đề án, chương trình, quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa theo thẩm quyền; thực hiện, hướng dẫn xếp hạng, công nhận, ghi danh và cấp bằng xếp hạng, công nhận, ghi danh di sản văn hóa theo thẩm quyền; thực hiện, hướng dẫn xếp hạng bảo tàng theo thẩm quyền; đào tạo, bồi

đường nâng cao trình độ quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ cho nhân lực bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa; tổ chức, quản lý hoạt động nghiên cứu, ứng dụng thành tựu khoa học, công nghệ tiên tiến trong việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa; tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa; tổ chức công tác thi đua, khen thưởng trong việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa; kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm về di sản văn hóa theo thẩm quyền; giới thiệu, quảng bá, hợp tác quốc tế về di sản văn hóa và thực hiện trách nhiệm, cam kết của quốc gia thành viên tham gia các công ước của UNESCO về di sản văn hóa; trách nhiệm khác theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan. Bộ, cơ quan ngang Bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về di sản văn hóa theo quy định của Luật Di sản văn hóa và quy định khác của pháp luật có liên quan; phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ, cơ quan ngang Bộ khác, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc thu hồi, mua và đưa di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia và di sản tư liệu có nguồn gốc Việt Nam ở nước ngoài về nước. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm: xây dựng và ban hành theo thẩm quyền Quy chế quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa trên địa bàn; chịu trách nhiệm toàn diện về hoạt động quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị đối với di sản văn hóa trên địa bàn được đưa vào các danh mục kiểm kê, di sản văn hóa trên địa bàn được xếp hạng, ghi danh, công nhận trong các danh mục của quốc gia, các danh sách, danh mục của UNESCO theo quy định của Luật Di sản văn hóa, quy định khác của pháp luật có liên quan và quy định, hướng dẫn của UNESCO; ban hành Quy chế phối hợp quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa với các địa phương có chung di sản văn hóa được xếp hạng, ghi danh, công nhận ở các danh mục của quốc gia hoặc các danh sách, danh mục của UNESCO....

Dưới góc độ công tác bảo đảm an toàn về PCCC, việc bảo đảm an toàn về PCCC cũng như xác định trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có liên quan và sự phối hợp trong công tác PCCC đối với các công trình di tích lịch sử - văn hóa tuân thủ theo quy định của Luật PCCC và CNCH năm 2024 và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn thi hành [2], [3], [5];

Chỉ thị số 02-CT/TW ngày 31/01/2026 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác PCCC và CNCH trong tình hình mới [1]; các văn bản chỉ đạo của chính quyền địa phương về công tác PCCC đối với các công trình di tích lịch sử - văn hóa thuộc phạm vi quản lý, trong đó cơ quan chuyên trách, nòng cốt, xung kích trong việc tham mưu, hướng dẫn, thực hiện công tác chuyên môn, nghiệp vụ là lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an các đơn vị địa phương; cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa là Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các Sở Xây dựng, Sở Tài chính... và đặc biệt là trách nhiệm của UBND các phường, xã trong quản lý nhà nước về PCCC. Sự phối hợp này có ý nghĩa quan trọng, bởi như trên đã đề cập, công tác PCCC đối với các công trình di tích lịch sử - văn hóa có những yêu cầu đặc thù, bên cạnh việc thực hiện các biện pháp, giải pháp phòng ngừa cháy, nổ, nhất là các giải pháp kỹ thuật phải không ảnh hưởng đến bảo tồn di sản cũng như giá trị của công trình. Cùng với đó, đặc thù của các công trình di tích lịch sử - văn hóa luôn có nguy cơ cháy, nổ tiềm ẩn, do đó cần phối hợp trong công tác PCCC từ sớm, từ xa, từ cơ sở.

3. Trên cơ sở nghiên cứu các quy định của pháp luật có liên quan, để bảo tồn các giá trị văn hóa cũng như phòng ngừa cháy, nổ, nâng cao trách nhiệm của các cơ quan, ban, ngành và UBND các cấp trong công tác PCCC đối với các công trình di tích lịch sử - văn hóa, cần xác định trách nhiệm và cơ chế phối hợp của các cơ quan, ban ngành, cụ thể như sau:

- Đối với Công an cấp tỉnh: chỉ đạo và giao cho lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an cấp tỉnh là đơn vị chủ trì, tham mưu cho Công an tỉnh các vấn đề liên quan đến công tác PCCC các công trình di tích lịch sử - văn hóa cũng như thực hiện chức năng quản lý nhà nước về PCCC các công trình thuộc diện quản lý. Công an cấp tỉnh chủ trì tham mưu UBND cấp tỉnh triển khai các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác PCCC và CNCH đối với các công trình di tích lịch sử - văn hóa trên địa bàn cấp tỉnh; định kỳ tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện và đề xuất các giải pháp phù hợp với tình hình thực tế. Trên cơ sở kết quả rà soát, đánh giá thực trạng công tác PCCC và CNCH đối với các công trình di tích lịch sử - văn hóa; phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch xây dựng danh mục các công trình di tích lịch sử - văn hóa cần ưu tiên đầu tư các trang, thiết bị, phương tiện

PCCC theo từng giai đoạn; đồng thời, phối hợp hướng dẫn các thiếu sót về PCCC đối với các công trình di tích lịch sử - văn hóa có nguy cơ cháy, nổ cao, bảo đảm yêu cầu vừa tuân thủ các quy định của pháp luật về PCCC, vừa tuân thủ các quy định của pháp luật về di sản văn hóa, không ảnh hưởng đến giá trị lịch sử, văn hóa, kiến trúc của di tích lịch sử - văn hóa. Chỉ đạo lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH tổ chức kiểm tra về PCCC đối với các công trình di tích lịch sử - văn hóa thuộc diện quản lý; tăng cường chỉ đạo kiểm tra trước, trong và sau mùa lễ hội, kịp thời phát hiện, hướng dẫn khắc phục các sơ hở, thiếu sót, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm quy định về PCCC và CNCH. Hàng năm, chỉ đạo và phối hợp với ngành văn hóa, chính quyền địa phương và Ban Quản lý các di tích tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn, huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ về PCCC và CNCH, nhất là đối với người trực tiếp quản lý, trông coi di tích. Công an tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Xây dựng, Sở Tài chính và UBND các phường, xã tăng cường cơ chế phối hợp trong công tác quản lý nhà nước về PCCC, CNCH đối với các công trình di tích lịch sử - văn hóa; bảo đảm công tác trao đổi thông tin một cách thường xuyên; phối hợp trong công tác kiểm tra, hướng dẫn, tuyên truyền, huấn luyện, thực tập phương án cũng như bảo đảm các điều kiện về an toàn PCCC công trình di tích lịch sử - văn hóa.... Cùng với đó, tiếp tục hoàn thành xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước về PCCC, CNCH đối với các công trình di tích lịch sử - văn hóa; thường xuyên cập nhật thông tin, nguồn nước, giao thông, phục vụ công tác chữa cháy, CNCH cũng như các điều kiện an toàn về PCCC liên quan đến các di tích lịch sử - văn hóa.

- Đối với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Công tác PCCC đối với các công trình di tích lịch sử - văn hóa phải tuân thủ các quy định của pháp luật về di sản văn hóa, về PCCC cũng như trên cơ sở các văn bản chỉ đạo của UBND cấp tỉnh, lồng ghép yêu cầu bảo đảm an toàn về PCCC trong công tác bảo tồn, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị di tích. Trên cơ sở kết quả rà soát, đánh giá thực trạng công tác PCCC và CNCH đối với các công trình di tích lịch sử - văn hóa, chủ trì phối hợp với Công an cấp tỉnh và UBND các phường, xã xây dựng danh mục các di tích ưu tiên đầu tư các trang, thiết bị, phương tiện PCCC. Khi lập, thẩm định hoặc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt các dự án tu bổ, tôn tạo, phục hồi di

tích phải nghiên cứu, tích hợp các giải pháp kỹ thuật về PCCC phù hợp với quy quy định của pháp luật về PCCC, pháp luật về di sản văn hóa và không làm ảnh hưởng đến giá trị của công trình di tích lịch sử - văn hóa. Chỉ đạo UBND cấp xã và Ban Quản lý di tích, người trực tiếp quản lý, trông coi di tích thực hiện nghiêm nội quy, quy định về PCCC, tăng cường kiểm tra việc sử dụng điện, nguồn lửa, nguồn nhiệt, hương, nến, vàng mã..., kịp thời phát hiện, khắc phục các nguy cơ mất an toàn về PCCC. Duy trì khai báo và cập nhật dữ liệu lên hệ thống Cơ sở dữ liệu về PCCC, CNCH và chỉ đạo lắp đặt thiết bị truyền tin báo cháy. Phối hợp với Công an cấp tỉnh tổ chức tuyên truyền, huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ về PCCC và CNCH cho Ban Quản lý, người trông coi di tích và các lực lượng liên quan; định kỳ hàng năm phối hợp với Công an cấp tỉnh, UBND cấp xã tổ chức nắm tình hình, rà soát, đánh giá đúng thực trạng công tác PCCC các công trình di tích lịch sử - văn hóa, tổng hợp nhu cầu đầu tư, dự trù kinh phí, báo cáo và đề xuất UBND cấp tỉnh xem xét, giải quyết.

- Đối với các sở có liên quan, cụ thể: Sở Xây dựng cần chủ trì, phối hợp với Công an cấp tỉnh, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, trên cơ sở các quy định của pháp luật về PCCC và CNCH, các quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn của Bộ Công an, Bộ Xây dựng, hướng dẫn, đề xuất các giải pháp kỹ thuật về thoát nạn, ngăn cháy, chống cháy lan, giao thông, hạ tầng phục vụ chữa cháy đối với các công trình di tích lịch sử - văn hóa; tham mưu khắc phục các thiếu sót, vướng mắc, bất cập về kiến trúc, xây dựng và hạ tầng kỹ thuật, vừa bảo đảm các yêu cầu, điều kiện theo quy định của pháp luật PCCC và CNCH, vừa bảo đảm yêu cầu bảo tồn, phát huy giá trị của công trình di tích lịch sử - văn hóa. Đối với Sở Tài chính cần chủ trì tham mưu UBND cấp tỉnh cân đối, bố trí kinh phí theo phân cấp ngân sách hàng năm để thực hiện các nhiệm vụ bảo đảm an toàn về PCCC đối với các công trình di tích lịch sử - văn hóa theo quy định của pháp luật về PCCC và CNCH. Cùng với đó, cần hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, UBND các phường, xã xây dựng và thực hiện dự toán, quyết toán ngân sách nhà nước theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành, bảo đảm đáp ứng yêu cầu thực tiễn đang đòi hỏi.

- Đối với UBND các phường, xã (cấp xã): Trên cơ sở rà soát, đánh giá thực trạng công tác PCCC và CNCH, phân loại nguy cơ cháy, nổ đối với các công

trình di tích lịch sử - văn hóa được phân cấp quản lý theo Quyết định của UBND cấp tỉnh; cần tiếp tục nghiên cứu, xây dựng, đề xuất danh mục các công trình di tích lịch sử - văn hóa ưu tiên đầu tư trang, thiết bị, phương tiện PCCC thuộc phạm vi quản lý. Chủ động cân đối, bố trí và sử dụng kinh phí trong phạm vi dự toán ngân sách được giao để thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an toàn về PCCC đối với các công trình di tích lịch sử - văn hóa trên địa bàn quản lý theo đúng quy định của pháp luật về PCCC và CNCH; đồng thời chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức và bảo đảm hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước. Tổ chức kiểm tra về PCCC đối với các công trình di tích lịch sử - văn hóa, nhất là tăng cường kiểm tra trước, trong và sau mùa lễ hội, kịp thời phát hiện sơ hở, khắc phục các thiếu sót, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm theo quy định. Chỉ đạo Ban Quản lý di tích thực hiện nghiêm chỉnh nội quy, quy định về PCCC; kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng điện, nguồn lửa, nguồn nhiệt...; định kỳ tổ chức kiểm tra hệ thống điện và các thiết bị điện, kịp thời thay thế các thiết bị không bảo đảm an toàn; củng cố và duy trì lực lượng PCCC và CNCH tại chỗ; xây dựng, bổ sung phương án chữa cháy, CNCH; chuẩn bị đầy đủ phương tiện chữa cháy ban đầu; rà soát nguồn nước, hạ tầng giao thông bảo đảm phục vụ chữa cháy; tổ chức thực tập phương án chữa cháy, CNCH trước mùa lễ hội hoặc khi cần thiết; duy trì khai báo và cập nhật dữ liệu về PCCC và CNCH vào hệ thống Cơ sở dữ liệu về PCCC và CNCH, lắp đặt thiết bị truyền tin báo cháy theo đúng kế hoạch. Phối hợp chặt chẽ với Công an cấp tỉnh mà cụ thể là Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an cấp tỉnh, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch để tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật, kiến thức, kỹ năng về PCCC, CNCH cho Ban Quản lý di tích, người trông coi di tích, chức sắc tôn giáo và đông đảo tầng lớp nhân dân, khách thập phương thăm quan di tích.

4. Trên cơ sở trách nhiệm của từng cơ quan, lực lượng có liên quan như đã phân tích đề xuất ở trên cũng như trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các sở, ban, ngành và UBND cấp xã, để bảo đảm tính thống nhất, chặt chẽ trong việc bảo đảm các

yêu cầu, điều kiện an toàn về PCCC cũng như giải quyết được mục tiêu bảo tồn di sản văn hóa, các địa phương căn cứ vào tình hình thực tiễn, cần xây dựng quy chế phối hợp trong công tác PCCC đối với các công trình di tích lịch sử - văn hóa trên địa bàn, trong đó xác định rõ mục đích yêu cầu, phạm vi cũng như nội dung của quy chế, đặc biệt là phân định rõ trách nhiệm của các cơ quan như trên đã phân tích trong mối quan hệ chặt chẽ, thống nhất cũng hướng đến mục tiêu bảo đảm an toàn cho công trình di tích lịch sử - văn hóa. Suy cho cùng, việc triển khai các giải pháp bảo đảm an toàn về PCCC đối với các công trình di tích lịch sử - văn hóa trên địa bàn vừa phải tuân thủ theo quy định của pháp luật về PCCC và CNCH, vừa phải tuân thủ theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa; cần bảo đảm hài hòa giữa yêu cầu bảo tồn, phát huy giá trị di tích với yêu cầu bảo đảm an toàn về PCCC, ưu tiên bố trí nguồn lực đối với di sản văn hóa thế giới, di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia, nơi lưu giữ bảo vật quốc gia và các công trình di tích lịch sử - văn hóa có nguy cơ cháy, nổ cao.■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Bí thư (2026), *Chỉ thị số 02-CT/TW ngày 31/01/2026 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác PCCC và CNCH trong tình hình mới*, Hà Nội.
2. Bộ Công an (2025), *Thông tư số 36/2025/TT-BCA ngày 15/5/2025 quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ*, Hà Nội.
3. Chính phủ (2025), *Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ*, Hà Nội.
4. Cục Di sản văn hóa (2026), *Báo cáo số liệu Thông tin về di sản văn hóa*, Hà Nội.
5. Quốc hội (2024), *Luật PCCC và CNCH*, Hà Nội
6. Quốc hội (2024), *Luật Di sản văn hóa*, Hà Nội.



Ngày nhận bài: 18/6/2026; Ngày thẩm định: 13/9/2026; Ngày nhận đăng: 21/9/2026.

TỔ CHỨC DẠY HỌC MÔN TOÁN THEO HƯỚNG TIẾP CẬN BỐI CẢNH THỰC TIỄN NGÀNH PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY

Thiếu tá, ThS NGUYỄN NGỌC THẮNG - Thiếu tá, ThS TRẦN THỊ HUYỀN GIANG

Khoa Khoa học cơ bản và Ngoại ngữ, Học viện Phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ

Tác giả liên hệ: Trần Thị Huyền Giang (Email: huyengiangkhtn@gmail.com)

Tóm tắt: Bài báo này đề xuất phương pháp thiết kế và tổ chức dạy học tích hợp học phần Toán tại Học viện Phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ (PCCC và CNCH) nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao về năng lực ứng dụng trong thực tiễn của ngành. Phương pháp được xây dựng dựa trên hai hướng tiếp cận chính: (1) tích hợp nội tại, kết nối các lĩnh vực Giải tích, Đại số, và Xác suất thống kê để hình thành tư duy toán học hệ thống; và (2) tích hợp liên môn, gắn kết kiến thức toán học với các môn học cơ sở và chuyên ngành PCCC. Thông qua việc thiết kế các chủ đề dạy học dựa trên các bài toán thực tiễn như bài toán truyền nhiệt, phân tích động lực học đám cháy và tối ưu hóa chiến thuật chữa cháy, bài báo làm rõ khả năng vận dụng phương pháp tiếp cận này nhằm góp phần nâng cao hiệu quả giảng dạy, phát triển năng lực tư duy định lượng và kỹ năng giải quyết vấn đề cho sinh viên.

Từ khóa: dạy học theo bối cảnh, Toán kỹ thuật, tích hợp liên môn, kỹ thuật an toàn cháy, động lực học đám cháy.

Abstract: This paper proposes a method for designing and organizing integrated teaching in mathematics courses at the Fire and Rescue Academy to meet the growing demand for practical application skills in the field. This approach is based on two main directions: (1) intra-disciplinary integration, which connects Calculus, Algebra, and Probability and Statistics to form systematic mathematical thinking; and (2) interdisciplinary integration, which links mathematical knowledge with foundational and specialized courses in fire prevention and firefighting. Through the design of teaching topics based on practical contents, such as heat transfer, fire dynamics analysis, and the optimization of firefighting tactics, the paper clarifies the potential of this approach to contribute to teaching effectiveness and the development of students' quantitative reasoning and problem-solving skills.

Keywords: context-based teaching, Engineering mathematics, interdisciplinary integration, fire safety engineering, fire dynamics.

1. Đặt vấn đề

Ngày nay, sự phát triển của khoa học, công nghệ và đặc biệt trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0, đặt ra yêu cầu ngày càng cao về năng lực ứng dụng kiến thức lý thuyết vào giải quyết các vấn đề thực tiễn cho nguồn nhân lực kỹ thuật. Đối

với ngành Phòng cháy chữa cháy (PCCC), một lĩnh vực đòi hỏi sự chính xác, tư duy hệ thống và khả năng ra quyết định nhanh chóng, việc thu hẹp khoảng cách giữa kiến thức nền tảng và thực tiễn nghiệp vụ là một yêu cầu cấp thiết trong công tác đào tạo.

Tại Học viện Phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ, kiến thức Toán được xác định là một trong những kiến thức khoa học cơ bản, có vai trò nền tảng cho việc tiếp thu các kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành. Tuy nhiên, phương pháp giảng dạy hiện hành còn tồn tại hạn chế khi chủ yếu tiếp cận kiến thức Toán như một học phần độc lập, tập trung vào lý thuyết hàn lâm mà chưa có sự gắn kết chặt chẽ với các bối cảnh ứng dụng đặc thù của Ngành. Điều này dẫn đến một thực trạng là sinh viên gặp khó khăn trong việc nhận thức vai trò và ý nghĩa thực tiễn của các công cụ toán học, từ đó có thể làm giảm động lực học tập và hạn chế khả năng vận dụng kiến thức để giải quyết các bài toán kỹ thuật chuyên sâu.

Nhằm giải quyết vấn đề trên, bài báo đề xuất một phương pháp tổ chức dạy học các kiến thức Toán theo hướng tiếp cận bối cảnh thực tiễn. Mục tiêu của phương pháp là xây dựng một cầu nối tương hỗ giữa tri thức toán học và các tình huống nghiệp vụ PCCC, qua đó giúp sinh viên không chỉ nắm vững kiến thức lý thuyết mà còn phát triển năng lực tư duy định lượng và kỹ năng vận dụng toán học một cách hiệu quả vào công tác chuyên môn sau này.

Về cơ sở lý luận, Berns và Erickson [1] xem dạy học theo bối cảnh là cách tiếp cận kết nối nội dung học tập với những bối cảnh sử dụng trong đời sống và công việc. Quan điểm này là căn cứ để bài báo lựa chọn tình huống nghề nghiệp PCCC làm bối cảnh học Toán. Nghiên cứu của Lê Thùy Trang và cộng sự [2] về giáo dục Toán bổ sung góc nhìn về những nguyên tắc và thách thức khi vận dụng lý thuyết vào dạy học.

2. Vai trò của môn Toán trong Học viện Phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ

Trong lĩnh vực khoa học an toàn cháy hiện đại, Toán học không chỉ đơn thuần là một công cụ hỗ trợ, mà trở thành yếu tố cơ sở thiết yếu, góp phần chuyển đổi công tác PCCC từ thực tiễn kinh nghiệm sang một ngành khoa học dựa trên dữ liệu. Toán học cung cấp một bộ công cụ lý thuyết và phương pháp luận chính xác, giúp mô tả, phân tích, dự báo và kiểm soát các hiện tượng phức tạp liên quan đến cháy, nổ.

Mô hình hóa động lực học đám cháy: Quá trình cháy, về bản chất, là một tổ hợp các hiện tượng vật lý

và hóa học diễn ra đồng thời [3]. Toán học, đặc biệt là hệ thống các phương trình đạo hàm riêng, cho phép chúng ta xây dựng các mô hình toán để từ đó mô tả gần đúng các quá trình này theo những giả thiết xác định. Các mô hình giúp dự báo tốc độ tỏa nhiệt, sự lan truyền của lửa và phân bố nhiệt độ trong các không gian phức tạp như tòa nhà cao tầng hay đường hầm, làm cơ sở khoa học cho việc thiết kế các giải pháp phòng ngừa và ngăn chặn cháy lan.

Phân tích thủy khí động học của khói và các sản phẩm cháy: Sự di chuyển của khói và khí độc trong một vụ cháy tuân theo các quy luật của Cơ học chất lỏng và Khí động học [4]. Việc vận dụng các phương trình Navier-Stokes và các mô hình dòng chảy rối cho phép các kỹ sư tính toán và mô phỏng sự lan tỏa của khói, từ đó tối ưu hóa thiết kế hệ thống kiểm soát khói, hệ thống thông gió và thiết kế các lối thoát nạn an toàn, đảm bảo điều kiện cho người thoát nạn.

Thiết kế và tối ưu hóa các hệ thống kỹ thuật: Các hệ thống chữa cháy, từ hệ thống sprinkler tự động đến hệ thống chữa cháy bằng khí, đều được thiết kế dựa trên các tính toán kỹ thuật chính xác. Các bài toán thủy lực và tối ưu hóa giúp xác định các thông số vận hành then chốt như lưu lượng, áp suất, kích thước đường ống và bố trí đầu phun, nhằm đảm bảo hệ thống đạt hiệu quả dập tắt đám cháy cao nhất với chi phí hợp lý nhất.

Phân tích rủi ro và hỗ trợ xây dựng phương án tối ưu: Xác suất và thống kê là công cụ không thể thiếu để chuyển đổi dữ liệu thô từ các vụ cháy thành thông tin hữu ích [5]. Thông qua phân tích thống kê, sinh viên có thể nhận diện các yếu tố nguy cơ, kiểm định giả thuyết về hiệu quả của các giải pháp phòng ngừa và xây dựng các mô hình dự báo rủi ro. Tư duy dựa trên dữ liệu này là nền tảng cho việc hoạch định chính sách, phân bổ nguồn lực và đưa ra các quyết định chiến thuật tại hiện trường một cách khoa học.

Thông qua các ứng dụng trên, việc học Toán không chỉ trang bị kiến thức mà còn rèn luyện cho sinh viên năng lực tư duy hệ thống và kỹ năng giải quyết vấn đề, những phẩm chất cốt lõi và kỹ năng thiết yếu của một kỹ sư PCCC trong thời kỳ hiện đại. Thông qua đó, sinh viên có khả năng phân tích các

vấn đề phức tạp, xác định những yếu tố quan trọng, so sánh các giải pháp và đưa ra phương án tối ưu dưới áp lực thời gian, một kỹ năng cần thiết trong công tác xử lý tại hiện trường đám cháy.

3. Mô hình dạy học tích hợp

Nhằm tăng tính thực tiễn của môn Toán, bài báo đề xuất một mô hình dạy học tích hợp được triển khai đồng bộ theo hai hướng:

a) *Xây dựng nền tảng từ bên trong: Tích hợp nội tại môn Toán*

Toán học là một hệ thống tri thức có cấu trúc logic chặt chẽ. Phương pháp giảng dạy tuần tự, tách biệt các phân môn như Đại số, Giải tích và Xác suất thống kê, ... thường khiến sinh viên có một nhận thức phân mảnh, hạn chế khả năng nhận thức mối liên hệ nội tại giữa các lĩnh vực. Để khắc phục điều này, chúng tôi đề xuất cấu trúc chương trình học theo mô hình xoắn ốc. Theo mô hình này, chúng tôi giới thiệu các khái niệm toán học, sau đó quay lại củng cố và mở rộng chúng ở các cấp độ phức tạp hơn qua từng học kỳ. Ví dụ, sinh viên không chỉ nghiên cứu phương trình vi phân trong học phần Giải tích như một đối tượng lý thuyết; họ sẽ tái tiếp cận, nghiên cứu và vận dụng kiến thức này khi tham gia các bài tập nhóm, các bài tập lớn như khi sử dụng phương pháp sai phân, phương pháp phần tử hữu hạn và phương pháp thể tích hữu hạn, ... để trực tiếp giải quyết bài toán mô phỏng truyền nhiệt và động lực học chất lỏng trong PCCC. Cách tiếp cận này giúp sinh viên xây dựng một hệ thống tri thức toàn cảnh, từ đó nhận thức rõ sức mạnh tổng hợp của các công cụ toán học.

b) *Tích hợp liên môn: Gắn kết Toán học với bối cảnh chuyên ngành*

Tích hợp liên môn là trọng tâm của mô hình. Chúng tôi chủ động xây dựng các chủ đề học tập, trong đó Toán học được kết hợp và ứng dụng trong các bối cảnh chuyên ngành, tạo ra sự giao thoa giữa các lĩnh vực kiến thức.

Củng cố và làm sâu sắc kiến thức: Các khái niệm trừu tượng như vector, tích phân bội, đạo hàm riêng... sẽ không còn xa lạ khi sinh viên thấy chúng được dùng để tính toán hợp lực, xác định trọng tâm của một cấu kiện chịu lửa, hay mô tả trường nhiệt độ

trong môn Truyền nhiệt. Toán học trở thành công cụ để khám phá các môn học khác.

Phát triển năng lực giải quyết vấn đề liên ngành: Thay vì các bài toán thuần túy, sinh viên sẽ được giao các dự án nhỏ, các tình huống nghiên cứu đòi hỏi phải huy động kiến thức tổng hợp từ các kiến thức Toán, Lý, Hóa, Cơ học kỹ thuật, ... nhằm đưa ra một giải pháp toàn diện.

4. Thiết kế, nghiên cứu và vận dụng tích hợp trong các tình huống nghiên cứu điển hình

Việc thiết kế các chủ đề tích hợp phải tuân thủ các nguyên tắc cốt lõi: đảm bảo tính khoa học, khơi gợi tư duy phản biện và gắn chặt với mục tiêu năng lực của ngành PCCC. Sau đây là một số tình huống minh họa, tập trung vào việc tích hợp Toán cao cấp và Xác suất thống kê.

a) *Tình huống 1: Tích hợp Toán cao cấp với các môn cơ sở ngành*

Bối cảnh: Phân tích sự ổn định của kết cấu chịu lửa

Một dầm thép chịu tải trong công trình xây dựng bị tác động bởi một nguồn nhiệt từ đám cháy. Yêu cầu sinh viên cần phân tích sự phân bố nhiệt độ theo thời gian bên trong dầm thép để xác định thời điểm mà vật liệu đạt tới nhiệt độ tới hạn, có nguy cơ mất khả năng chịu lực và sụp đổ.

Phân tích tích hợp:

Góc độ Toán cao cấp: Bài toán được mô hình hóa bởi phương trình truyền nhiệt, một dạng phương trình đạo hàm riêng. Sinh viên phải thiết lập bài toán với các điều kiện ban đầu (nhiệt độ ban đầu của dầm) và các điều kiện biên (sự trao đổi nhiệt đối lưu và bức xạ ở bề mặt tiếp xúc với nguồn nhiệt). Việc giải phương trình vi phân này giúp tìm được hàm số mô tả nhiệt độ tại mọi điểm trong dầm theo thời gian.

Góc độ cơ sở ngành (Truyền nhiệt, Sức bền vật liệu): Sinh viên phải vận dụng kiến thức về các hệ số vật lý của vật liệu như độ dẫn nhiệt (k), nhiệt dung riêng (c), khối lượng riêng (ρ). Quan trọng hơn, sinh viên phải liên kết kết quả nhiệt độ tính toán được với các kiến thức trong môn Sức bền vật liệu để biết được ngưỡng nhiệt độ tới hạn mà tại đó, các đặc trưng cơ học của thép (như giới hạn bền, mô đun đàn hồi) suy giảm nghiêm trọng, dẫn đến nguy cơ phá hủy kết cấu.

Giá trị thực tiễn: Tình huống này giúp sinh viên hiểu sâu sắc ý nghĩa vật lý của phương trình vi phân, chuyển hóa một khái niệm toán học trừu tượng thành công cụ định lượng, từ đó đánh giá được giới hạn chịu nhiệt của cấu kiện – một trong những năng lực cốt lõi của kỹ sư an toàn cháy.

b) Tình huống 2: Tích hợp Xác suất thống kê và các môn chuyên ngành

Bối cảnh: Phân tích rủi ro và điều tra cháy dựa trên dữ liệu

Cung cấp cho sinh viên một bộ dữ liệu tổng hợp về các vụ cháy nhà ở trong một thành phố trong nhiều năm, bao gồm các thông tin: nguyên nhân (do điện, do nấu nướng, do ý gây cháy...), thiệt hại về tài sản, thời điểm xảy ra, địa bàn khu vực xảy ra cháy và tình trạng trang thiết bị báo cháy tự động. Nhiệm vụ của sinh viên là xử lý bộ dữ liệu này để tìm ra các quy luật, nhận diện các yếu tố rủi ro chính và đề xuất giải pháp phòng ngừa.

Phân tích tích hợp:

Góc độ Xác suất thống kê: Sinh viên áp dụng các công cụ thống kê mô tả để tính toán tần suất, tỷ lệ cháy theo từng nguyên nhân, khu vực. Sinh viên sẽ sử dụng các phép kiểm định giả thuyết đã được học để trả lời câu hỏi: "Mối liên hệ giữa việc có hệ thống báo cháy tự động và mức độ thiệt hại có ý nghĩa thống kê hay không?". Sinh viên có thể xây dựng mô hình hồi quy để dự báo mức độ thiệt hại dựa trên các yếu tố đầu vào, hoặc dùng phân phối Poisson để mô hình hóa số vụ cháy xảy ra trong một khoảng thời gian khi các giả thiết của mô hình phù hợp với dữ liệu [5].

Góc độ chuyên ngành (Điều tra nguyên nhân vụ cháy, Công tác phòng ngừa): Kết quả phân tích thống kê phải được diễn giải trong bối cảnh nghiệp vụ. Nếu dữ liệu cho thấy một địa bàn cụ thể có tỷ lệ cháy do điện cao bất thường, đó là một thông tin quan trọng cho công tác thanh tra, kiểm tra an toàn điện và tuyên truyền tại địa bàn đó. Việc chứng minh được hiệu quả của thiết bị báo cháy bằng số liệu sẽ là luận cứ thuyết phục nhất để vận động người dân rèn luyện kỹ năng và trang bị thiết bị an toàn cháy, nổ.

Giá trị thực tiễn: Tình huống này giúp sinh viên chuyển đổi từ tư duy định tính, kinh nghiệm sang

tư duy định lượng, dựa trên dữ liệu. Tình huống này giúp sinh viên rèn luyện năng lực phân tích, tổng hợp thông tin để đưa ra các quyết sách về phòng ngừa và quy hoạch nguồn lực một cách khoa học và hiệu quả.

Bối cảnh: Tối ưu hóa vị trí tác chiến

Trên bản đồ một khu công nghiệp có n điểm nóng nguy cơ cháy cao ($A_1, A_2, \dots, A_n$). Yêu cầu sinh viên xác định một vị trí M để đặt trạm chỉ huy sao cho tổng khoảng cách từ M đến n điểm nóng là ngắn nhất nhằm tối ưu hóa thời gian tiếp cận.

Phân tích tích hợp:

Góc độ Toán cao cấp: Đây là một bài toán tối ưu hóa hình học kinh điển, được biết đến với tên gọi bài toán trung vị hình học, trường hợp ba điểm là bài toán Fermat–Torricelli. Sinh viên sẽ thiết lập một hàm số $f(x,y)$ biểu diễn tổng khoảng cách từ điểm $M(x,y)$ đến các điểm $A_1, A_2, \dots, A_n$. Để tìm giá trị nhỏ nhất, sinh viên cần vận dụng kiến thức về Giải tích hàm nhiều biến, thực hiện giải bài toán và đưa ra phương án tối ưu, trước hết xét các điểm mà hàm khả vi và xác định điểm dừng bằng cách giải hệ phương trình đạo hàm riêng của $f(x,y)$ theo x và y bằng 0 [7].

Góc độ chuyên ngành (Chỉ huy chữa cháy, Chiến thuật chữa cháy): Sinh viên phải hiểu rằng việc tối thiểu hóa khoảng cách trong hình học tương đương với việc tối thiểu hóa thời gian di chuyển trong thực tế. Vị trí đặt trạm chỉ huy (điểm M) không chỉ ảnh hưởng đến thời gian tiếp cận ban đầu mà còn quyết định hiệu quả điều phối lực lượng, phương tiện trong suốt quá trình chữa cháy. Việc này liên quan trực tiếp đến khái niệm "thời gian vàng" – khoảng thời gian then chốt để không chế đám cháy trước khi nó vượt ngoài tầm kiểm soát.

Giá trị thực tiễn: Tình huống này giúp sinh viên nhận thức được rằng việc quy hoạch tác chiến và bố trí lực lượng PCCC không phải là quyết định cảm tính mà dựa trên những tính toán chặt chẽ. Tư duy tối ưu hóa này có thể mở rộng ra các bài toán lớn hơn như quy hoạch vị trí các đội chữa cháy trong một thành phố, thiết kế mạng lưới giao thông ưu tiên cho xe cứu hỏa, đảm bảo từng giây trong tình huống khẩn cấp đều được tận dụng hiệu quả nhất.

5. Kết luận

Tổ chức dạy học Toán theo hướng tiếp cận bồi dưỡng thực tiễn không chỉ là sự bổ sung về phương pháp, mà còn là hướng đi có ý nghĩa thiết thực để nâng cao chất lượng đào tạo kỹ sư PCCC trong kỷ nguyên số. Phương pháp này được kỳ vọng góp phần chuyển đổi vai trò của sinh viên từ người tiếp thu kiến thức thụ động thành người chủ động giải quyết vấn đề. Cách tiếp cận này hướng tới việc gắn quá trình lĩnh hội tri thức toán học với rèn luyện tư duy và phát triển khả năng giải quyết các vấn đề thực tiễn nghề nghiệp cho sinh viên.

Việc triển khai thành công mô hình này đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa các Khoa, sự đầu tư vào việc xây dựng ngân hàng các tình huống thực tiễn và sự sẵn sàng đổi mới của đội ngũ giảng viên. Kết quả chung hướng tới là đào tạo ra những kỹ sư PCCC không chỉ thông hiểu các tiêu chuẩn, mà còn có khả năng phân tích, sáng tạo và làm chủ công nghệ để bảo vệ an toàn cho xã hội. Trên cơ sở khung lý luận và các tình huống dạy học đã xây dựng, nhóm tác giả xác định hướng nghiên cứu tiếp theo là tổ chức thực nghiệm sư phạm có đối chứng tại Học viện PCCC và CNCH nhằm thu thập dữ liệu thực tiễn, đánh giá tác động của mô hình đến kết quả học tập và năng lực vận dụng toán học của sinh viên, đồng thời thẩm định tính phù hợp về nội dung và thời lượng trong điều kiện giảng dạy thực tế. ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Berns, R. G., & Erickson, P. M. (2001), *Contextual teaching and learning: Preparing students for the new economy*. The Highlight Zone: Research @ Work, No. 5. National Dissemination Center for Career and Technical Education. ERIC ED452376.
2. Lê Thùy Trang, Phạm Anh Giang, Nguyễn Tiến Trung (2021), *Vận dụng lý thuyết giáo dục Toán thực (Realistics Mathematics Education) trong dạy học: Một số thách thức, nguyên tắc và khuyến nghị*, Tạp chí Giáo dục, 494 (kì 2), 37–43, Bản trực tuyến.

3. Đinh Ngọc Tuấn (2002), *Giáo trình cơ sở hóa lý quá trình phát triển và dập tắt đám cháy*, Nxb Khoa học và Kỹ thuật.

4. McGrattan, K., Hostikka, S., McDermott, R., Floyd, J., Weinschenk, C., & Overholt, K. (2013), *Fire Dynamics Simulator: Technical Reference Guide. Volume 1: Mathematical Model (6th ed.)*. NIST Special Publication 1018. DOI: 10.6028/NIST.SP.1018e6.

5. Đào Hữu Hồ (2001), *Xác suất thống kê*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

6. Stewart, J. (2016), *Giải tích, Tập 1*, Nxb Hồng Đức.

7. Stewart, J. (2016), *Giải tích, Tập 2*, Nxb Hồng Đức.

8. Krawitz, J., Schukajlow, S., Yang, X., & Geiger, V. (2025), *A systematic review of international perspectives on mathematical modelling: Modelling goals and task characteristics*, ZDM – Mathematics Education, 57, 193–212. DOI: 10.1007/s11858-025-01683-2.

9. Phan Văn Lý (2011), *Tăng cường các bài toán có nội dung thực tiễn trong dạy học cho sinh viên ngành Toán*, Tạp chí Giáo dục.

10. Nguyễn Văn Tuấn (2011), *Giáo trình phương pháp dạy học kỹ thuật*, Nxb Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh.



Ngày nhận bài: 04/9/2026; Ngày thẩm định: 17/9/2026; Ngày duyệt đăng: 21/9/2026.

VAI TRÒ CỦA HOẠT ĐỘNG LẤY Ý KIẾN PHẢN HỒI TỪ CÁC BÊN LIÊN QUAN ĐỐI VỚI CÔNG TÁC BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO TẠI HỌC VIỆN PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN CỨU HỘ

Thiếu tá, ThS LÊ PHƯƠNG ANH

Phó Trưởng phòng Phòng Bảo đảm chất lượng đào tạo, Học viện Phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ

Trung tá, ThS PHẠM ĐỨC TRUNG

Phòng Bảo đảm chất lượng đào tạo, Học viện Phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ

*Tác giả liên hệ: Phạm Đức Trung (Email: phamkimanh9k@gmail.com @gmail.com)

Tóm tắt: Công tác lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan là một hoạt động thường xuyên, có vai trò quan trọng trong bảo đảm và nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo tại các cơ sở giáo dục đại học trong và ngoài ngành Công an. Trong những năm qua, Đảng ủy, Ban Giám đốc Học viện Phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai, thực hiện có hiệu quả hoạt động lấy ý kiến phản hồi để hướng tới xây dựng đội ngũ giảng viên có phẩm chất đạo đức tốt, trách nhiệm, yêu ngành yêu nghề nghiệp và trình độ chuyên môn sâu; đồng thời tạo thêm kênh thông tin trong việc điều chỉnh, đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo và phục vụ cho công tác tự đánh giá, đánh giá ngoài của cơ sở giáo dục. Bài viết này khái quát thực trạng, đánh giá kết quả đạt được, nêu lên những tồn tại, hạn chế, trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp nâng cao chất lượng công tác lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan đối với hoạt động giáo dục, đào tạo tại Học viện trong thời gian tới.

Từ khóa: lấy ý kiến phản hồi, các bên liên quan, bảo đảm chất lượng, giáo dục, đào tạo, Học viện PCCC và CNCH.

Abstract: Stakeholder feedback is a regular activity that plays an important role in ensuring and enhancing the educational quality at higher education institutions both within and outside the Ministry of Public Security. Over the years, the Party Committee and Board of Directors of the Fire and Rescue Academy have paid considerable attention to leading, directing, and effectively implementing stakeholder feedback activities, to build a teaching staff with good ethical qualities, a strong sense of responsibility, dedication to their field and profession, and in-depth professional expertise. At the same time, stakeholder feedback provides an additional source of information for adjusting, innovating, and improving the quality of education and training, as well as supporting the institution's internal self-assessment and external evaluation processes. This article provides an overview of the current situation, evaluates the achievements, identifies existing deficiencies, and, on that basis, proposes several solutions to improve the quality of stakeholder feedback activities concerning education and training at the Academy.

Keywords: stakeholder feedback; stakeholders; quality assurance; education; training; Fire and Rescue Academy.

1. Đặt vấn đề

Học viện Phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ (Học viện PCCC và CNCH) là cơ sở giáo dục đại học duy nhất trong cả nước có nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực về lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (PCCC và CNCH). Trải qua 50 năm xây dựng, phát triển và trưởng thành, Học viện từng bước khẳng định vị trí, vai trò trong hệ thống giáo dục của lực lượng Công an nhân dân. Mục tiêu phát triển của Học viện là trở thành cơ sở giáo dục hàng đầu trong lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ về PCCC và CNCH, mở rộng thêm mã ngành đào tạo theo hướng đáp ứng yêu cầu thực tiễn của xã hội. Phân đấu giai đoạn 2025 - 2030 trở thành cơ sở đào tạo trọng điểm của ngành Công an, tăng cường quan hệ hợp tác quốc tế với các cơ sở đào tạo nghiệp vụ PCCC và CNCH các nước trong khu vực và trên thế giới, hướng tới năm 2045 trở thành cơ sở giáo dục trọng điểm quốc gia, tạo ra những giá trị cốt lõi, đóng góp thiết thực cho lực lượng Công an nhân dân và cho cộng đồng xã hội.

Để đạt được mục tiêu trên, Học viện đã quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc có hiệu quả các quan điểm, chủ trương, Nghị quyết của Đảng, Nhà nước, các văn bản chỉ đạo hướng dẫn của Bộ, ngành về công tác giáo dục và đào tạo. Trong quá trình thực hiện, triển khai đồng bộ các mặt công tác, Học viện đã xác định công tác khảo thí và bảo đảm chất lượng đào tạo là nhiệm vụ trọng tâm, trong đó công tác lấy ý kiến phản hồi đối với các bên liên quan và là nội dung quan trọng phục vụ công tác tự đánh giá và đánh giá ngoài đồng thời là tiêu chí bắt buộc trong công tác kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục. Đây cũng là hoạt động góp phần thực hiện quy chế dân chủ trong công tác giáo dục, đào tạo, thiết lập kênh thông tin trao đổi giữa “cơ sở đào tạo - người được đào tạo - người sử dụng sản phẩm đào tạo”.

2. Thực trạng công tác lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan đối với việc bảo đảm chất lượng giáo dục, đào tạo tại Học viện Phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn, cứu hộ

Nhận thức rõ tầm quan trọng của hoạt động lấy ý kiến phản hồi trong việc bảo đảm và nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, Học viện đã nghiên cứu, triển khai các nội dung theo Công văn số 2754/BGDDT-NGCBQLGD ngày 20/5/2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn lấy ý kiến

phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên. Từ năm học 2013 - 2014, Học viện bắt đầu tổ chức lấy ý kiến phản hồi và duy trì hoạt động này thường xuyên với nội dung bao quát toàn bộ quá trình đào tạo, cùng sự tham gia của các phòng, ban chức năng, các đơn vị giảng dạy, học viên các hệ đào tạo và Công an các đơn vị địa phương. Để hoạt động đi vào chiều sâu có tính hệ thống, ngày 23/5/2015, đồng chí Hiệu trưởng đã ký Quyết định số 184/QĐ-T34-P9 ban hành Quy định lấy ý kiến phản hồi của học viên về hoạt động giảng dạy của giảng viên, ý kiến phản hồi của học viên sắp tốt nghiệp, ý kiến phản hồi của cựu học viên và các đơn vị sử dụng lao động về hoạt động đào tạo của Nhà trường; ngày 17/12/2021 đã ký Quyết định số 436/QĐ-T34-P9 thay thế Quyết định số 184 qua đó bổ sung, hoàn thiện quy định phù hợp với yêu cầu bảo đảm chất lượng giáo dục, đào tạo trong giai đoạn hiện nay.

2.1. Một số kết quả đạt được trong triển khai hoạt động lấy ý kiến phản hồi

Trong những năm qua, thực hiện các quy định về tiêu chí tự đánh giá do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và Hướng dẫn của Bộ Công an, Đảng ủy, Ban Giám đốc Học viện đã quan tâm chỉ đạo sát sao công tác lấy ý kiến phản hồi, triển khai nhiều biện pháp đồng bộ, nhằm thiết lập kênh thông tin giữa người học, người sử dụng sản phẩm đào tạo với lãnh đạo Học viện để có thể bổ sung, chỉnh lý chương trình đào tạo và phương pháp giảng dạy phù hợp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

Từ năm 2019 đến 2026, Học viện đã xây dựng và ban hành 22 kế hoạch lấy ý kiến phản hồi, xây dựng, ban hành 09 mẫu phiếu lấy ý kiến phản hồi gồm: Phiếu lấy ý kiến phản hồi của học viên về hoạt động giảng dạy của giảng viên sau khi kết thúc học phần (môn học); Phiếu lấy ý kiến của học viên trước khi tốt nghiệp đối với hoạt động giáo dục và đào tạo; Phiếu lấy ý kiến của học viên về công tác quản lý giáo dục học viên; Phiếu lấy ý kiến của học viên sau khi tốt nghiệp ra trường đối với hoạt động giáo dục và đào tạo; Phiếu lấy ý kiến phản hồi của Công an các đơn vị địa phương đối với chất lượng học viên tốt nghiệp các khóa đào tạo tại trường; Phiếu lấy ý kiến phản hồi của học viên về mức độ đáp ứng của thư viện, phòng thí nghiệm, thực hành, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ khác; Phiếu lấy ý kiến phản hồi của cán bộ, giảng viên về hoạt động nghiên cứu khoa học; Phiếu lấy ý kiến

phản hồi của học viên về hoạt động nghiên cứu khoa học; Phiếu lấy ý kiến phản hồi của học viên về hoạt động hướng dẫn đồ án tốt nghiệp. Quá trình triển khai đạt được một số kết quả cụ thể như sau:

- *Đối với việc lấy ý kiến phản hồi của học viên về hoạt động giảng dạy của giảng viên:* Học viện đã tổ chức lấy ý kiến phản hồi với 138 khóa, lớp thu được 25.417 phiếu. Kết quả phiếu thu được của học viên đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên là rất cao, chủ yếu từ mức đánh giá “Tốt” đến “Rất Tốt”; điểm trung bình của giảng viên tính theo thang đo Likert 4 mức độ đạt trung bình từ 3,25 đến 3,86 điểm; không có giảng viên nào bị đánh giá mức “Trung bình” hoặc “Kém”.

- *Đối với phiếu lấy ý kiến phản hồi của học viên trước khi tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của Học viện:* Đã tổ chức lấy ý kiến phản hồi 36 khóa với 3.280 phiếu, kết quả cho thấy học viên chủ yếu đánh giá ở các mức “Tốt” và “Rất tốt” ở các tiêu chí, học viên các khóa trước khi tốt nghiệp rất hài lòng với hoạt động đào tạo của nhà trường đối với mục tiêu chương trình đào tạo, cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục, hoạt động nghiên cứu khoa học.

- *Đối với phiếu kiến phản hồi của học viên về hoạt động quản lý giáo dục học viên:* Đã triển khai khảo sát lấy ý kiến phản hồi 151 lượt giáo viên chủ nhiệm. Tổng số phiếu 6.406 phiếu. Kết quả thu được cho thấy các khóa, lớp học viên đánh giá chủ nhiệm lớp ở mức “Tốt” và “Rất tốt” trong các tiêu chuẩn, tiêu chí. Trong đó, có những đánh giá nổi bật thể hiện mức đánh giá cao trong phiếu khảo sát như: *kỹ năng giao tiếp thân thiện, đúng mực với học viên, nắm vững các nội quy, quy định, giải quyết nhanh những vấn đề của học viên đề xuất, nhiều giáo viên chủ nhiệm luôn tận tâm với công việc, quan tâm và tạo các sân chơi, hoạt động sôi nổi cho học viên...* Kết quả này phản ánh tích cực về năng lực quản lý, điều hành và kỹ năng mềm của lãnh đạo Phòng Quản lý học viên và đội ngũ giáo viên chủ nhiệm lớp ở cả 03 cơ sở. Tuy nhiên, vẫn có một số ý kiến cũng đề nghị giáo viên chủ nhiệm lớp cần dân chủ, linh hoạt trong phương pháp quản lý, tăng cường sâu sát, nắm bắt tâm tư nguyện vọng của học viên hơn nữa.

- *Đối với phiếu lấy ý kiến phản hồi của học viên sau khi tốt nghiệp về hoạt động giáo dục, đào tạo:* Căn cứ vào Quyết định số 436/QĐ-T06-P7 ngày 17/5/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học PCCC về Quy định lấy ý kiến phản hồi đối với hoạt động giáo

dục, đào tạo, chu kỳ lấy phiếu ý kiến phản hồi lấy 2 lần trong 5 năm chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục. Phòng Bảo đảm chất lượng đào tạo lấy ý kiến phản hồi 03 khóa D30, D31, D32. Tổng số phiếu 540. Mặc dù số lượng khảo sát còn hạn chế so với tổng số học viên đã tốt nghiệp, nhưng qua phân tích kết quả thấy được sự đóng góp những ý kiến của học viên cho hoạt động giáo dục và đào tạo của Học viện về chương trình đào tạo, việc hỗ trợ kỹ năng mềm, và đội ngũ giảng viên. Sự khác biệt giữa môi trường học tập tại Học viện và thực tiễn công tác cũng giúp cho học viên đưa ra những nhận xét, đánh giá chân thực, khách quan và sát với thực tế công tác.

- *Đối với phiếu lấy ý kiến phản hồi từ Công an các đơn vị địa phương về chất lượng học viên tốt nghiệp các khóa đào tạo:* Học viện đã tổ chức lấy phiếu ý kiến phản hồi bằng 02 hình thức gửi phiếu trực tiếp và lấy ý kiến trực tuyến về Công an các đơn vị, địa phương trực tiếp là Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH. Đối tượng lấy phiếu khảo sát là lãnh đạo cấp phòng, chỉ huy cấp đội. Năm học 2021 - 2022 (khảo sát 63 Công an tỉnh, thành phố) với 87 phiếu; năm học 2023 - 2024 (khảo sát 20 Công an tỉnh, thành phố) với 162 phiếu. Kết quả thu được từ các phiếu đánh giá của Công an các đơn vị, địa phương thể hiện tinh thần thẳng thắn, trách nhiệm, nhiều trăn trở, nhiều đề xuất, kiến nghị của lãnh đạo các đơn vị địa phương với mong muốn Học viện thay đổi và phát triển ngang tầm với vị trí, chức năng của một cơ sở đào tạo đầu ngành, duy nhất về công tác giáo dục, đào tạo nguồn nhân lực PCCC và CNCH đáp ứng với yêu cầu thực tiễn hiện nay.

Bên cạnh đó, Phòng Bảo đảm chất lượng đào tạo đã tham mưu với Ban Giám đốc chỉnh sửa, bổ sung và triển khai thực hiện 04 mẫu phiếu đó là: lấy ý kiến phản hồi về công tác nghiên cứu khoa học của cán bộ, giảng viên, học viên, công tác hướng dẫn luận văn, đồ án tốt nghiệp cho học viên, mức độ đáp ứng của thư viện, phòng thí nghiệm, thực hành, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ khác. Tổng số phiếu thu được là 908 phiếu, mức đánh giá điểm trung bình của các tiêu chí đạt từ 2,92 đến 3,78 điểm cho thấy mức độ hài lòng tương đối cao của người học đối với các hoạt động giáo dục, đào tạo của Học viện.

Trên cơ sở kết quả lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan đã cung cấp thêm kênh thông tin quan trọng, giúp cho các chủ thể quản lý cái nhìn tổng thể về chất

lượng, hiệu quả giáo dục, đào tạo của Học viện. Trên cơ sở đó, Học viện có căn cứ để rà soát, chỉnh lý, bổ sung, cải tiến chương trình đào tạo, danh mục chuẩn đầu ra, chương trình môn học, thời lượng giảng dạy lý thuyết - thực hành; yêu cầu đổi mới phương pháp giảng dạy; nâng cao trình độ đội ngũ giảng viên, giáo viên chủ nhiệm, cán bộ quản lý giáo dục. Đồng thời, Học viện từng bước nghiên cứu, hoàn thiện cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng công tác hậu cần, y tế, mức độ đáp ứng của thư viện, các phòng thí nghiệm, phòng thực hành, hệ thống công nghệ thông tin, công tác nghiên cứu khoa học... nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu học tập, rèn luyện của học viên và nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo của Học viện.

Để đảm bảo tính trung thực, khách quan và chính xác, Học viện đã áp dụng song song hai hình thức khảo sát, lấy ý kiến phản hồi trực tuyến và phát phiếu trực tiếp đối với từng đối tượng, trường hợp cần lấy ý kiến cụ thể. Bên cạnh đó, Học viện duy trì hình thức đối thoại trực tiếp giữa Ban Giám đốc với Ban cán sự các lớp, các đồng chí là Bí thư Chi Bộ, Phó Bí thư, các đồng chí trung đội trưởng, trung đội phó để lắng nghe ý kiến phản hồi về hoạt động giáo dục, đào tạo; công tác phục vụ, các điều kiện bảo đảm của các đơn vị Khoa, Phòng, Trung tâm. Ban Giám đốc, cán bộ, giảng viên tại 03 cơ sở đào tạo, kịp thời nắm bắt những tâm tư, nguyện vọng về cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện giảng dạy, sách giáo trình tài liệu, sách tham khảo, nghiên cứu khoa học... định kỳ 03 tháng tổ chức vào tuần cuối của tháng thứ 3.

Qua khảo sát, lấy ý kiến phản hồi và trao đổi, đối thoại trực tiếp, các mẫu phiếu cơ bản bảo đảm nội dung cần thiết có bố cục chặt chẽ, đầy đủ các nội dung và độ tin cậy cao. Hình thức, phương pháp lấy ý kiến phản hồi cũng được rà soát và cải tiến thường xuyên, liên tục, nội dung được điều chỉnh phù hợp; đặc biệt là việc ứng dụng và sử dụng công nghệ thông tin vào công tác lấy ý kiến phản hồi trực tuyến nhằm rút ngắn thời gian, giảm chi phí về kinh tế, đảm bảo tính bí mật, khách quan; không để lộ lọt các nội dung liên quan đến Công an các đơn vị địa phương.

2.2. Tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được nêu trên quá trình triển khai thực hiện vẫn còn bộc lộ một số tồn tại, hạn chế cần được nghiên cứu, khắc phục như sau:

(1) Mọi quan hệ, phối hợp giữa Phòng Bảo đảm chất lượng đào tạo với các đơn vị chức năng trong

hoạt động lấy ý kiến phản hồi còn có lúc, có nơi chưa chủ động, thiếu chặt chẽ, việc trao đổi, nắm bắt thông tin chưa kịp thời; việc cung cấp thông tin lớp học, lịch học, lịch thi, kiểm tra cho Phòng Bảo đảm chất lượng đào tạo đôi lúc còn chậm.

(2) Một số cán bộ, giảng viên, học viên và Công an một số địa phương chưa nhận thức được hết ý nghĩa và tầm quan trọng của hoạt động lấy ý kiến phản hồi nên chưa nêu cao tinh thần trách nhiệm trong phối hợp, chỉ đạo triển khai thực hiện dẫn đến thực hiện một cách qua loa, đại khái, thiếu tinh thần trách nhiệm, các nội dung đánh giá phản ánh thiếu trung thực dẫn đến hiệu quả của hoạt động không được như mong muốn.

(3) Cán bộ được phân công nhiệm vụ lấy ý kiến phản hồi về hoạt động giáo dục, đào tạo của Học viện phải kiêm nhiệm nhiều việc khác nhau nên thời gian dành cho hoạt động bị hạn chế, ảnh hưởng đến chất lượng công tác.

(4) Cơ sở vật chất, trang thiết bị máy móc và kinh phí phục vụ cho hoạt động lấy ý kiến phản hồi còn hạn chế, chưa đáp ứng trong việc yêu cầu đổi mới và chuyển đổi số hiện nay.

Những tồn tại, hạn chế trên đã ảnh hưởng nhất định đến chất lượng và hiệu quả hoạt động lấy ý kiến phản hồi. Vì vậy, để nâng cao hiệu quả lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo của Học viện trong thời gian tới, cần thực hiện một số giải pháp cụ thể dưới đây.

3. Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan đối với công tác giáo dục, đào tạo.

Trong giai đoạn 2025 - 2030, hoạt động lấy ý kiến phản hồi được xác định là một trong những công tác trọng tâm trong công tác bảo đảm chất lượng giáo dục, đào tạo của Học viện. Hoạt động lấy ý kiến phản hồi tập trung vào hai nhóm yếu tố nền tảng tạo nên chất lượng giáo dục của Học viện đó là: con người và các điều kiện bảo đảm, đồng thời đánh giá các mối quan hệ tác động, hỗ trợ của các yếu tố này trong quá trình giáo dục, đào tạo.

Thứ nhất, tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến về mục đích, ý nghĩa và tầm quan trọng cũng như về nội dung, hình thức, công cụ lấy ý kiến phản hồi để toàn thể cán bộ, giảng viên, học viên, Công an các đơn vị, địa phương nhận thức đúng đắn, thực hiện nghiêm túc, trách nhiệm trong hoạt động lấy ý kiến phản hồi và sử dụng kết quả phản hồi để điều

chính kế hoạch hành động của cá nhân và tập thể đơn vị trong hoạt động giáo dục, đào tạo.

Thứ hai, tham mưu cho lãnh đạo các cấp hoàn thiện các văn bản quy định về công tác lấy ý kiến phản hồi đối với chất lượng giáo dục, đào tạo của lực lượng Công an nhân dân nói chung và Học viện nói riêng. Trong đó, đề xuất với cơ quan cấp trên cần ban hành các quy định, quy trình, quy chế phối hợp, xây dựng mẫu phiếu đánh giá chung về công tác lấy ý kiến phản hồi để các học viện thống nhất và triển khai đồng bộ, làm cơ sở tổng hợp, phân tích và đối sánh kết quả giữa các cơ sở giáo dục, đào tạo trong Công an nhân dân. Đồng thời, tổ chức các lớp tập huấn về công tác lấy ý kiến phản hồi để nâng cao trình độ chuyên môn cho cán bộ phụ trách hoạt động này.

Thứ ba, Thực hiện thường xuyên việc sơ kết, tổng kết hoạt động lấy ý kiến phản hồi; sử dụng kết quả lấy ý kiến phản hồi là một trong các căn cứ để xét danh hiệu giảng viên dạy giỏi trong năm học và bình xét thi đua các đơn vị; xây dựng chế độ khen thưởng, nhân rộng điển hình tiên tiến các cán bộ, giảng viên, giáo viên chủ nhiệm lớp, người phục vụ được học viên đánh giá tốt trong nhiều năm, đồng thời có biện pháp xử lý phù hợp đối với những giảng viên, đơn vị nhiều năm bị đánh giá dưới mức tốt nhằm không ngừng cải tiến chất lượng giảng dạy và chất lượng phục vụ đào tạo.

Thứ tư, chú trọng đầu tư đào tạo, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ cán bộ làm công tác lấy ý kiến phản hồi. Cán bộ chuyên trách cần được trang bị kiến thức về bảo đảm chất lượng, phương pháp khảo sát, đo lường và đánh giá, thống kê, phân tích dữ liệu và trình độ công nghệ thông tin.

Thứ năm, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành hoạt động lấy ý kiến phản hồi góp phần nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác lấy ý kiến phản hồi. Cần đầu tư trang thiết bị, cơ sở hạ tầng và hệ thống phần mềm phục vụ thiết kế phiếu, thu thập lưu trữ và phân tích tổng hợp dữ liệu báo cáo, bảo đảm thuận tiện cho người tham gia khảo sát, rút ngắn thời gian xử lý dữ liệu, tiết kiệm thời gian và nâng cao tính bảo mật, khách quan trong động lấy ý kiến phản hồi đồng bộ, có hiệu quả.

4. Kết luận

Công tác lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan giữ một vai trò hết sức quan trọng trong đảm bảo chất lượng giáo dục, đào tạo, vì đây chính là nền tảng giúp các cơ sở giáo dục xác định hay đánh giá hiệu quả quá

trình giáo dục đào tạo cũng như mục tiêu đào tạo, đồng thời có biện pháp cải tiến để nâng cao hơn nữa chất lượng giáo dục đào tạo. Việc lấy ý kiến phản hồi và tiếp nhận ý kiến phản hồi cần được xây dựng thành một phần của văn hóa chất lượng trong Học viện để mỗi cán bộ quản lý, giảng viên, học viên đều nhận thức rõ yêu cầu chất lượng đối với công việc được giao, từ đó hình thành thói quen làm việc có trách nhiệm, nhằm hướng tới sự hài lòng của người học và đơn vị sử dụng sản phẩm đào tạo. Để hoạt động này được thực hiện có hiệu quả, cấp ủy, lãnh đạo các cấp cần tăng cường chỉ đạo, kiểm tra, giám sát và sử dụng kết quả phản hồi trong quản lý, điều hành, các đơn vị chức năng và các bên liên quan, cần nhận thức sâu sắc ý nghĩa, tầm quan trọng của hoạt động này để quá trình triển khai, thực hiện được nghiêm túc và có hiệu quả, xây dựng Học viện PCCC và CNCH ngày càng chính quy, hiện đại và đáp ứng với yêu cầu thực tế. ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Công an (2019), *Quy định lấy ý kiến phản hồi đối với hoạt động giáo dục, đào tạo trong các học viện, trường Công an nhân dân ban hành kèm theo Quyết định số 1376/QĐ-BCA-X02 ngày 05/03/2019 của Bộ trưởng Bộ Công an*, Hà Nội.
2. Trường Đại học Phòng cháy chữa cháy (2021), *Quy định lấy ý kiến phản hồi đối với hoạt động giáo dục đào tạo, ban hành theo Quyết định số 436/QĐ-T06-P7, ngày 17/5/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học PCCC*, Hà Nội.
3. Trường Đại học Phòng cháy chữa cháy (2023), *Kỷ yếu Hội nghị tổng kết 05 năm công tác lấy ý kiến phản hồi đối với hoạt động giáo dục, đào tạo giai đoạn từ năm 2018 đến năm 2023*, Hà Nội.
4. Trường Đại học Phòng cháy chữa cháy (2025), *Kỷ yếu Hội thảo khoa học “Đổi mới công tác khảo thí, kiểm định và bảo đảm chất lượng đào tạo của Trường Đại học PCCC trong giai đoạn hiện nay”*, Hà Nội.
5. Trường Đại học Phòng cháy chữa cháy (2024), *Báo cáo kết quả công tác lấy ý kiến phản hồi về hoạt động đào tạo năm học 2023 - 2024*, Hà Nội.
6. Trường Đại học Phòng cháy chữa cháy (2025), *Báo cáo kết quả công tác lấy ý kiến phản hồi về hoạt động đào tạo năm học 2024 - 2025, 2025 - 2026*, Hà Nội.
7. Trường Đại học Phòng cháy chữa cháy (2026), *Báo cáo kết quả công tác lấy ý kiến phản hồi về hoạt động đào tạo năm học 2025 - 2026*, Hà Nội.



Ngày nhận bài: 21/3/2026; Ngày thẩm định: 17/9/2026; Ngày duyệt đăng: 21/9/2026.

AN TOÀN PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY CHO GARAGE CÓ XE ĐIỆN Ở VIỆT NAM

Thiếu tá, ThS HÀ TRUNG BÌNH

Khoa Tự động và phương tiện kỹ thuật phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, Học viện Phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ

**Tác giả liên hệ: Hà Trung Bình (Email: habinhckoto@gmail.com)*

Tóm tắt: Sự phát triển nhanh của xe điện tại Việt Nam đang làm gia tăng số lượng garage có xe điện và đặt ra những yêu cầu mới đối với công tác phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ (PCCC và CNCH). Bài viết phân tích các đặc trưng nguy hiểm cháy của garage có xe điện, tập trung vào nguy cơ phát sinh cháy, cháy lan giữa các phương tiện, tích tụ khói trong không gian kín và những khó khăn trong công tác chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ. Trên cơ sở tổng hợp các nghiên cứu trong và ngoài nước kết hợp với phân tích các quy định hiện hành của Việt Nam, bài viết đề xuất các giải pháp bảo đảm an toàn phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ theo hướng phát hiện cháy sớm, kiểm soát cháy lan, chống tụ khói và thoát khói, tích hợp các hệ thống kỹ thuật và nâng cao hiệu quả quản lý, vận hành garage. Kết quả nghiên cứu góp phần bổ sung cơ sở khoa học phục vụ hoàn thiện các quy định, tiêu chuẩn và giải pháp bảo đảm an toàn PCCC và CNCH đối với garage có xe điện ở Việt Nam.

Từ khóa: garage có xe điện; an toàn phòng cháy, chữa cháy; cháy lan; chống tụ khói và thoát khói; xe điện.

Abstract: The rapid growth of electric vehicles in Vietnam has increased the number of garages accommodating electric vehicles and created new requirements for fire prevention, firefighting, and rescue operations. This paper analyzes the fire hazards associated with garages accommodating electric vehicles, focusing on fire ignition, fire spread between vehicles, smoke accumulation in enclosed spaces, and challenges to firefighting and rescue operations. Based on a review of domestic and international studies together with an analysis of current Vietnamese fire safety regulations, the paper proposes measures to ensure fire safety, including early fire detection, fire spread control, smoke control and smoke exhaust, integration of building technical systems, and improved garage management and operation. The findings provide a scientific basis for improving regulations, technical standards, and engineering solutions to ensure fire safety for electric vehicle garages in Vietnam.

Keywords: garages housing electric vehicles; fire safety; fire spread; smoke control; electric vehicles.

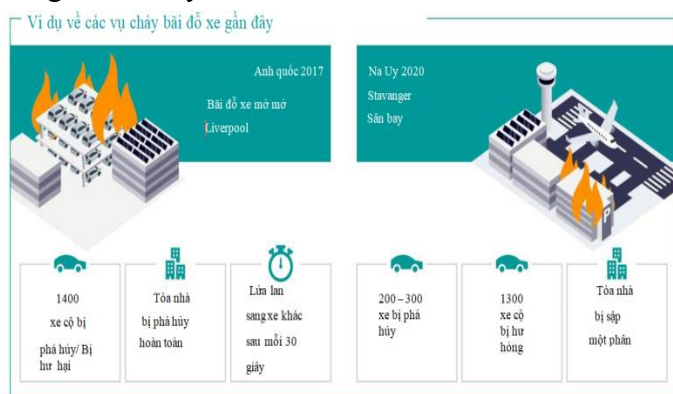
1. Đặt vấn đề

Trong những năm gần đây, cùng với xu hướng chuyển dịch năng lượng và thực hiện mục tiêu phát triển bền vững, xe điện đang phát triển nhanh tại nhiều quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Việc gia tăng số lượng xe điện kéo theo sự phát triển của hạ tầng sạc và làm thay đổi phương thức tổ chức khai thác các garage, bãi đỗ xe trong nhà cũng như

ngoài trời. Khác với giai đoạn trước đây khi phần lớn garage chỉ cho xe sử dụng động cơ đốt trong, hiện nay nhiều garage đã đồng thời tiếp nhận cả xe điện, hình thành mô hình garage hỗn hợp với sự hiện diện đồng thời của nhiều loại phương tiện có đặc điểm nguy hiểm cháy, nổ khác nhau.

Việc bổ sung xe điện và hệ thống sạc vào các garage hiện hữu không chỉ làm gia tăng tải trọng cháy

mà còn xuất hiện nhiều nguồn nguy hiểm cháy, nổ mới liên quan đến hệ thống điện công suất lớn, pin lithium-ion, thiết bị chuyển đổi điện và các hệ thống điều khiển thông minh. Trong cùng một không gian, sự tồn tại đồng thời của nhiên liệu lỏng từ xe động cơ đốt trong và bộ pin điện hóa của xe điện làm cho quá trình cháy trở nên phức tạp hơn, đặc biệt khi xảy ra cháy lan giữa các phương tiện. Bên cạnh đó, đặc điểm bố trí phương tiện với mật độ cao, không gian kín hoặc ngậm và điều kiện thông gió hạn chế làm gia tăng nguy cơ tích tụ khói, ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.



Hình 1: Vụ cháy xuất phát từ gara có xe điện.

Các nghiên cứu trong và ngoài nước cho thấy tổng tải trọng cháy của xe điện không khác biệt quá lớn so với xe sử dụng động cơ đốt trong; tuy nhiên, cơ chế cháy của bộ pin lithium-ion có những đặc điểm riêng như hiện tượng mất kiểm soát nhiệt (thermal runaway), khả năng tái cháy sau khi đã dập tắt ngọn lửa bề mặt, thời gian cháy kéo dài và phát sinh các khí độc hại. Trong điều kiện garage hỗn hợp, các đặc điểm này có thể làm tăng nguy cơ cháy lan sang các phương tiện lân cận, kéo dài thời gian xử lý sự cố và ảnh hưởng đến kết cấu công trình nếu không có các giải pháp phòng cháy, chữa cháy phù hợp.

Thực tiễn tại Việt Nam cho thấy nhiều công trình hiện hữu như nhà chung cư, trung tâm thương mại, tòa nhà văn phòng và garage dịch vụ đang từng bước bố trí thêm điểm sạc xe điện trên cơ sở cải tạo hệ thống kỹ thuật sẵn có. Tuy nhiên, các yêu cầu kỹ thuật riêng biệt đối với loại hình garage có xe điện vẫn chưa được nghiên cứu đầy đủ, trong khi hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật hiện hành chủ yếu được xây dựng trên cơ sở đặc điểm của

garage truyền thống. Điều này đặt ra yêu cầu cần nghiên cứu một cách toàn diện các nguy cơ cháy đặc thù của garage hỗn hợp, từ đó đề xuất các giải pháp bảo đảm an toàn phòng cháy, chữa cháy phù hợp với điều kiện thực tiễn ở Việt Nam.

Xuất phát từ yêu cầu trên, bài viết tập trung phân tích các đặc trưng nguy hiểm cháy của garage có xe điện trên cơ sở tổng hợp các kết quả nghiên cứu trong và ngoài nước, kết hợp với các quy định pháp luật hiện hành về phòng cháy, chữa cháy. Trên cơ sở nhận diện các nguy cơ phát sinh cháy, cháy lan, tích tụ khói, khó khăn trong công tác chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, bài viết đề xuất các giải pháp bảo đảm an toàn phòng cháy, chữa cháy đối với garage có xe điện theo hướng tiếp cận quản lý rủi ro tổng hợp, góp phần hoàn thiện cơ sở khoa học phục vụ xây dựng quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật trong thời gian tới.

2. Đặc trưng nguy hiểm cháy của garage có xe điện

2.1. Đặc điểm phát sinh nguy cơ cháy trong garage có xe điện

Garage có xe điện là loại hình công trình mà trong cùng một không gian có thể bố trí đồng thời xe điện, xe sử dụng động cơ đốt trong, hệ thống sạc điện, thiết bị phân phối điện và các hệ thống kỹ thuật phục vụ vận hành công trình. So với garage truyền thống, sự xuất hiện của xe điện và hạ tầng sạc làm gia tăng mức độ phức tạp của các nguồn phát sinh cháy, không chỉ do bổ sung các thiết bị điện công suất lớn mà còn do sự tồn tại đồng thời của nhiều dạng nguồn năng lượng khác nhau.

Nguồn phát sinh cháy trong garage có xe điện có thể xuất phát từ chính phương tiện, hệ thống sạc hoặc hệ thống điện của công trình. Đối với xe điện, nguy cơ cháy có thể xuất hiện khi bộ pin lithium-ion bị hư hỏng cơ học, chập mạch bên trong, quá nhiệt trong quá trình sạc hoặc chịu tác động của các điều kiện khai thác bất thường. Đối với xe sử dụng động cơ đốt trong, cháy thường liên quan đến rò rỉ nhiên liệu, sự cố hệ thống điện hoặc các hư hỏng kỹ thuật trong quá trình sử dụng. Ngoài ra, các sự cố tại thiết bị sạc, tủ điện, cáp dẫn điện, đầu nối hoặc thiết bị bảo vệ cũng có thể tạo ra hồ quang điện, phát nhiệt cục bộ và trở thành nguồn gây cháy.

Thực tế tại Việt Nam, nhiều garage hiện hữu được cải tạo để bổ sung điểm sạc xe điện trong khi kết cấu, hệ thống điện và giải pháp thông gió ban đầu được thiết kế cho garage truyền thống. Nếu việc cải tạo không đi kèm với đánh giá đầy đủ về tải điện, tải trọng cháy và điều kiện an toàn phòng cháy, chữa cháy thì nguy cơ phát sinh sự cố sẽ gia tăng. Vì vậy, việc nhận diện đầy đủ các nguồn nguy hiểm cháy là cơ sở quan trọng để lựa chọn giải pháp phòng ngừa phù hợp ngay từ giai đoạn thiết kế, cải tạo và vận hành garage.

2.2. Đặc điểm cháy lan trong garage có xe điện

Một trong những đặc trưng nguy hiểm nhất của garage có xe điện là khả năng cháy lan giữa nhiều phương tiện trong không gian có mật độ đỗ xe cao. Khác với đám cháy đơn lẻ, khi một phương tiện bốc cháy, bức xạ nhiệt và ngọn lửa có thể nhanh chóng tác động đến các phương tiện lân cận, tạo thành hiện tượng cháy lan theo chuỗi. Mức độ lan truyền phụ thuộc vào khoảng cách giữa các xe, tải trọng cháy, điều kiện thông gió và thời gian không chế đám cháy ban đầu.



Hình 2: Đặc điểm cháy lan của garage có xe điện.

Trong garage hỗn hợp, quá trình cháy có thể diễn ra theo nhiều kịch bản khác nhau như xe động cơ đốt trong cháy lan sang xe điện hoặc ngược lại. Khi xe điện bị gia nhiệt trong thời gian dài, nhiệt lượng truyền đến bộ pin lithium-ion có thể kích hoạt hiện tượng mất kiểm soát nhiệt (thermal runaway), làm đám cháy kéo dài và tăng khả năng cháy lan sang các phương tiện khác. Ngược lại, khi cháy bắt nguồn từ xe điện, nhiệt bức xạ cũng có thể làm bốc cháy các vật liệu dễ cháy trên xe sử dụng động cơ đốt trong. Do đó, đặc trưng nguy hiểm của garage có xe điện không chỉ nằm ở nguy cơ cháy của từng phương tiện riêng lẻ mà còn ở khả năng tương tác và lan truyền cháy giữa các loại phương tiện trong cùng một không gian.

Bên cạnh phương tiện, các vật liệu xây dựng công trình, hệ thống cáp điện, thiết bị kỹ thuật và hàng hóa tạm thời trong garage cũng có thể tham gia vào quá trình cháy, làm gia tăng tải trọng cháy tổng thể. Nếu không được khống chế kịp thời, đám cháy có thể phát triển thành cháy nhiều xe với quy mô lớn, gây thiệt hại nghiêm trọng về người, tài sản và ảnh hưởng đến khả năng khai thác công trình sau sự cố.

2.3. Nguy cơ từ trạm sạc, hệ thống điện và hạ tầng phụ trợ

Bên cạnh bản thân phương tiện, trạm sạc và hệ thống điện liên quan cũng là nguồn nguy cơ cần được xem xét. Sự cố điện, đoản mạch, tiếp xúc lỏng, quá tải, lão hóa cáp, sai sót thao tác vận hành hoặc tác động của môi trường có thể gây phát nhiệt, hồ quang điện và cháy cục bộ tại tủ sạc. Tuy nguy cơ cháy trạm sạc hiện chưa phổ biến bằng cháy phương tiện, nhưng khi số lượng điểm sạc tăng nhanh và công suất sạc ngày càng lớn, rủi ro tích lũy đối với garage là không thể xem nhẹ.

Trong các công trình hiện đại, garage có xe điện còn có thể liên kết với hệ thống lưu trữ năng lượng pin, hệ thống điện mặt trời, bộ chuyển đổi điện, hạ tầng điều khiển thông minh và mạng lưới quản lý tòa nhà. Sự hiện diện đồng thời của nhiều hệ thống điện - điện tử làm gia tăng nguy cơ phát sinh cháy, đòi hỏi cách tiếp cận đánh giá rủi ro tổng thể thay vì chỉ tập trung vào từng thiết bị riêng lẻ.

2.4. Khó khăn trong công tác chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ

Đám cháy trong garage có xe điện thường đặt ra nhiều khó khăn đối với lực lượng chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ do đặc điểm không gian kín, mật độ phương tiện lớn và điều kiện tiếp cận hạn chế. Trong các garage ngầm hoặc nhiều tầng, việc triển khai lực lượng, phương tiện chữa cháy và tổ chức tiếp cận hiện trường thường mất nhiều thời gian hơn so với các khu vực ngoài trời. Đồng thời, khói dày đặc và nhiệt độ cao làm giảm tầm nhìn, ảnh hưởng đến khả năng trinh sát và tìm kiếm người bị nạn.

Đối với xe điện, công tác chữa cháy còn gặp khó khăn do bộ pin thường được bố trí dưới gầm xe, khó tiếp cận trực tiếp để làm mát. Sau khi ngọn lửa bề

mặt được dập tắt, bộ pin vẫn có thể duy trì nhiệt độ cao và phát sinh hiện tượng tái cháy nếu không được theo dõi, làm mát hoặc cô lập theo quy trình phù hợp. Điều này làm kéo dài thời gian xử lý hiện trường và yêu cầu lực lượng chữa cháy phải duy trì giám sát phương tiện trong một khoảng thời gian sau khi đám cháy đã được khống chế.

Bên cạnh hoạt động chữa cháy, công tác cứu nạn, cứu hộ cũng gặp nhiều trở ngại do không gian garage thường có nhiều vật cản, lối đi chuyển hẹp và khả năng tích tụ khói cao. Trong điều kiện đó, việc tổ chức thoát nạn, chỉ huy chữa cháy và phối hợp giữa lực lượng tại chỗ với lực lượng chuyên nghiệp có ý nghĩa quyết định đối với hiệu quả xử lý sự cố. Vì vậy, các giải pháp bảo đảm an toàn đối với garage có xe điện cần được xây dựng theo hướng kết hợp đồng bộ giữa phòng ngừa, phát hiện sớm, kiểm soát cháy lan, chống tụ khói và tổ chức chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ phù hợp với đặc điểm của từng loại công trình.

3. Yêu cầu an toàn phòng cháy, chữa cháy đối với garage có xe điện ở Việt Nam

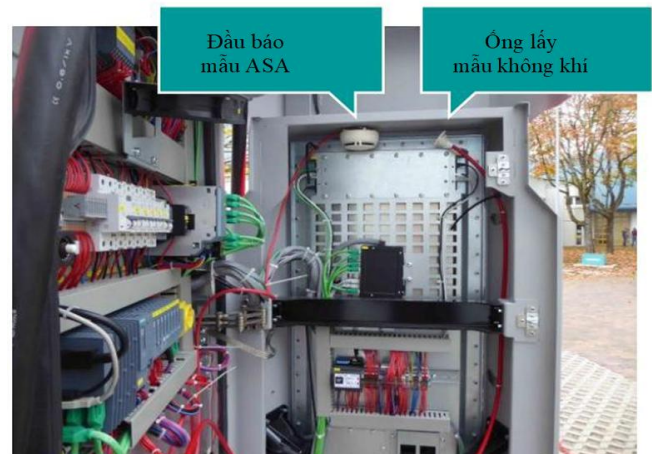
Trên cơ sở các nghiên cứu, mục tiêu bảo vệ đối với garage có xe điện cần được xác định theo ba phương diện cốt lõi: bảo đảm an toàn cho người trong garage và lực lượng chữa cháy; bảo vệ tính toàn vẹn kết cấu và hệ thống kỹ thuật của công trình; rút ngắn thời gian gián đoạn hoạt động sau cháy. Đây là cách tiếp cận phù hợp với xu hướng thiết kế nhà, công trình theo hiệu năng và phù hợp với yêu cầu quản lý nguy cơ cháy đối với công trình hiện đại ở Việt Nam.

Từ các mục tiêu trên, có thể cụ thể hóa thành các yêu cầu kỹ thuật chủ yếu gồm: phát hiện cháy sớm; hạn chế báo cháy giả; kích hoạt nhanh các giải pháp cảnh báo, chữa cháy, hút khói; hỗ trợ thoát nạn; cắt điện khẩn cấp đối với cụm sạc; liên động với hệ thống quản lý tòa nhà.

Một là, phát hiện cháy sớm và giảm báo cháy giả

Khả năng phát hiện cháy sớm có ý nghĩa quyết định đối với garage xe điện bởi khoảng thời gian ban đầu là thời điểm hiệu quả nhất để ngăn ngừa cháy lan. Tuy nhiên, môi trường garage thường có bụi, hơi ẩm, khí thải và dòng khí rối do thông gió cơ học, dễ gây nhiễu cho các loại đầu báo thông thường. Vì vậy, việc lựa chọn

công nghệ đầu báo phải hướng đến tính nhạy cao nhưng đồng thời giảm thiểu hiện tượng báo động giả.



Hình 3: Hệ thống báo cháy phát hiện cháy sớm và chống báo cháy giả.

Đối với khu vực đỗ xe, đầu báo nên được bố trí phía trên từng cụm vị trí đỗ xe hoặc theo vùng nguy cơ cháy thay vì chỉ tập trung trên làn xe chạy; đối với khu vực sạc, cần xem xét bổ sung đầu báo cục bộ trong không gian tủ sạc, đầu báo hút khói hoặc các cảm biến giám sát trạng thái bất thường của thiết bị. Kết nối liên động giữa phát hiện cháy với tín hiệu cắt điện và tín hiệu cảnh báo cho đơn vị quản lý cơ sở là yêu cầu quan trọng để rút ngắn thời gian can thiệp.

Hai là, kiểm soát cháy, hạn chế cháy lan và làm mát

Từ các nghiên cứu cho thấy phương án kết hợp phát hiện sớm với hệ thống sương nước áp suất cao có khả năng khống chế đám cháy xe điện, làm chậm quá trình lan cháy và tạo thêm thời gian cho lực lượng chữa cháy chuyên nghiệp tiếp cận hiện trường. Dưới góc độ áp dụng tại Việt Nam, đây là một hướng công nghệ đáng được quan tâm, song cần được xem xét trên cơ sở điều kiện công trình cụ thể, tính khả thi đầu tư, khả năng bảo trì và sự phù hợp với hệ thống cấp nước hiện có.

Bất kể lựa chọn công nghệ chữa cháy nào, yêu cầu cốt lõi vẫn là hạn chế lan truyền cháy giữa các xe, bảo vệ khu vực thoát nạn và duy trì nhiệt độ kết cấu ở mức chấp nhận được. Vì vậy, thiết kế cần chú trọng khoảng cách đỗ xe, phân vùng cháy, lựa chọn giải pháp chữa cháy tự động phù hợp với không gian garage, đồng thời tổ chức phương án cô lập và theo dõi phương tiện sau cháy để phòng ngừa tái bùng phát cháy.

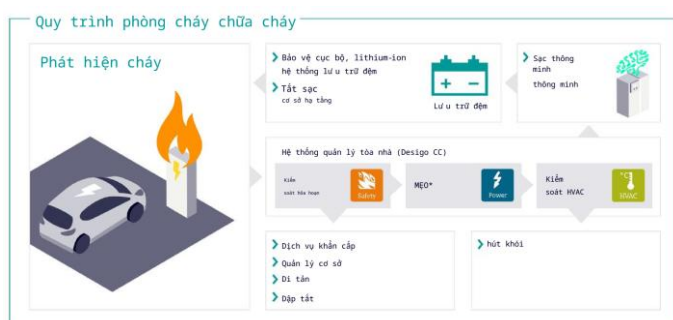
Ba là, thoát khói, cảnh báo và tổ chức thoát nạn

Đối với garage ngầm hoặc garage kín, khói thường là yếu tố gây nguy hiểm trước cả ngọn lửa. Do vậy, hệ thống an toàn phải đồng thời đáp ứng hai yêu cầu: kiểm soát lớp khói để duy trì điều kiện nhìn thấy và hô hấp được trong thời gian đầu, đồng thời truyền thông tin cảnh báo rõ ràng để người trong garage chủ động thoát nạn.

Đối với công trình có mật độ phương tiện lớn, nên ưu tiên giải pháp thông báo bằng giọng nói kết hợp chỉ dẫn thoát nạn trực quan, chiếu sáng sự cố và phương án hút khói cưỡng bức. Cần đánh giá đồng thời ảnh hưởng của chế độ vận hành quạt, vị trí cửa hút - cửa xả, hướng thoát nạn và khả năng tiếp cận của lực lượng chữa cháy để bảo đảm quá trình sơ tán không xung đột với hoạt động chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

Bốn là, tích hợp với quản lý tòa nhà và hạ tầng sạc

Garage có xe điện là một phần của hệ sinh thái kỹ thuật số hóa trong công trình. Vì vậy, hệ thống báo cháy không nên vận hành riêng biệt mà cần được tích hợp với hệ thống quản lý tòa nhà, hệ thống quản lý sạc, hệ thống giám sát kỹ thuật và cơ sở dữ liệu vận hành. Khi phát hiện sự cố, chuỗi liên động tối thiểu cần hoạt động bao gồm: phát hiện cháy sớm; xác định vùng xảy ra sự cố; phát lệnh cắt điện tới cụm sạc liên quan; chuyển chế độ thông gió sang hút khói; truyền cảnh báo đến bộ phận trực kỹ thuật; và lưu trữ dữ liệu phục vụ đánh giá sau sự cố.



Hình 4: Tích hợp, liên động các hệ thống trong quản lý tòa nhà.

Việc tích hợp liên động như trên không chỉ hỗ trợ xử lý sự cố nhanh hơn mà còn tạo điều kiện cho công tác bảo trì dự báo, thống kê sự cố, huấn luyện nhân sự và nâng cao khả năng phục hồi vận hành của công trình sau cháy.

4. Kết luận và kiến nghị

4.1. Kết luận

Garage có xe điện là không gian có nguy cơ cháy phức tạp hơn garage truyền thống do sự hiện diện đồng thời của phương tiện điện, pin lithium-ion, trạm sạc và hệ thống điện thông minh. Điểm khác biệt cốt lõi của cháy xe điện không chỉ nằm ở mức độ nguy hiểm của ngọn lửa, mà còn ở cơ chế mất kiểm soát nhiệt của pin, nguy cơ tái cháy, phát sinh khói độc và khả năng cháy lan nhiều xe trong không gian kín.

Bảo đảm an toàn phòng cháy, chữa cháy cho garage đỗ xe điện ở Việt Nam cần được triển khai theo tiếp cận bảo vệ nhiều lớp: thiết kế mặt bằng phù hợp; phát hiện cháy sớm và đảm bảo độ tin cậy; khả năng kiểm soát cháy, hạn chế lan truyền; hút khói, cảnh báo cháy, hỗ trợ thoát nạn; tích hợp với hệ thống quản lý tòa nhà; tổ chức sơ tán và cứu nạn, cứu hộ. Đây là hướng tiếp cận có giá trị thực tiễn đối với giai đoạn phát triển nhanh của hạ tầng xe điện hiện nay.

4.2. Một số kiến nghị đối với việc thiết kế, vận hành và tổ chức cứu nạn, cứu hộ

Một là, đối với các công trình hiện hữu đang cải tạo để bổ sung điểm sạc, cần đánh giá lại tổng thể điều kiện an toàn phòng cháy, chữa cháy thay vì chỉ lắp đặt thiết bị sạc. Nội dung đánh giá phải bao gồm: mật độ phương tiện, khoảng cách đỗ xe, đặc điểm thông gió, giải pháp phát hiện cháy, khả năng cắt điện khẩn cấp, tổ chức thoát nạn, cấp nước chữa cháy và phương án thu gom nước thải sau cháy.

Hai là, đối với công trình xây mới, cần tiếp cận từ giai đoạn thiết kế với tư duy garage hỗn hợp hoặc garage xe điện tương lai. Nghĩa là phải dự liệu khả năng mở rộng số lượng điểm sạc, khả năng xuất hiện nhiều xe điện đồng thời, yêu cầu tích hợp số liệu vận hành và các kịch bản cháy phức hợp trong không gian kín.

Ba là, đơn vị quản lý vận hành và đội phòng cháy chữa cháy cơ sở cần được huấn luyện chuyên biệt về nhận diện dấu hiệu bất thường của pin, quy trình cô lập phương tiện, cắt điện, tổ chức sơ tán, phối hợp với lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH và theo dõi phương tiện sau cháy.

Bốn là, về lâu dài, cần tiếp tục nghiên cứu trong nước đối với các kịch bản cháy xe điện trong garage

ngầm, garage nhiều tầng và bãi đỗ hỗn hợp, nhằm từng bước hoàn thiện cơ sở khoa học cho quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật chuyên ngành. Qua đó giảm thiểu nguy cơ, rủi ro do các đám cháy xuất phát từ garage đỗ xe điện gây ra.■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chính phủ (2025), *Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ*, Hà Nội.
2. Quốc hội (2024), *Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ*, Hà Nội.
3. Hà Trung Bình (2025), *An toàn cháy nổ tại các bãi đỗ xe có xe điện*, Tài liệu dịch, Trường Đại học Phòng cháy chữa cháy, Hà Nội.
4. NFPA (2020), *NFPA 502: Standard for Road Tunnels, Bridges, and Other Limited Access Highways*, National Fire Protection Association, Quincy.
5. DBI, Siemens Switzerland AG, Danfoss Fire Safety A/S (2023), *Demonstration Test of Detection and Suppression System for Electric Vehicle Fires in Car Parks (DESUCA)*, Danish Institute of Fire and Security Technology, Hvidovre.
6. RISE Fire Research, Safety & Transport (2020), *Evaluation of the Fire at Stavanger Airport Car Park*, RISE Research Institutes of Sweden, Borås.
7. Siemens Switzerland AG (2022), *Sinteso, FDnet Devices, Planning Tool*, Siemens Switzerland Ltd, Zug.
8. Siemens Switzerland AG (2022), *Smoke Detection Test, eMobility Test at Munich*, Siemens Switzerland Ltd, Zug.
9. Siemens Switzerland AG (2019), *Fire Protection for Li-ion Battery Energy Storage Systems – Application Guideline*, Siemens Switzerland Ltd, Zug.



Ngày nhận bài: 23/8/2026; Ngày thẩm định: 23/9/2026 ; Ngày duyệt đăng: 24/9/2026.

TRÁCH NHIỆM ĐẠO ĐỨC KHI SỬ DỤNG ỨNG DỤNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO (AI) TRONG HỌC TẬP CÁC HỌC PHẦN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ TẠI HỌC VIỆN PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN CỨU HỘ

Thượng tá, TS NGUYỄN NGỌC QUỲNH

Phó trưởng Khoa Lý luận chính trị và khoa học xã hội nhân văn, Học viện Phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ

Trung tá, TS LƯU NGỌC LONG

Khoa Lý luận chính trị và khoa học xã hội nhân văn, Học viện Phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ

**Tác giả liên hệ: Lưu Ngọc Long (E-mail: Luuanhlong1984@gmail.com)*

Tóm tắt: Sự phát triển của trí tuệ nhân tạo (AI) mang lại nhiều tiện ích nhưng cũng đặt ra thách thức lớn về liêm chính học thuật và an ninh tư tưởng. Bài viết phân tích thực trạng ứng dụng AI trong học tập các học phần Lý luận chính trị của học viên Học viện Phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ. Từ việc nhận diện các rủi ro sai lệch thông tin và thao túng tâm lý, bài báo đề xuất hệ thống giải pháp định hướng sử dụng AI gắn liền với trách nhiệm đạo đức. Trọng tâm là nâng cao năng lực thẩm định dữ liệu, thực hành kỹ năng kiểm chứng chéo và tuân thủ đạo đức số. Quá trình này giúp học viên làm chủ công nghệ, đồng thời góp phần bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng trong kỷ nguyên mới.

Từ khóa: trí tuệ nhân tạo, đạo đức AI, lý luận chính trị, nền tảng tư tưởng, Học viện Phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ.

Abstract: The development of Artificial Intelligence (AI) brings numerous benefits but also poses significant challenges to academic integrity and ideological security. This article examines the current state of AI utilization in learning Political Theory modules by cadets at the Fire and Rescue Academy. By identifying the risks of misinformation and psychological manipulation, the paper proposes a system of solutions to guide the ethically responsible use of AI. The focus is on enhancing data evaluation capacity, practicing cross-checking skills, and complying with digital ethics. This process not only helps cadets master technology but also contributes to firmly safeguarding the Party's ideological foundation in the new era.

Keywords: artificial Intelligence, AI ethics, political theory, ideological foundation, Fire and Rescue Academy.

1. Đặt vấn đề

Trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc và sự bùng nổ của chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo (AI) đang tạo ra cuộc cách mạng sâu sắc thay đổi phương thức

giáo dục đại học. Dù mang lại lợi ích to lớn trong việc cá nhân hóa lộ trình học tập và tổng hợp tri thức, AI cũng đặt ra những thách thức chưa từng có đối với tính liêm chính học thuật và an ninh thông tin. Thách

thức này càng trở nên gay gắt đối với việc giảng dạy và học tập các học phần Lý luận chính trị – nơi đòi hỏi tri thức phải bảo đảm tính chính xác, khách quan và bám sát nền tảng tư tưởng của Đảng.

Thực hiện tinh thần Nghị quyết số 25-NQ/TW, ngày 22/8/2026 của Bộ Chính trị về Chiến lược công tác tư tưởng trong bối cảnh mới, trong đó nhấn mạnh "Công tác tư tưởng... phải đi trước mở đường, đi cùng trong tổ chức thực hiện và đi sau tổng kết thực tiễn, củng cố niềm tin" [2; tr.2]. Hơn nữa, bước vào giai đoạn phát triển mới, Đại hội XIV của Đảng đã nhấn mạnh yêu cầu: "Chuyển đổi số toàn diện, phổ cập và ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số, trí tuệ nhân tạo trong giáo dục và đào tạo" [4, tr. 102].

Nhận diện rõ thực tiễn, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã ban hành Chỉ thị số 10-CT/TW ngày 20/7/2026 về tăng cường giáo dục lý luận chính trị, lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống, ý thức công dân trong hệ thống giáo dục quốc dân, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong tình hình mới. Chỉ thị nhấn mạnh bối cảnh "khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo, mạng xã hội phát triển nhanh, tác động sâu sắc đến nhận thức, tư tưởng, tình cảm, lối sống của người học" [1; tr. 1]. Lợi dụng điều này, "các thế lực thù địch, phản động, cơ hội chính trị tiếp tục chống phá trên lĩnh vực tư tưởng, văn hoá, giáo dục, nhất là trên không gian mạng" [1; tr. 1]. Đứng trước tình hình đó, yêu cầu cấp thiết là phải "hình thành môi trường giáo dục hiện đại, lành mạnh, an toàn trên môi trường số" [1; tr. 2].

Bên cạnh đó, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT (ngày 24/01/2025) về Quy định Khung năng lực số cho người học, chú trọng miền năng lực "Ứng dụng trí tuệ nhân tạo" [3; tr. 5]. Theo đó, người học bắt buộc phải có năng lực sử dụng AI có đạo đức và trách nhiệm, biết "đánh giá và lọc thông tin từ các nguồn được tạo ra hoặc xử lý bằng AI, để hiểu rõ hơn về tính đáng tin cậy và cách sử dụng thông tin đó" [3; tr. 5]; đồng thời phải "đánh giá AI trên các khía cạnh minh bạch, an toàn, đạo đức và tác động" [3; tr. 5].

Đối với Học viện Phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ, học viên là thế hệ sĩ quan Công an nhân dân tương lai. Các em không chỉ chiến đấu chống "giặc lửa" mà còn là thanh bảo kiếm bảo vệ an ninh chế độ. Nếu không rèn luyện năng lực ứng dụng AI chuẩn mực, học viên dễ rơi vào tâm lý y lại, vi phạm liêm chính và trở thành nạn nhân của "ảo giác AI" (hallucination) – vô tình tiếp nhận và lan truyền quan điểm chính trị sai lệch. Bài báo tập trung làm rõ cơ sở lý luận, đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp định hướng sử dụng AI, góp phần bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng trong kỷ nguyên số.

2. Một số vấn đề về trách nhiệm đạo đức khi sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI)

2.1. Cơ sở lý luận về trách nhiệm đạo đức khi ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI)

2.1.1. Nhận thức đúng đắn về khả năng và giới hạn của Trí tuệ nhân tạo (AI) trong giáo dục

Trí tuệ nhân tạo "là việc các hệ thống máy tính có khả năng thực hiện các nhiệm vụ đòi hỏi trí tuệ con người như học tập, suy luận và giải quyết vấn đề" [3; tr. 2]. Trong đó, AI có khả năng "tạo ra dữ liệu mới, có thể là văn bản, hình ảnh, âm thanh, hoặc video, mã nguồn lập trình dựa trên dữ liệu đầu vào đã được huấn luyện trước đó" [3; tr. 2-3]. Dù hỗ trợ đắc lực cho việc tra cứu, tóm tắt tài liệu, yêu cầu cốt lõi là người học phải "nắm vững được nguyên tắc hoạt động của AI, khả năng và hạn chế của AI" [3; tr. 5].

Giới hạn nguy hiểm nhất của hệ thống AI hiện nay là "ảo giác" (hallucination) – tạo ra thông tin logic nhưng sai lệch, bịa đặt. Trong các học phần Lý luận chính trị, giới hạn này tiềm ẩn rủi ro an ninh tư tưởng lớn. Nếu kho dữ liệu huấn luyện chứa quan điểm thù địch, AI có thể tái tạo những luận điểm đi ngược chủ trương của Đảng. Văn kiện Đại hội XIV đã cảnh báo rõ về bối cảnh phức tạp này: "Các thế lực thù địch, phản động, cơ hội chính trị tăng cường chống phá. Sự tác động từ mặt trái của cơ chế thị trường và quá trình mở cửa, hợp tác đầu tư với nước ngoài trong quá trình thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc ngày càng phức tạp" [5, tr.

189]. Do đó, học viên phải có tri thức vững vàng để nhận diện bản chất công cụ, không đồng nhất kết quả do máy móc tạo ra với chân lý khách quan.

2.1.2. Khía cạnh trách nhiệm đạo đức khi tương tác với hệ thống AI

Ứng dụng AI có đạo đức đòi hỏi sự tuân thủ nghiêm ngặt các chuẩn mực học thuật. Người học phải "xem xét các khía cạnh đạo đức khi sử dụng AI, bảo đảm không vi phạm quyền riêng tư và bảo mật dữ liệu" [3; tr. 39]. Việc lạm dụng công cụ AI để làm bài tập thay, sao chép nguyên văn mà không qua tư duy chất lọc là hành vi gian lận, làm thui chột năng lực độc lập tư duy.

Bên cạnh đó, khía cạnh trách nhiệm đòi hỏi người học phải "chịu trách nhiệm về các quyết định và kết quả do hệ thống AI đưa ra, bảo đảm tuân thủ quy định pháp luật và chuẩn mực đạo đức" [3; tr. 39]. Khung năng lực số cũng quy định rõ yêu cầu người học phải có khả năng thẩm định độc lập tính minh bạch và độ tin cậy của các hệ thống thuật toán. Làm chủ AI gắn với trách nhiệm đạo đức chính là biểu hiện sinh động của bản lĩnh chính trị trong thời đại số.

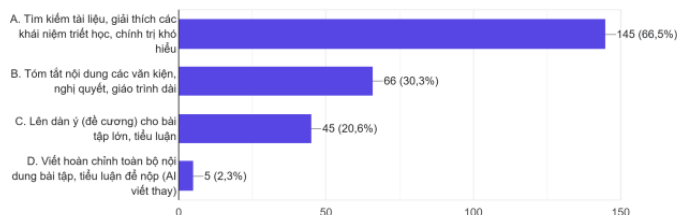
2.2. Thực trạng sử dụng công cụ AI trong học tập các học phần Lý luận chính trị tại Học viện Phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ hiện nay

Chúng tôi đã tiến hành khảo sát định lượng 218 học viên tại Học viện (D41A,B; LT17 A,B,C,D,E) với 13 câu hỏi tập trung vào ba trục nội dung: Tần suất và mục đích sử dụng; nhận thức về đạo đức AI và đánh giá rủi ro an ninh tư tưởng. Kết quả thu được như sau:

2.2.1. Tần suất, thói quen và mục đích sử dụng

Kết quả cho thấy, 8,3% học viên sử dụng AI "Rất thường xuyên" và 15,1% "Thường xuyên" trong các học phần Lý luận chính trị; 72,9% ở mức "Thỉnh thoảng" và chỉ 3,7% "Không bao giờ sử dụng". Về mục đích, 66,5% dùng AI để "Tìm kiếm tài liệu, giải thích khái niệm" và 30,3% dùng để "Tóm tắt văn kiện". Tuy nhiên, 2,3% học viên thừa nhận sử dụng AI để "Viết hoàn chỉnh toàn bộ nội dung bài tập để nộp", bộc lộ tình trạng lạm dụng công nghệ.

Câu 2: Mục đích chính của đồng chí khi sử dụng AI trong các môn Lý luận chính trị là gì? (Có thể chọn nhiều đáp án)
218 câu trả lời



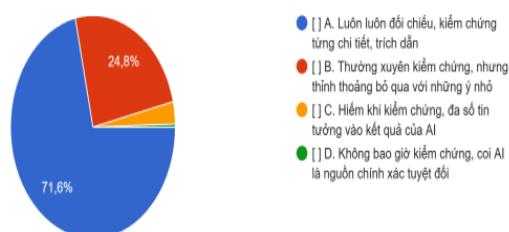
Hình 1: Mục đích của học viên khi sử dụng AI trong học tập các học phần Lý luận chính trị.

Về kỹ năng đặt câu hỏi (prompt), yêu cầu của Bộ Giáo dục và đào tạo là người học phải "lập kế hoạch và phát triển được một chuỗi các câu lệnh để hiểu cho một hệ thống máy tính để giải quyết một vấn đề nhất định" [3; tr. 3]. Song, 24,3% học viên "Chỉ gõ từ khóa chung chung" và 5,0% "Sao chép y nguyên đề bài của giảng viên". Việc phó mặc tư duy đầu vào khiến kết quả đầu ra rập khuôn, thiếu đi sự chính xác về nội dung. Đây là một vấn đề cần được lưu ý.

2.2.2. Thực trạng nhận thức về liên chính học thuật và đạo đức khi sử dụng AI

Khi được hỏi về tỷ lệ nội dung do AI tạo ra chiếm khoảng bao nhiêu % trong câu trả lời khi giảng viên đưa đặt ra câu hỏi. Có khoảng 53,2% số học viên trả lời dung lượng do AI tạo ra chiếm khoảng dưới 20% nội dung câu hỏi, tức là chỉ dùng để tham khảo ý tưởng, cấu trúc. Bên cạnh đó, khi nhận kết quả do AI tạo ra, vẫn có 3,2% "Hiếm khi kiểm chứng". Sự dễ dãi này cho thấy một bộ phận học viên chưa nhận thức đầy đủ trách nhiệm cá nhân đối với các kết quả do thuật toán tạo ra. Cụ thể, 25,7% học viên thấy ranh giới "tham khảo" và "đạo văn AI" còn mơ hồ, 4,1% chưa biết đến khái niệm "Sử dụng AI có đạo đức".

Câu 5: Sau khi AI cung cấp thông tin, trích dẫn hoặc số liệu, đồng chí có thói quen kiểm chứng (fact-check) lại bằng giáo trình chuẩn hoặc văn kiện chính thống không?
218 câu trả lời

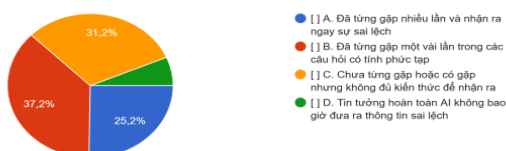


Hình 2: Tỷ lệ học viên kiểm chứng thông tin sau khi tiếp nhận từ AI.

2.2.3. Rủi ro an ninh tư tưởng và tác động của hiện tượng "Ảo giác AI"

Có đến 25,2% học viên "Đã từng gặp nhiều lần" và 37,2% "Đã từng gặp một vài lần" AI cung cấp sai lệch lịch sử hoặc bóp méo đường lối chính trị của Đảng. Dù 81,6% chủ động báo cáo hoặc phản bác, vẫn còn 17,9% "Bỏ qua", tức là kệ kết quả như vậy, mặc dù không sử dụng kết quả xuyên tạc này. Rõ ràng, yêu cầu "trang bị cho người học năng lực số, tư duy phản biện, kỹ năng ứng xử văn hoá và khả năng tự bảo vệ trước thông tin xấu độc" [1; tr. 3] đang là nhiệm vụ rất quan trọng.

Câu 8: Đồng chí đã bao giờ phát hiện AI cung cấp thông tin sai lệch về lịch sử Việt Nam, bóp méo đường lối của Đảng hoặc sai kiến thức chuyên môn CAND chưa?
218 câu trả lời



Hình 3: Phản ứng của học viên khi phát hiện AI cung cấp thông tin sai sự thật.

2.2.4. Nhu cầu và định hướng từ phía người học

Để giải quyết rủi ro, 48,2% học viên kỳ vọng Học viện "Tổ chức tập huấn chuyên đề về AI" và 41,3% mong muốn "Ban hành quy chế rõ ràng về giới hạn sử dụng AI". Nhu cầu này hoàn toàn phù hợp với định hướng "hoàn thiện cơ chế quản lý và bảo đảm chất lượng giáo dục lý luận chính trị; xây dựng hệ thống tiêu chí, chỉ số đánh giá thống nhất, công khai, minh bạch" [1; tr. 3].

Bên cạnh đó, 2,3% học viên đề xuất "Đổi mới hình thức thi cử", đáp ứng đúng yêu cầu "kiểm tra, đánh giá toàn diện, thực chất về nhận thức, thái độ, hành vi" [1; tr. 3]. Trong ý kiến mở, học viên nhấn mạnh: "*Cần hiểu cơ chế đưa thông tin của AI... việc bị cài cắm tư tưởng lệch lạc qua câu từ hợp lý chính là chiêu bài cách mạng màu*". Chứng tỏ học viên đã nhận thức rất đúng về việc AI có thể bị các thế lực thù địch lợi dụng để truyền bá tư tưởng sai lệch.

2.3. Giải pháp định hướng ứng dụng công cụ Trí tuệ nhân tạo (AI) có đạo đức và trách nhiệm

Từ những hạn chế và rủi ro đã bộc lộ trong thực trạng, để việc ứng dụng AI trong học tập các môn Lý luận chính trị đạt hiệu quả và an toàn, cần triển khai

đồng bộ các giải pháp từ ba chủ thể: Học viện, Khoa chuyên môn và bản thân người học.

2.3.1. Giải pháp từ góc độ quản lý, điều hành của Học viện Phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ

Học viện cần ban hành quy chế nội bộ hướng dẫn chi tiết về việc sử dụng công nghệ số và AI trong học tập, thi cử và nghiên cứu khoa học. Quy chế này phải vạch rõ ranh giới giữa hành vi "tham khảo công cụ" và "gian lận, đạo văn". Cùng với đó, Học viện cần đầu tư nâng cấp hạ tầng công nghệ, trang bị các phần mềm chuyên dụng có khả năng rà soát, phát hiện văn bản do AI tạo ra để kiểm soát chất lượng các bài tập lớn, tiểu luận. Việc thiết lập một hành lang pháp lý minh bạch ở cấp quản lý vĩ mô sẽ tạo cơ sở vững chắc để giữ nghiêm kỷ cương học thuật, chủ động ngăn ngừa các biểu hiện lệch chuẩn từ sớm.

2.3.2. Giải pháp từ góc độ tổ chức giảng dạy của Khoa Lý luận chính trị và khoa học xã hội nhân văn

Thứ nhất, tích hợp nội dung sử dụng AI vào chương trình giảng dạy. Giảng viên không nên né tránh công nghệ mà cần trực tiếp hướng dẫn học viên cách thiết lập câu lệnh (prompt) chuẩn xác, gắn với lập trường chính trị vững vàng. Đặc biệt, cần đưa các ví dụ về thông tin sai lệch do AI sinh ra ("ảo giác AI") vào thảo luận trên lớp. Giảng viên cần chỉ rõ các quan điểm thù địch ẩn dưới vỏ bọc câu chữ logic của thuật toán chính là một dạng thức mới của "diễn biến hòa bình", qua đó trực tiếp chuyển hóa nhận thức về công nghệ thành "sức đề kháng tư tưởng" sắc bén cho người học.

Thứ hai, đổi mới nội dung ra đề và phương pháp kiểm tra, đánh giá. Để ngăn chặn rủi ro học viên dùng AI tạo sẵn văn mẫu ở nhà rồi học vẹt và sao chép lại trong phòng thi tự luận, Khoa cần chuyển hướng ra đề thi. Các câu hỏi kiểm tra lý thuyết thuần túy cần được thay thế bằng dạng đề mở, yêu cầu phân tích tình huống thực tiễn gắn với đặc thù nghiệp vụ PCCC và CNCH. Cách đánh giá này bắt buộc người học phải tư duy độc lập, vận dụng sáng tạo quan điểm của Đảng vào thực tế, triệt tiêu hoàn toàn thói quen ỷ lại vào máy móc.

2.3.3. Giải pháp từ góc độ rèn luyện, học tập của học viên

Mỗi học viên cần tự nhận thức sâu sắc rằng việc làm chủ công nghệ gắn với trách nhiệm đạo đức là

một tiêu chuẩn bắt buộc của người sĩ quan Công an nhân dân trong kỷ nguyên số. Học viên phải tự giác tuân thủ kỷ luật học thuật, kiên quyết nói không với việc sao chép thụ động sản phẩm của trí tuệ nhân tạo.

Khi tương tác với AI, trong việc tiếp cận các vấn đề lý luận chính trị, nhất là các vấn đề thuộc học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, học viên phải có và luôn sử dụng kỹ năng kiểm chứng chéo (fact-check) các thông tin bằng tài liệu chính thống như Văn kiện, Giáo trình. Cụ thể, học viên cần đối chiếu các mốc thời gian, sự kiện, nhân vật và quan điểm đánh giá do AI tạo ra với các văn bản đã được kiểm duyệt của Đảng và Nhà nước; đồng thời nhận diện các từ ngữ mang tính chủ quan, định hướng dư luận của thuật toán để kịp thời sàng lọc.

Hơn thế nữa, học viên cần chủ động biến AI thành công cụ hỗ trợ đắc lực để sáng tạo các ấn phẩm truyền thông tích cực, tham gia đấu tranh phản bác hiệu quả các luận điệu xuyên tạc, bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng trên không gian mạng.

3. Kết luận

Sự bùng nổ của trí tuệ nhân tạo mang đến cơ hội học tập to lớn nhưng cũng đặt ra thách thức gay gắt về liêm chính học thuật và an ninh tư tưởng. Đối với học viên Học viện Phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ, ứng dụng AI trong học tập Lý luận chính trị phải luôn gắn liền với nhiệm vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Thông qua việc hoàn thiện quy chế, đổi mới phương pháp đánh giá và tăng cường tập huấn, Học viện sẽ định hướng người học làm chủ công nghệ với trách nhiệm đạo đức cao nhất. Đây là chìa khóa then chốt để đào tạo thế hệ sĩ quan Công an nhân dân vững vàng bản lĩnh, có "sức đề kháng" sắc bén đập tan mọi âm mưu chống phá trong kỷ nguyên số, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu "giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội; giữ vững và củng cố môi trường hoà bình để xây dựng, phát triển đất nước" mà Đại hội XIV đã đề ra [5, tr. 381].■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Bí thư Trung ương Đảng (2026), *Chỉ thị số 10-CT/TW ngày 20/7/2026 về tăng cường giáo dục lý luận chính trị, lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống, ý thức công dân trong hệ thống giáo dục quốc dân, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong tình hình mới*, tại <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/van-ban-cua-dang/chi-thi-so-10-ct-tw-ngay-20-7-2026-cua-ban-bi-thu-ve-tang-cuong-giao-duc-ly-luan-chinh-tri-ly-tuong-cach-mang-dao-duc-lo.html>, Hà Nội.
2. Bộ Chính trị (2026), Nghị quyết số 25-NQ/TW, ngày 22/8/2026 của Bộ Chính trị về *Chiến lược công tác tư tưởng trong bối cảnh mới* tại <https://xaydungchinhsach.chinhphu.vn/ngphi-quyet-so-25-nq-tw-cua-bo-chinh-tri-ve-chien-luoc-cong-tac-tu-tuong-trong-boi-canhh-moi-119260829181747391.htm>
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2025), *Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24/01/2025 quy định Khung năng lực số cho người học*, từ <https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=212648>, Hà Nội.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV*, Tập I, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV*, Tập II, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.



Ngày nhận bài: 17/9/2026; Ngày thẩm định: 23/9/2026; Ngày duyệt đăng: 24/9/2026.

VỊ TRÍ, Ý NGHĨA QUAN HỆ PHỐI HỢP GIỮA CƠ QUAN CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ VỚI CƠ QUAN CẢNH SÁT ĐIỀU TRA TRONG XÁC MINH, GIẢI QUYẾT VỤ CHÁY

Thiếu tá, ThS NGUYỄN VĂN THẮNG

Phó trưởng Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an tỉnh Hưng Yên

**Tác giả liên hệ: Nguyễn Văn Thắng (Email: nguyenthang03021989@gmail.com)*

Tóm tắt: Trên cơ sở khảo sát thực trạng quan hệ phối hợp giữa Cơ quan Cảnh sát PCCC và CNCH với Cơ quan Cảnh sát điều tra trong xác minh, giải quyết vụ cháy, bài viết phân tích, làm rõ vị trí, ý nghĩa quan hệ phối hợp giữa hai Cơ quan và kiến nghị trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ.

Từ khóa: Cơ quan Cảnh sát PCCC và CNCH; Cơ quan Cảnh sát điều tra; xác minh, giải quyết vụ cháy; quan hệ phối hợp.

Abstract: Based on an assessment of the current state of coordination between the Fire and Rescue Police Agency and the Investigative Police Agency regarding the verification and handling of fire incidents, this article analyzes and clarifies the role and significance of this coordination and offers recommendations for the organization and execution of these tasks.

Keywords: Fire and Rescue Police; Investigative Police Agency; verification and handling of fire incidents; coordination.

1. Quan hệ phối hợp giữa Cơ quan Cảnh sát PCCC và CNCH với Cơ quan Cảnh sát điều tra trong xác minh, giải quyết vụ cháy là phương thức quan trọng giúp các cá nhân, bộ phận và cả 02 Cơ quan gắn kết với nhau nhằm hoàn thành mục tiêu một cách thống nhất, đạt chất lượng và hiệu quả trong thực hiện nhiệm vụ. Đó là quá trình tổ chức hoạt động cho nhiều cá nhân, bộ phận bên trong 02 Cơ quan một cách hài hòa và đồng bộ; bảo đảm cho 02 Cơ quan thực hiện được đầy đủ, hiệu quả các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

Tuy nhiên, trong mỗi quan hệ phối hợp, không phải lúc nào và ở đâu cũng phát huy tác dụng tích cực. Nếu phối hợp vượt quá nhu cầu cần thiết, đến mức bị lạm dụng thì sự phối hợp lúc đó sẽ làm hạn chế sự phát triển và hoàn thiện năng lực của cá nhân, cơ quan, xuất

hiện đùn đẩy công việc, trách nhiệm. Mặt khác, nếu thẩm quyền, trách nhiệm phối hợp được quy chế hóa một cách quá mức, quá nhấn mạnh nhu cầu phối hợp mà không tính đến việc phân định rõ thẩm quyền và trách nhiệm cụ thể thì khi đó phối hợp có thể bị lạm dụng, tạo ra sự áp đặt đối với cá nhân, cơ quan.

2. Theo thống kê của Cục Cảnh sát PCCC và CNCH, trong khoảng thời gian từ năm 2020 đến hết năm 2025, trên toàn quốc xảy ra 17.441 vụ cháy cơ sở, phương tiện giao thông cơ giới và hộ gia đình làm 606 người tử vong, 669 người bị thương, thiệt hại trực tiếp về tài sản hơn 4.207,23 tỷ đồng, đã xác minh, làm rõ 13.574/17.441 vụ, chiếm 77,83% tổng số vụ cháy xảy ra [3]. Trong đó, lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH phối hợp với Cơ quan điều tra xác minh, giải quyết 916 vụ (chiếm 5,25% tổng số vụ cháy), gồm 43

vụ do Cơ quan Cảnh sát PCCC và CNCH khởi tố vụ án hình sự và 873 vụ do Cơ quan Cảnh sát điều tra khởi tố vụ án hình sự.

Trong thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật hiện hành, Cơ quan Cảnh sát PCCC và CNCH có vai trò nắm tình hình, tiếp cận và xử lý ban đầu tại hiện trường vụ cháy; tổ chức chữa cháy, CNCH; bảo vệ hiện trường, thu thập thông tin, dấu vết cháy và phối hợp xác định sơ bộ nguyên nhân, diễn biến vụ cháy xảy ra. Cơ quan Cảnh sát điều tra thực hiện chức năng điều tra theo thẩm quyền, đặc biệt đối với vụ cháy có dấu hiệu của tội phạm, tổ chức các hoạt động tố tụng cần thiết để xác định nguyên nhân, diễn biến, hậu quả, lỗi của cá nhân, pháp nhân và trách nhiệm pháp lý của các bên liên quan. Hai cơ quan có mối quan hệ phối hợp nghiệp vụ và tố tụng, trong đó thông tin, tài liệu, dấu vết và kết quả xử lý ban đầu của Cơ quan Cảnh sát PCCC và CNCH là nguồn thông tin quan trọng để Cơ quan Cảnh sát điều tra đánh giá, xác minh và quyết định hướng giải quyết. Do đó, quan hệ phối hợp giữa Cơ quan Cảnh sát PCCC và CNCH với Cơ quan Cảnh sát điều tra trong xác minh, giải quyết vụ cháy có vị trí: là cầu nối gắn kết, phối hợp giữ vai trò trung tâm trong cấu trúc vận hành của lực lượng Công an nhân dân, giúp liên kết các cá nhân trong 02 Cơ quan thành một khối thống nhất. Là yếu tố xuyên suốt, hiện diện trong mọi giai đoạn của quá trình thực hiện nhiệm vụ điều tra vụ cháy, từ khâu lập kế hoạch, triển khai thực tế cho đến kết luận điều tra và giải quyết đối với từng vụ cháy xảy ra và cả trong quá trình kiểm tra, giám sát và tổng kết theo định kỳ công tác năm. Là thước đo năng lực phương thức lãnh đạo, quản lý và trình độ tổ chức thực hiện công việc của mỗi cá nhân, Cơ quan theo chuyên môn được giao.

Bên cạnh đó, quan hệ phối hợp giữa Cơ quan Cảnh sát PCCC và CNCH với Cơ quan Cảnh sát điều tra trong xác minh, giải quyết vụ cháy có ý nghĩa: Thứ nhất, bảo đảm giải quyết vụ cháy kịp thời, toàn diện bởi vụ cháy diễn biến nhanh, hiện trường dễ bị biến dạng hoặc mất dấu vết cháy do tác động của tự nhiên, chất chữa cháy, sập đổ công trình và hoạt động cứu người, di chuyển tài sản, do đó sự phối hợp ngay

từ thời điểm đầu giúp nâng cao khả năng phát hiện dấu vết, tài liệu cũng như giá trị của chúng khi thu thập được. Thứ hai, nâng cao hiệu quả xác định nguyên nhân vụ cháy do việc xác định đòi hỏi kết hợp kiến thức lý thuyết quá trình cháy, dấu vết cháy với phương pháp điều tra; sự phối hợp giúp phân biệt tương đối chính xác giữa cháy do sự cố kỹ thuật, sơ suất, tai nạn với cháy có dấu hiệu cố ý hoặc hành vi vi phạm pháp luật khác từ đó giúp huy động tối đa nguồn lực, trí tuệ tập thể và thế mạnh của từng bộ phận, giải quyết các vấn đề phức tạp nhanh chóng hơn. Thứ ba, xác định đầy đủ tính chất và hậu quả của vụ cháy bởi thông tin từ Cơ quan PCCC và CNCH về quá trình phát hiện, chữa cháy, cứu người, thiệt hại ban đầu giúp 02 Cơ quan, đặc biệt Cơ quan Cảnh sát điều tra có cơ sở đánh giá hậu quả, từ đó xác định đúng trách nhiệm của những người có liên quan. Thứ tư, tránh bỏ lọt tội phạm và tránh oan, sai bởi nếu chỉ xem xét vụ cháy dưới góc độ kỹ thuật PCCC và CNCH có thể bỏ sót dấu hiệu tội phạm, ngược lại, nếu chỉ dựa vào thông tin điều tra mà thiếu đánh giá chuyên môn về hiện trường vụ cháy thì dễ dẫn đến nhận định không chính xác về nguyên nhân. Thứ năm, nâng cao trách nhiệm quản lý nhà nước về PCCC, CNCH, phát hiện những sơ hở, thiếu sót trong công tác PCCC và CNCH, tránh tình trạng chông chéo chức năng, đùn đẩy trách nhiệm hoặc bỏ sót nhiệm vụ giữa các bên liên quan.

Mối quan hệ phối hợp giữa Cơ quan Cảnh sát PCCC và CNCH với Cơ quan Cảnh sát điều tra trong xác minh, giải quyết vụ cháy được nhìn nhận theo nguyên tắc: phân định rõ chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền; phối hợp chặt chẽ nhưng không chồng chéo; trao đổi, cung cấp thông tin kịp thời; tôn trọng tính độc lập trong thực hiện nhiệm vụ theo thẩm quyền. Đặc biệt, phân biệt “xác minh vụ cháy” với “điều tra vụ án hình sự” bởi không phải mọi vụ cháy đều là vụ án hình sự, do đó khi chưa có căn cứ xác định dấu hiệu tội phạm, các lực lượng chủ yếu tập trung xác minh nguyên nhân, thiệt hại và các yếu tố liên quan theo chức năng, thẩm quyền được giao. Khi xuất hiện dấu hiệu tội phạm, việc giải quyết phải chuyển sang cơ chế tố tụng hình sự theo quy định

pháp luật đối với Cơ quan Cảnh sát PCCC và CNCH là cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra và thẩm quyền của Cơ quan Cảnh sát điều tra.

Quá trình thực hiện quan hệ phối hợp giữa Cơ quan Cảnh sát PCCC và CNCH với Cơ quan Cảnh sát điều tra trong xác minh, giải quyết vụ cháy theo các cách thức: (1) phối hợp thông qua các hình thức trao đổi thông tin như gửi văn bản xin ý kiến phối hợp; trao đổi ý kiến qua các phương thức truyền tin...; (2) phối hợp thông qua các cuộc họp của lãnh đạo 2 Cơ quan để xử lý những công việc thuộc phạm vi xử lý của lãnh đạo; (3) phối hợp thông qua một tổ chức lâm thời do Thủ trưởng cơ quan thành lập ra (Taskforce - Tổ đặc nhiệm) để giúp Thủ trưởng nghiên cứu, đề xuất giải quyết một vấn đề vượt quá khả năng giải quyết của một đơn vị trực thuộc như: cùng xuống hiện trường ngay khi vụ cháy xảy ra; phối hợp trong xác định mức độ thiệt hại do cháy gây nên; phối hợp trong chuyển giao hồ sơ điều tra vụ cháy cho cơ quan chủ trì...; (4) phối hợp thông qua cách làm việc theo nhóm (Team Working) trong từng Cơ quan.

Tuy vậy, kết quả khảo sát cho thấy quan hệ phối hợp giữa Cơ quan Cảnh sát PCCC và CNCH với Cơ quan Cảnh sát điều tra trong xác minh, giải quyết vụ cháy còn những tồn tại nhất định. Đó là, còn thiếu vắng những quy định cụ thể về phối hợp trong nội bộ mặc dù ở tầm vĩ mô đã có Luật Tổ chức Cơ quan điều tra hình sự [5], Thông tư số 109/2025/TT-BCA ngày 20/11/2025 quy định về phân công trách nhiệm, quan hệ phối hợp, quy trình xác minh, giải quyết vụ cháy trong Công an nhân dân [2], Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐTP ngày 24/5/2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Điều 313 của Bộ luật Hình sự [4], tuy nhiên, nhiều nội dung, hình thức, cách thức phối hợp chưa được quy định và được thực hiện theo thông lệ, theo kinh nghiệm dẫn tới việc phối hợp còn chủ quan, tùy tiện. Một số cách thức phối hợp hiện đại chưa được thực hiện hoặc chưa được pháp huy tác dụng tích cực, đó là việc thành lập và hoạt động của tổ công tác đặc nhiệm mới chủ yếu trong phối hợp ban hành Thông tư quy định về phân công trách nhiệm, quan hệ phối hợp, quy trình xác minh, giải quyết vụ

cháy song quá trình thực hiện điều tra một vụ cháy cụ thể còn hình thức. Các công cụ, phương tiện thực hiện phối hợp còn thô sơ, chưa xây dựng dữ liệu dùng chung; còn lạm dụng quan hệ phối hợp để chia sẻ trách nhiệm, làm hạn chế việc phân công rành mạch, đề cao trách nhiệm cá nhân trong công tác, chưa thực hiện đầy đủ quan hệ phối hợp trong thực hiện trung cầu giám định theo tinh thần Hướng dẫn số 02/HDLN-BCA-VKSNDTC ngày 31/02/2024 về việc phối hợp thực hiện thủ tục trung cầu giám định, yêu cầu định giá tài sản của các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra của Công an nhân dân [1]. Vấn đề trao thẩm quyền nhiều hơn của Thủ trưởng cho cán bộ điều tra, điều tra viên còn rất hạn chế, những người trực tiếp thực hiện nhiệm vụ mới chỉ là người giúp việc thuần túy, tất cả đều do Thủ trưởng quyết định, kể cả những việc rất nhỏ mang tính chất tác nghiệp.

3. Để xác định đúng vị trí, vai trò quan hệ phối hợp giữa Cơ quan Cảnh sát PCCC và CNCH với Cơ quan Cảnh sát điều tra trong xác minh, giải quyết vụ cháy, cần thực hiện đồng bộ một số giải pháp sau đây:

Thứ nhất, điều chỉnh, sắp xếp hợp lý cơ cấu tổ chức bộ máy hai cơ quan theo hướng tinh gọn, đáp ứng nội dung và yêu cầu đổi mới cơ chế quản lý, đổi mới công tác chỉ đạo điều hành trong xác minh, giải quyết vụ cháy. Đó là việc tinh gọn đầu mối các cơ cấu tổ chức trong mỗi cơ quan, không thiết lập cơ cấu trung gian, cơ cấu không rõ chức năng, nhiệm vụ. Điều này cũng có nghĩa là thông qua việc thu gọn đầu mối mà khắc phục sự phân tán trong phân công, chồng chéo, trùng lặp trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ của các cơ cấu, từ đó nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của cơ quan nghiệp vụ.

Thứ hai, cùng với tinh gọn đầu mối, cần phân định rõ, hợp lý chức năng, nhiệm vụ của từng Cơ quan và xác định cụ thể trách nhiệm của từng cán bộ điều tra, điều tra viên, trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan trong thực hiện từng nhiệm vụ. Đây là cơ sở tiền đề cho việc thực hiện phối hợp thực chất, không đùn đẩy trách nhiệm trong xử lý công việc nhất là đối với những việc chưa thể phân định rõ như trung cầu giám định, chưa thể giao trọn cho một cán bộ thì cần phải xác định

rõ chủ thể chủ trì, chịu trách nhiệm chính; xác định cụ thể các chủ thể có trách nhiệm phối hợp với chủ thể chủ trì trong xử lý đối với từng loại công việc.

Thứ ba, cần trao nhiều quyền hơn cho cán bộ điều tra, điều tra viên gắn liền với việc đề cao trách nhiệm trong thực thi nhiệm vụ xác minh, giải quyết vụ cháy. Trao quyền một cách chính thức và thực chất hơn kể cả trong quan hệ giải quyết công việc để giảm bớt sự tập trung thẩm quyền quá mức vào cá nhân Thủ trưởng cơ quan. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong thực hiện phối hợp, Thủ trưởng mỗi cơ quan phải bảo đảm sự phối hợp nhịp nhàng, hiệu quả giữa các đơn vị. Không có trật tự, kỷ cương, không có sự chỉ đạo xử lý kịp thời những vướng mắc, thì sự phối hợp sẽ tùy tiện, hình thức.

Thứ tư, quy chế hoá cụ thể việc phối hợp, quy trình thủ tục thực hiện việc phối hợp trong xác minh, giải quyết vụ cháy. Cần cụ thể loại việc phối hợp, hình thức và phương pháp phối hợp, thời gian, thủ tục, trình tự thực hiện việc phối hợp, trách nhiệm của bên yêu cầu phối hợp và của bên được yêu cầu phối hợp... là những vấn đề cần phải được thể chế hóa, có thể bằng quy định của Bộ Công an hoặc quy chế phối hợp do Thủ trưởng 2 Cơ quan cùng thống nhất. Đó là quy định những trường hợp, điều kiện, trình tự thủ tục thành lập Tổ công tác đặc nhiệm (Taskforce), nhóm (Team Working), trung cầu giám định trong từng nhiệm vụ và cơ chế hoạt động.

Có thể kết luận rằng, quan hệ phối hợp giữa Cơ quan Cảnh sát PCCC và CNCH với Cơ quan Cảnh sát điều tra là quan hệ phối hợp chức năng, nghiệp vụ và pháp lý nhằm bảo đảm vụ cháy được xác minh, giải quyết khách quan, nhanh chóng, đúng thẩm quyền và đúng pháp luật. Trong đó, lực lượng PCCC và CNCH cung cấp thể mạnh về hiện trường, lý thuyết quá trình cháy và hoạt động chữa cháy, CNCH, còn Cơ quan Cảnh sát điều tra phát huy vai trò về xác minh, thu thập chứng cứ và hoạt động điều tra theo pháp luật tố tụng. Sự phối hợp hiệu quả của hai lực lượng có ý nghĩa trực tiếp trong việc làm rõ nguyên nhân, hậu quả, trách nhiệm của các chủ thể liên quan, xử lý đúng người, đúng hành vi và góp phần phòng ngừa những vụ việc tương tự xảy ra.■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Công an – Viện Kiểm sát nhân dân tối cao (2024), *Hướng dẫn số 02/HDLN-BCA-VKSNDTC ngày 31/02/2024 về việc phối hợp thực hiện thủ tục trung cầu giám định, yêu cầu định giá tài sản của các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra của Công an nhân dân*, Hà Nội.
2. Bộ trưởng Bộ Công an (2025), *Thông tư số 109/2025/TT-BCA ngày 20/11/2025 quy định về phân công trách nhiệm, quan hệ phối hợp, quy trình xác minh, giải quyết vụ cháy trong Công an nhân dân*, Hà Nội.
3. Cục Cảnh sát PCCC và CNCH, *Báo cáo tổng kết công tác các năm, từ năm 2020 đến hết 6 tháng đầu năm 2026*, Hà Nội.
4. Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (2024), *Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐTP ngày 24/5/2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Điều 313 của Bộ luật Hình sự*, Hà Nội.
5. Quốc hội (2015), *Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự*, Hà Nội.



Ngày nhận bài: 03/7/2026.; Ngày thẩm định: 23/9/2026; Ngày nhận đăng: 24/9/2026.

LIÊN KẾT “BA NHÀ” TRONG PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO PHỤC VỤ CÔNG TÁC PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ TRONG TÌNH HÌNH MỚI

Đại úy, ThS MAI DANH GIANG

Khoa Nghiệp vụ Chữa cháy và Cứu nạn, cứu hộ, Học viện Phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ

**Tác giả liên hệ: Mai Danh Giang (Email: giangmd@daihocpccc.edu.vn)*

Tóm tắt: Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là yêu cầu cấp thiết nhằm nâng cao hiệu quả công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (PCCC và CNCH) trong bối cảnh đô thị hóa, công nghiệp hóa, chuyển đổi số, biến đổi khí hậu và sự xuất hiện của nhiều nguy cơ cháy, nổ, sự cố, tai nạn mới. Thực tiễn đó cho thấy cần tăng cường liên kết giữa Nhà nước, nhà trường và doanh nghiệp trong nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ phục vụ công tác PCCC và CNCH. Bài viết phân tích cơ sở và yêu cầu của liên kết “ba nhà”, nhận diện một số hạn chế từ đó đề xuất giải pháp thúc đẩy khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong công tác PCCC và CNCH.

Từ khóa: liên kết ba nhà, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

Abstract: The development of science, technology and innovation is an urgent requirement for improving the effectiveness of fire safety and rescue in the context of urbanization, industrialization, digital transformation, climate change, and the emergence of new fire, explosion, incident and accident risks. This reality highlights the need to strengthen the linkage among the State, educational institutions, and enterprises in research, application and technology transfer serving fire prevention, firefighting and rescue. This article analyzes the basis and requirements of the “three-party linkage”, identifies several limitations, and proposes solutions to promote science, technology and innovation in fire prevention, firefighting and rescue.

Keywords: three-party linkage, science and technology, innovation, fire prevention, firefighting, rescue.

1. Đặt vấn đề

Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đang trở thành động lực quan trọng của phát triển quốc gia, là nền tảng nâng cao hiệu quả quản trị xã hội, năng lực dự báo, năng lực ứng phó với rủi ro và chất lượng phục vụ nhân dân. Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị xác định phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia là đột phá quan trọng hàng đầu; trong đó người dân và doanh nghiệp là trung tâm, là chủ thể, nguồn lực, động lực chính; nhà khoa học là nhân tố

then chốt; Nhà nước giữ vai trò dẫn dắt, thúc đẩy và tạo điều kiện thuận lợi nhất cho phát triển [1]. Đây là định hướng có ý nghĩa trực tiếp đối với các lĩnh vực quản lý nhà nước chuyên ngành, trong đó có công tác PCCC và CNCH.

Đối với công tác PCCC và CNCH, yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ngày càng cấp thiết. Nguy cơ cháy, nổ, sự cố, tai nạn hiện nay không chỉ xuất hiện trong nhà ở, cơ sở sản xuất, kho hàng, chợ, trung tâm thương mại, mà còn phát sinh trong công trình cao tầng, công trình ngầm, khu

công nghiệp, trung tâm logistics, cơ sở hóa chất, trạm sạc, phương tiện điện, pin lithium-ion, trung tâm dữ liệu, hệ thống năng lượng tái tạo và các không gian đô thị phức hợp. Các loại hình nguy cơ này có đặc điểm phức tạp, phát triển nhanh, liên quan đến nhiều ngành kỹ thuật và đòi hỏi phương thức quản lý dựa trên dữ liệu, dự báo, tiêu chuẩn kỹ thuật và công nghệ hỗ trợ ra quyết định.

Năm 2025, toàn quốc xảy ra 3.060 vụ cháy, làm 90 người chết, 93 người bị thương, thiệt hại về tài sản ước tính khoảng 786,78 tỷ đồng và 251,35ha rừng, xảy ra 28 vụ nổ làm 19 người chết, 36 người bị thương; lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH trực tiếp tham gia 1.349 vụ CNCH [2]. Những con số này phản ánh áp lực công việc rất lớn của lực lượng chuyên trách, đồng thời cho thấy cháy, nổ, sự cố, tai nạn không chỉ là rủi ro kỹ thuật đơn lẻ mà còn là vấn đề quản trị xã hội, quản lý đô thị, quản lý công nghiệp, quản lý cơ sở và tổ chức lực lượng tại chỗ.

Trong bối cảnh đó, liên kết “ba nhà” gồm Nhà nước, nhà trường và doanh nghiệp là hướng đi cần thiết. Nhà nước giữ vai trò kiến tạo thể chế, định hướng nhiệm vụ, đầu tư hạ tầng, đặt hàng nghiên cứu và chuẩn hóa kết quả ứng dụng; nhà trường, nhà khoa học tạo ra tri thức, đào tạo nhân lực, nghiên cứu, thử nghiệm và chuyển giao giải pháp; doanh nghiệp, cơ sở thực tiễn cung cấp bài toán, dữ liệu, nguồn lực, môi trường thử nghiệm và khả năng ứng dụng. Nếu ba chủ thể này không được kết nối bằng cơ chế phù hợp, hoạt động khoa học trong lĩnh vực PCCC và CNCH dễ rơi vào tình trạng phân tán, thiếu dữ liệu, thiếu nguồn lực, thiếu sản phẩm ứng dụng.

2. Cơ sở và vai trò của liên kết “ba nhà” trong phát triển khoa học, công nghệ phục vụ phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ

Liên kết “ba nhà” trong lĩnh vực PCCC và CNCH có cơ sở từ yêu cầu đổi mới mô hình phát triển khoa học, công nghệ của đất nước. Nghị quyết số 57-NQ/TW nhấn mạnh cần hoàn thiện thể chế, tháo gỡ rào cản, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, dữ liệu, hạ tầng số và công nghệ chiến lược; đồng thời mở rộng tôn vinh, biểu dương, khen thưởng các nhà khoa học, nhà sáng chế, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có

đóng góp trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số [1]. Tinh thần đó đặt ra yêu cầu phải hình thành cơ chế kết nối giữa cơ quan quản lý nhà nước, cơ sở đào tạo - nghiên cứu và doanh nghiệp để kết quả khoa học không dừng lại ở đề tài, báo cáo, mà chuyển hóa thành sản phẩm, quy trình, tiêu chuẩn, công nghệ và mô hình ứng dụng.

Nghị quyết số 193/2025/QH15 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia mở ra không gian chính sách mới cho hoạt động nghiên cứu, thử nghiệm và ứng dụng công nghệ [3]. Đối với công tác PCCC và CNCH, đây là cơ sở để nghiên cứu các cơ chế thử nghiệm có kiểm soát đối với những giải pháp mới như cảm biến cháy thông minh, truyền tin báo cháy, robot chữa cháy, thiết bị bay không người lái, mô phỏng cháy, bản đồ nguy cơ cháy, nền tảng dữ liệu an toàn cháy và hệ thống hỗ trợ chỉ huy. Những công nghệ này chỉ có thể phát triển hiệu quả khi có sự tham gia đồng thời của cơ quan quản lý, nhà khoa học, doanh nghiệp công nghệ và đơn vị thực tiễn.

Luật PCCC và CNCH tạo cơ sở pháp lý mới cho tổ chức, hoạt động PCCC và CNCH trong giai đoạn mới. Luật đặt ra yêu cầu hiện đại hóa quản lý, nâng cao trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân, tăng cường điều kiện bảo đảm và phát triển hệ thống dữ liệu, truyền tin báo cháy, lực lượng, phương tiện, phương án, huấn luyện và cứu nạn, cứu hộ [4]. Nghị định số 105/2025/NĐ-CP tiếp tục quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật, tạo điều kiện để cụ thể hóa các yêu cầu quản lý nhà nước, danh mục cơ sở, điều kiện an toàn, tổ chức lực lượng, phương tiện và truyền tin báo cháy [5]. Đây là nền tảng quan trọng để thúc đẩy nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số và chuẩn hóa các quy trình nghiệp vụ.

Bên cạnh đó, Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân khẳng định vai trò của khu vực kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế quốc dân [6]. Trong lĩnh vực PCCC và CNCH, doanh nghiệp không chỉ là đối tượng phải bảo đảm an toàn

PCCC, mà còn là chủ thể có khả năng đầu tư, nghiên cứu, sản xuất, cung cấp thiết bị, phần mềm, dịch vụ kỹ thuật, giải pháp quản trị rủi ro và chuyển giao công nghệ. Vì vậy, cần nhìn doanh nghiệp như một thành tố của hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, thay vì chỉ là đối tượng được kiểm tra, hướng dẫn hoặc xử lý vi phạm.

Trong mô hình liên kết đó, Nhà nước giữ vai trò định hướng, kiến tạo và điều phối. Nhà nước cần xác định các bài toán lớn như quản lý rủi ro cháy đô thị, an toàn cháy nhà cao tầng, cháy phương tiện điện, cháy pin lithium-ion, cháy hóa chất, cháy trung tâm dữ liệu, cứu nạn trong thiên tai, cứu hộ sập đổ công trình, truyền tin báo cháy, dữ liệu số về cơ sở nguy hiểm cháy, nổ và mô phỏng chỉ huy chữa cháy, CNCH. Trên cơ sở đó, Nhà nước đặt hàng nhiệm vụ, bố trí nguồn lực, ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn, hướng dẫn kỹ thuật và thúc đẩy ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn.

Nhà trường và nhà khoa học giữ vai trò tạo tri thức, đào tạo nhân lực, nghiên cứu, thử nghiệm và chuyển giao phương pháp. Học viện PCCC và CNCH, các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu liên quan cần trở thành trung tâm kết nối giữa lý luận và thực tiễn, giữa khoa học kỹ thuật với nghiệp vụ, giữa đào tạo cán bộ với nghiên cứu ứng dụng. Nhà trường không chỉ đào tạo người học, mà còn phải phát triển nhóm nghiên cứu mạnh, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, phòng thí nghiệm, mô hình mô phỏng, giáo trình, học liệu số, quy trình kỹ thuật và khuyến nghị chính sách.

Doanh nghiệp và cơ sở thực tiễn giữ vai trò cung cấp bài toán, dữ liệu, nguồn lực, môi trường thử nghiệm và khả năng ứng dụng. Doanh nghiệp có thể tham gia sản xuất phương tiện, thiết bị, cảm biến, hệ thống báo cháy, chữa cháy tự động, robot, thiết bị bay không người lái, phần mềm quản lý an toàn cháy, nền tảng truyền tin báo cháy, thiết bị huấn luyện và hệ thống mô phỏng. Cơ sở thực tiễn như khu công nghiệp, tòa nhà cao tầng, trung tâm thương mại, kho logistics, cơ sở hóa chất, trung tâm dữ liệu là môi trường quan trọng để kiểm chứng giải pháp khoa học, công nghệ trước khi nhân rộng. Mối liên kết này chỉ hiệu quả khi được vận hành theo chu trình: thực tiễn đặt hàng - nhà khoa học nghiên cứu - doanh nghiệp

phát triển sản phẩm - Nhà nước kiểm định, chuẩn hóa - lực lượng và xã hội ứng dụng - thực tiễn phản hồi để tiếp tục hoàn thiện.

3. Thực tiễn đặt ra và những hạn chế cần khắc phục

Thực tiễn số vụ cháy, nổ, số người chết, bị thương và thiệt hại tài sản cho thấy cháy, nổ, sự cố, tai nạn không chỉ là rủi ro kỹ thuật mà còn là vấn đề quản trị xã hội, quản lý đô thị, quản lý công nghiệp, quản lý cơ sở và tổ chức lực lượng tại chỗ [2]. Nhiều nguy cơ mới phát sinh trong bối cảnh phát triển kinh tế, xã hội nhanh, trong khi năng lực dự báo, cơ sở dữ liệu, công nghệ cảnh báo sớm, phương tiện chuyên dụng và cơ chế phối hợp nghiên cứu - ứng dụng chưa theo kịp yêu cầu thực tiễn.

Một hạn chế nổi bật là cơ chế đặt hàng nhiệm vụ khoa học từ thực tiễn chưa thật sự mạnh. Nhiều vấn đề cấp thiết như cháy nhà ở kết hợp sản xuất, kinh doanh, cháy chung cư, cháy pin lithium-ion, cháy phương tiện điện, cháy kho hàng, cháy hóa chất, cứu nạn trong thiên tai, cứu hộ trong công trình sập đổ cần được chuyển hóa thành nhiệm vụ nghiên cứu cụ thể. Tuy nhiên, quy trình đặt hàng, giao nhiệm vụ, huy động doanh nghiệp, nghiệm thu, thử nghiệm và ứng dụng kết quả vẫn còn thiếu tính liên thông. Vì vậy, nhiều vấn đề thực tiễn chưa trở thành “đề bài khoa học” đủ rõ để nhà trường, nhà khoa học và doanh nghiệp cùng giải quyết.

Dữ liệu phục vụ nghiên cứu và quản lý rủi ro cháy còn phân tán. Quản lý rủi ro hiện đại cần dữ liệu về cơ sở, công trình, công năng sử dụng, vật liệu, hệ thống kỹ thuật, nguồn nước, giao thông phục vụ chữa cháy, lực lượng tại chỗ, phương tiện, vụ cháy, nguyên nhân cháy, thiệt hại, thời gian phản ứng và kết quả xử lý. Nếu dữ liệu chưa được chuẩn hóa, kết nối, cập nhật và khai thác hiệu quả, việc xây dựng bản đồ nguy cơ, mô hình dự báo, công cụ hỗ trợ chỉ huy, tiêu chí phân loại rủi ro và phương án phòng ngừa sẽ khó đạt độ tin cậy cao.

Năng lực chuyển giao kết quả nghiên cứu vào thực tiễn còn hạn chế. Một số đề tài, sáng kiến, mô hình kỹ thuật có giá trị nhưng khó ứng dụng rộng rãi do thiếu kinh phí hoàn thiện sản phẩm, thiếu môi

trường thử nghiệm, thiếu tiêu chuẩn đánh giá, thiếu doanh nghiệp đồng hành hoặc thiếu đơn vị tiếp nhận. Điều này làm giảm động lực nghiên cứu và khiến kết quả khoa học chưa trở thành công cụ trực tiếp nâng cao hiệu quả phòng ngừa, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

Sự tham gia của doanh nghiệp vào nghiên cứu, phát triển công nghệ PCCC và CNCH chưa tương xứng với tiềm năng. Nhiều doanh nghiệp chủ yếu cung cấp thiết bị, thi công hệ thống, bảo trì dịch vụ theo yêu cầu thị trường, nhưng chưa tham gia sâu vào đồng nghiên cứu, thử nghiệm, sản xuất công nghệ lõi hoặc đặt hàng nhà khoa học giải quyết các bài toán kỹ thuật mới. Trong khi đó, doanh nghiệp là chủ thể có khả năng tạo thị trường cho sản phẩm công nghệ, thúc đẩy thương mại hóa và đưa kết quả nghiên cứu vào đời sống.

Ngoài ra, cơ chế khuyến khích nhà khoa học, giảng viên, cán bộ thực tiễn tham gia đổi mới sáng tạo còn cần tiếp tục hoàn thiện. Đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực PCCC và CNCH đòi hỏi thời gian, dữ liệu, kinh phí, thiết bị, môi trường thử nghiệm, sự chấp nhận rủi ro và cơ chế bảo vệ người dám làm. Nếu thiếu điều kiện đó, hoạt động nghiên cứu dễ dừng lại ở báo cáo lý thuyết, chưa tạo được sản phẩm có khả năng ứng dụng, nhân rộng và đo lường hiệu quả.

4. Giải pháp thúc đẩy liên kết “ba nhà” trong phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ

Một là, cần hoàn thiện cơ chế đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ từ yêu cầu thực tiễn. Các cơ quan quản lý nhà nước, lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH, địa phương, doanh nghiệp và cơ sở nguy hiểm cháy, nổ cần xác định các bài toán cấp thiết để đặt hàng nhà trường, nhà khoa học và doanh nghiệp công nghệ. Những nhiệm vụ ưu tiên có thể gồm: xây dựng bản đồ nguy cơ cháy đô thị, mô hình đánh giá rủi ro cháy cho nhà ở kết hợp sản xuất, kinh doanh, chung cư, kho xưởng, mô phỏng cháy và thoát nạn; truyền tin báo cháy; quản lý an toàn cháy bằng dữ liệu số, công nghệ chữa cháy pin lithium-ion, ứng dụng robot, thiết bị bay không người lái trong trinh sát, hệ thống hỗ trợ ra quyết định trong chỉ huy chữa cháy, CNCH.

Hai là, cần xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung về PCCC và CNCH. Dữ liệu phải được coi là hạ tầng chiến lược của quản lý rủi ro. Cần từng bước chuẩn hóa dữ liệu về cơ sở thuộc diện quản lý, cơ sở nguy hiểm cháy, nổ, hệ thống kỹ thuật, nguồn nước, giao thông, lực lượng tại chỗ, phương tiện, vụ cháy, nguyên nhân, thiệt hại, thời gian phản ứng và kết quả xử lý. Khi dữ liệu được chuẩn hóa, nhà khoa học có thể phân tích, mô hình hóa, dự báo; doanh nghiệp có thể phát triển phần mềm, cảm biến, nền tảng số; Nhà nước có căn cứ để ra quyết định, kiểm tra, giám sát và phân bổ nguồn lực.

Ba là, cần phát huy vai trò của Trường Đại học Phòng cháy chữa cháy như trung tâm đào tạo, nghiên cứu, thử nghiệm và chuyển giao tri thức trong lĩnh vực PCCC và CNCH. Nhà trường cần phát triển các nhóm nghiên cứu mạnh; xây dựng phòng thí nghiệm, trung tâm mô phỏng, kho học liệu số, ngân hàng tình huống cháy, nổ, sự cố; tăng cường liên kết với Công an địa phương, doanh nghiệp công nghệ, khu công nghiệp, cơ sở sản xuất, tòa nhà cao tầng, trung tâm dữ liệu và các tổ chức quốc tế. Mỗi đề tài nghiên cứu cần hướng tới sản phẩm cụ thể như giáo trình, quy trình, phần mềm, mô hình, thiết bị, tiêu chuẩn kỹ thuật, phương án huấn luyện hoặc khuyến nghị chính sách.

Bốn là, cần khuyến khích doanh nghiệp tham gia sâu vào nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ PCCC và CNCH. Doanh nghiệp không nên chỉ là đơn vị cung cấp thiết bị, mà cần trở thành đối tác đồng nghiên cứu, đồng đầu tư và đồng phát triển sản phẩm. Nhà nước có thể khuyến khích doanh nghiệp thông qua cơ chế đặt hàng, ưu đãi thuế, hỗ trợ thử nghiệm, công nhận sản phẩm đổi mới sáng tạo, bảo hộ sở hữu trí tuệ và tạo thị trường cho sản phẩm trong nước đủ tiêu chuẩn. Doanh nghiệp cũng cần chủ động đặt hàng nhà trường, nhà khoa học giải quyết các bài toán như nâng cao độ tin cậy của hệ thống báo cháy, giảm báo cháy giả, tích hợp dữ liệu cảm biến, tự động hóa kiểm tra an toàn cháy, phát triển thiết bị chữa cháy phù hợp công trình Việt Nam.

Năm là, cần thiết lập cơ chế thử nghiệm có kiểm soát đối với công nghệ mới. Một số công nghệ như: robot chữa cháy, thiết bị bay không người lái,

trí tuệ nhân tạo trong nhận diện nguy cơ cháy, mô phỏng thoát nạn, truyền tin báo cháy, cảm biến thông minh, nền tảng chỉ huy số cần được thử nghiệm trong môi trường phù hợp trước khi triển khai rộng rãi. Cơ chế thử nghiệm giúp giảm rủi ro pháp lý, tạo điều kiện cho đổi mới sáng tạo, đồng thời bảo đảm an toàn, bảo mật và kiểm soát chất lượng. Tinh thần thí điểm cơ chế đặc biệt theo Nghị quyết số 193/2025/QH15 là căn cứ quan trọng để nghiên cứu mô hình thử nghiệm phù hợp trong lĩnh vực này [3].

Sáu là, cần đổi mới cơ chế tài chính cho nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ. Hoạt động khoa học trong lĩnh vực PCCC và CNCH cần được đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, gắn với sản phẩm đầu ra và khả năng ứng dụng. Bên cạnh ngân sách nhà nước, cần huy động nguồn lực từ doanh nghiệp, quỹ khoa học công nghệ, quỹ đổi mới sáng tạo, hợp tác công - tư và các chương trình quốc tế. Đối với nhiệm vụ có tính ứng dụng cao, có thể áp dụng cơ chế đồng tài trợ giữa Nhà nước, nhà trường và doanh nghiệp, trong đó doanh nghiệp tham gia từ giai đoạn xác định bài toán, thử nghiệm đến hoàn thiện sản phẩm.

Bảy là, trọng dụng nhân tài. Cần phát hiện, đào tạo, bố trí và sử dụng đúng sở trường đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhà khoa học, nhất là người trẻ có năng lực liên ngành và đổi mới sáng tạo, làm cầu nối giữa quản lý nhà nước, nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ. Nội dung bồi dưỡng tập trung vào dữ liệu, mô phỏng, trí tuệ nhân tạo, quản lý rủi ro, kỹ thuật cháy, an toàn công trình, công nghệ chữa cháy và CNCH hiện đại. Đồng thời, cần xây dựng môi trường tôn trọng dữ liệu, khuyến khích phản biện, thử nghiệm và sáng kiến; tôn vinh sản phẩm có giá trị, bảo vệ người dám nghĩ, dám làm và khai thác dữ liệu từ thực tiễn để phục vụ nghiên cứu, cải tiến công tác.

5. Kết luận

Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong công tác PCCC và CNCH chỉ thực sự hiệu quả khi được đặt trong cơ chế phối hợp thực chất, có mục tiêu rõ ràng, có sản phẩm cụ thể và có khả năng ứng dụng vào thực tiễn. Liên kết “ba nhà” không chỉ

là phương thức huy động nguồn lực, mà còn là cách chuyển hóa yêu cầu thực tiễn thành nhiệm vụ khoa học và biến kết quả nghiên cứu thành giá trị phục vụ xã hội. Thực hiện tốt hướng tiếp cận này sẽ góp phần nâng cao năng lực phòng ngừa, ứng phó, giảm thiểu thiệt hại do cháy, nổ, sự cố, tai nạn, đồng thời tạo nền tảng cho quá trình hiện đại hóa công tác PCCC và CNCH trong giai đoạn mới.■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Chính trị (2024), *Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia*, Hà Nội.
2. Cục Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (2025), *Báo cáo tổng kết công tác năm 2025*, Hà Nội.
3. Quốc hội (2025), *Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19/02/2025 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia*, Hà Nội.
4. Quốc hội (2024), *Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ*, Hà Nội.
5. Chính phủ (2025), *Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ*, Hà Nội.
6. Bộ Chính trị (2025), *Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 về phát triển kinh tế tư nhân*, Hà Nội.
7. Chính phủ (2025), *Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW*, Hà Nội.



Ngày nhận bài: 04/9/2026; Ngày thẩm định: 23/9/2026; Ngày duyệt đăng: 24/9/2026.

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA HỌC VIÊN TẠI HỌC VIỆN PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN CỨU HỘ

Đại úy, ThS BÙI THỊ PHƯƠNG - Đại úy, ThS ĐỖ THỊ DIỆU LINH

Phòng Quản lý Nghiên cứu khoa học, Học viện Phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ

**Tác giả liên hệ: Bùi Thị Phương (Email: phuongbuit34@gmail.com)*

Tóm tắt: Hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH) của học viên tại Học viện Phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ (PCCC và CNCH) là nhiệm vụ hàng đầu không thể thiếu trong các hoạt động góp phần nâng cao chất lượng học tập của học viên. Bài viết khẳng định hoạt động NCKH của học viên tại Học viện PCCC và CNCH trong những năm gần đây không ngừng được quan tâm, đổi mới, tăng cường tính khoa học, sáng tạo nhằm đạt hiệu quả cao nhất, đào tạo những thế hệ học viên chuyên ngành PCCC và CNCH không chỉ mạnh về lĩnh vực chuyên ngành, hoạt động chuyên môn thực tế mà còn nâng cao nhận thức tư duy khoa học để học viên có thể tiếp cận nhằm gắn kết giữa lý luận với thực tiễn; đánh giá kết quả đạt được trong hoạt động NCKH của học viên, những thuận lợi khó khăn trong quá trình thực hiện. Trên cơ sở đó, bài viết đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng hoạt động nghiên cứu khoa học của học viên tại Học viện PCCC và CNCH.

Từ khoá: công tác giáo dục đào tạo, hoạt động nghiên cứu khoa học, Học viện Phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ.

Abstract: Scientific research activities conducted by cadets at the Fire and Rescue Academy represent a top-priority, essential mission that directly contributes to enhancing cadet learning outcomes. This article emphasizes that cadet scientific research at the Academy has received increasing attention and continuous innovation in recent years, with a strong focus on fostering scientific rigor and creativity to achieve optimal results. The goal is to cultivate generations of fire safety and rescue specialists who are not only proficient in specialized technical knowledge and practical field operations, but also possess advanced scientific critical thinking to bridge the gap between theory and practice effectively. The paper evaluates the key outcomes of cadet research activities, along with the advantages and challenges encountered during implementation. Based on these findings, it proposes targeted solutions to further improve the overall quality of scientific research activities among cadets at the Academy.

Keywords: education and training, scientific research activities, Fire and Rescue Academy.

1. Hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH) là hoạt động không thể thiếu đối với cán bộ, giáo viên và học viên trong quá trình đào tạo của trường đại học. Học viên là đối tượng chủ chốt trong công tác giáo dục tại các trường học, góp phần đem lại thành tích trong công tác NCKH hàng năm, nâng cao chất

lượng dạy và học của giáo viên và học viên; tham gia nghiên cứu khoa học giúp học viên phát triển tư duy, năng động, sáng tạo, nâng cao kỹ năng thực hành viết, lý luận và giải quyết vấn đề của môn học... đây cũng là hoạt động cầu nối quan trọng để học viên tiếp cận và hiểu các vấn đề thực tiễn trên cơ sở lý thuyết đã

được học trên lớp, tăng cường gắn kết kiến thức chuyên môn trên giảng đường với phương pháp giải quyết các vấn đề phát sinh từ thực tiễn. Học viện PCCC và CNCH luôn đạt được những thành tích nổi bật trong công tác tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học của học viên hàng năm.

Việc đẩy mạnh khuyến khích tinh thần tham gia NCKH của học viên chính là một trong những biện pháp quan trọng - bắt buộc và cần thiết nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng tốt hơn nhu cầu ngày càng cao về khoa học và công nghệ trong kỷ nguyên mới. Nghiên cứu khoa học có vai trò, ý nghĩa đối với học viên, giúp học viên bước đầu làm quen với hoạt động NCKH, rèn luyện tư duy khoa học, tính logic, xây dựng tinh thần sáng tạo, đam mê tìm tòi nghiên cứu hỗ trợ công tác chuyên môn tại đơn vị sau khi học viên tốt nghiệp ra trường.

2. Học viện PCCC và CNCH luôn xác định, hoạt động NCKH của học viên là hoạt động không thể tách rời nhiệm vụ chính trị của Học viện, có mối liên hệ chặt chẽ với hoạt động quản lý, giảng dạy và học tập. Đảng uỷ, Ban Giám đốc Học viện thường xuyên quan tâm, chỉ đạo sát sao và tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất để học viên thực hiện, phân công 01 Phó Giám đốc phụ trách hoạt động nghiên cứu khoa học. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của đơn vị, Phòng Quản lý NCKH trực tiếp thực hiện quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, xây dựng các Kế hoạch, Quyết định thực hiện nhiệm vụ khoa học trong Học viện; phối hợp với các đơn vị xây dựng, triển khai định hướng nội dung nghiên cứu, cách thức thực hiện, thời gian triển khai hoàn thành sản phẩm khoa học theo quy định của Cục Đào tạo, Cục Khoa học, Chiến lược và lịch sử Công an tới các tác giả và người hướng dẫn NCKH. Trong quá trình tổ chức, Phòng Quản lý NCKH thực hiện kiểm tra tiến độ các nhiệm vụ để kịp thời hỗ trợ, hướng dẫn học viên khi có vướng mắc; chủ động liên hệ với cán bộ, giáo viên hướng dẫn và lãnh đạo các đơn vị liên quan nhằm giúp học viên hoàn thiện sản phẩm nghiên cứu đạt kết quả tốt nhất.

Trong hoạt động NCKH học viên, người hướng dẫn có vai trò rất quan trọng, người hướng dẫn khoa học cần dẫn dắt, định hướng cho học viên nội dung

nghiên cứu phù hợp với trình độ, năng lực và xác định được mục đích nghiên cứu, sản phẩm nghiên cứu cần đạt được, lộ trình triển khai nghiên cứu đạt hiệu quả; chủ động hỗ trợ học viên xây dựng đề cương, nội dung nghiên cứu; thu thập tài liệu tham khảo của các chuyên gia, lĩnh vực có liên quan đến nội dung nghiên cứu. Vấn đề nghiên cứu khoa học cần được định hướng để phù hợp với học viên, do đó học viên cần xác định rõ mục đích, phương pháp, đối tượng, nội dung nghiên cứu, tập trung để hoàn thành tốt từng nhiệm vụ cá nhân, sản phẩm nghiên cứu phải có sự đầu tư về kiến thức, tính khoa học và ứng dụng thực tế. Bên cạnh đó, học viên cần chủ động liên hệ với người hướng dẫn để tìm kiếm, nghiên cứu tài liệu có liên quan đến vấn đề nghiên cứu.

Nội dung nghiên cứu đề tài khoa học bao gồm các lĩnh vực: lý luận, pháp luật, nghiệp vụ Công an, nghiệp vụ chuyên ngành PCCC&CNCH, học viên có thể lựa chọn tùy theo khả năng và lĩnh vực phù hợp với bản thân. Trước đó, học viên cần xây dựng cho mình những kiến thức nền tảng về chuyên môn và hệ thống hoá các kiến thức chuyên ngành, để có được điều đó thì học viên cần học tập theo các phương pháp giảng dạy tích cực, ngoài việc đánh giá kết quả bằng phương pháp thi, kiểm tra thì học viên còn được học tập theo các hình thức thảo luận nhóm, xây dựng bài tập dài, làm tiểu luận, chuyên đề ngắn, xây dựng đề án môn học... từ đó học viên có thể phát hiện những vấn đề cần nghiên cứu. Bên cạnh đó, việc đẩy mạnh NCKH của cán bộ, giáo viên cũng góp phần không nhỏ việc thúc đẩy và tạo tiền đề cho sự say mê, tìm tòi nghiên cứu, phát hiện vấn đề trong chính lĩnh vực của mình đồng thời thúc đẩy và tạo tiền đề cho học viên mạnh dạn, nhiệt tình, chủ động trong đăng ký thực hiện nhiệm vụ NCKH.

Theo thống kê từ năm 2020 - 2026, tổng số học viên tham gia thực hiện đề tài khoa học là 985 học viên với 245 đề tài trong đó số lượng đề tài đạt kết quả Xuất sắc chiếm 60%, loại Tốt 40%, không có đề tài nào không đạt; 350 học viên tham gia thực hiện chuyên đề với 313 nhiệm vụ đều được nghiệm thu theo đúng yêu cầu, số lượng đạt Xuất sắc trên 50%. Ngoài ra, học viên còn tham gia viết bài báo khoa học

cùng các thầy cô chuyên ngành, đăng ký tham gia cuộc thi NCKH cấp Bộ.... Trong năm học 2025 - 2026, có tổng số 135 học viên tham gia với 35 đề tài và 74 chuyên đề khoa học trong đó số lượng đề tài nghiệm thu Xuất sắc 21/35 với 08 giải Nhất, 07 giải Nhì và 06 giải Ba; chuyên đề khoa học đạt Xuất sắc 50/74 với 24 giải, bao gồm: 06 giải Nhất, 09 giải Nhì, 09 giải Ba, nhiều đề tài NCKH đã tạo ra những sản phẩm có thể ứng dụng trong công tác giảng dạy và học tập của học viên. Kết quả NCKH của học viên đã khẳng định, học viên Học viện PCCC và CNCH có tư duy khoa học, khả năng sáng tạo, luôn chủ động trau dồi kiến thức chuyên môn, biết tiếp cận vấn đề nghiên cứu và sử dụng các phương pháp nghiên cứu phù hợp để giải quyết vấn đề. Cùng với đó là tinh thần nhiệt tình, tận tụy của cán bộ, giáo viên hướng dẫn; những người đưa ra phương hướng, đề cương nghiên cứu giúp học viên xác định mục đích, phương pháp và nội dung nghiên cứu để đạt hiệu quả tốt nhất.

Bên cạnh những thành tích trên, hoạt động NCKH của học viên vẫn còn tồn tại một số hạn chế, cụ thể: nội dung một số đề tài còn sơ sài, thiếu số liệu thực tế, khảo sát còn ở phạm vi hẹp dẫn đến số liệu chưa khách quan. Học viên năm nhất còn gặp khó khăn khi lần đầu tiếp cận hoạt động NCKH trong môi trường đại học, kiến thức lý luận còn hạn chế, văn phong, thể thức chưa chuẩn. Phần lớn học viên dù đã có thời gian làm quen môi trường, kiến thức chuyên ngành, nhưng việc nghiên cứu sâu từng lĩnh vực còn gặp nhiều khó khăn, dẫn đến sản phẩm nghiên cứu chưa thực sự hoàn thiện, đặc biệt đối với học viên hệ ngoài ngành Công an. Một số học viên coi nhiệm vụ NCKH là điều kiện để nâng cao điểm rèn luyện, chỉ thực hiện sản phẩm ở mức độ trung bình. Giáo viên cũng gặp khó khăn trong việc bố trí thời gian hướng dẫn học viên bên cạnh lịch giảng dạy và thực hiện các nhiệm vụ khác, một số giáo viên mới công tác, chưa có kinh nghiệm và thiếu kỹ năng hướng dẫn khoa học, dẫn đến việc trao đổi, truyền đạt với học viên gặp nhiều khó khăn.

3. Hoạt động NCKH của học viên tại Học viện PCCC và CNCH trong những năm gần đây luôn được Đảng ủy, Ban Giám đốc quan tâm, chỉ đạo giúp hoạt

động này đạt hiệu quả cao nhất, góp phần đào tạo những thế hệ học viên chuyên ngành PCCC&CNCH không chỉ mạnh về lĩnh vực chuyên ngành, hoạt động thực tế mà còn nâng cao nhận thức tư duy khoa học để học viên có thể tiếp cận lý luận với thực tiễn. Để hoạt động NCKH của học viên tại Học viện PCCC và CNCH trong thời gian tới đạt được kết quả tốt hơn, cần thực hiện một số giải pháp cụ thể sau:

Một là: Hoạt động NCKH học viên phải đặt dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên, trực tiếp của Đảng ủy, Ban Giám đốc Học viện; của các cấp ủy chi bộ và lãnh đạo các đơn vị. Lãnh đạo các đơn vị có sự quan tâm nhất định, thường xuyên kiểm tra, tăng cường đôn đốc để hoạt động NCKH của học viên thực hiện đúng tiến độ. Tạo điều kiện, môi trường nghiên cứu thuận lợi nhất để tạo động lực thúc đẩy đội ngũ cán bộ giảng viên, học viên chủ động, sáng tạo trong nghiên cứu khoa học, như: thường xuyên tổ chức các hội thảo, tọa đàm, thông tin khoa học, sinh hoạt học thuật....

Hai là: Đề nghị Cục Khoa học, chiến lược và lịch sử Công an; Cục Đào tạo - Bộ Công an hỗ trợ khoản kinh phí đối với hoạt động NCKH của học viên hàng năm. Tăng cường các chế tài khen thưởng nhằm khuyến khích, động viên học viên để học viên có thêm động lực chủ động tham gia nghiên cứu, tìm tòi sáng tạo trong khoa học. Hàng năm, duy trì kinh phí nhất định cho hoạt động nghiên cứu khoa học của học viên, xây dựng cơ chế huy động kinh phí hỗ trợ từ các đơn vị trong và ngoài Học viện.

Ba là: Người hướng dẫn cần xác định vai trò, trách nhiệm trong hoạt động hướng dẫn và cùng học viên xác định mục đích, phương pháp, đề cương nghiên cứu và tổ chức thực hiện hoạt động nghiên cứu. Người hướng dẫn phải bố trí thời gian nhất định để nắm được tiến trình thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu, hướng dẫn danh sách tài liệu tham khảo, số liệu cụ thể từ đó đưa ra mục tiêu, lộ trình thực hiện... chủ động hướng dẫn học viên để hoàn thành sản phẩm nghiên cứu đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng. Quá trình thảo luận, trao đổi, góp ý giúp sinh viên có cơ hội tiếp thu những kinh nghiệm từ thực tiễn, những tri thức mới. Từ đó, tạo điều kiện cho học viên bồi dưỡng

được năng lực diễn đạt, phát triển khả năng tư duy độc lập, sáng tạo, hình thành thói quen làm việc có kế hoạch, hoạt động làm việc nhóm.

Bốn là: Học viên cần xác định đăng ký nhiệm vụ khoa học không phải để có điểm rèn luyện mà là cơ hội để bản thân tăng cường rèn luyện tư duy logic, nâng cao khả năng nhìn nhận, đánh giá và giải quyết từng vấn đề; nhiệm vụ nghiên cứu phải phù hợp với khả năng học tập, trình độ chuyên môn hiện tại của bản thân. Xây dựng đề cương nghiên cứu có mục đích, phương pháp và nội dung nghiên cứu khoa học chính xác; trong quá trình thực hiện cần tập trung giải quyết những hạn chế của vấn đề nghiên cứu đặt ra, giải pháp đưa ra phải có tính thực tế và sát với tồn tại, hạn chế.

Năm là: Phòng Quản lý NCKH là đơn vị thường trực tổ chức, theo dõi hoạt động NCKH học viên cần kịp thời tham mưu, đề xuất xây dựng Kế hoạch tổ chức, xét duyệt nhiệm vụ và đưa ra các biện pháp tổ chức thực hiện nhằm đảm bảo tiến độ, nâng cao chất lượng hoạt động NCKH học viên. Tham mưu đề xuất các đơn vị chức năng trong việc hỗ trợ kinh phí nghiên cứu, có chế độ động viên, khen thưởng đối với học viên, cán bộ, giáo viên hướng dẫn, đặc biệt những nhiệm vụ đạt thành tích cao trong NCKH■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Công an (2024), *Thông tư quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong Công an nhân dân*, Hà Nội.

2. Bộ Công an (2026), *Thông tư quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học của học viên trong các học viện, trường Công an nhân dân*, Hà Nội.

3. Trường Đại học Phòng cháy chữa cháy (2018), *Quyết định ban hành Quy định về quản lý và nghiên cứu khoa học sinh viên của Trường Đại học Phòng cháy chữa cháy*, Hà Nội.

4. Trường Đại học Phòng cháy chữa cháy (2026), *Báo cáo Tổng kết hoạt động nghiên cứu khoa học của Trường Đại học Phòng cháy chữa cháy năm học 2025 - 2026*, Hà Nội.

5. Trường Đại học Phòng cháy chữa cháy (2020 - 2026), *Kế hoạch tổ chức hoạt động nghiên cứu đề tài khoa học sinh viên*, Hà Nội.

6. Trường Đại học Phòng cháy chữa cháy (2020 - 2026), *Kế hoạch tổ chức cuộc thi viết chuyên đề khoa học sinh viên*, Hà Nội.



Ngày nhận bài: 24/9/2026; Ngày thẩm định: 28/9/2026; Ngày duyệt đăng: 29/9/2026.

QUAN HỆ PHỐI HỢP GIỮA CÔNG AN CẤP XÃ VỚI LỰC LƯỢNG CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ TRONG XÁC MINH, GIẢI QUYẾT VỤ CHÁY TẠI ĐỊA BÀN ĐÔ THỊ VÀ KHU CÔNG NGHIỆP

Trung úy PHẠM CHÍ LÂN

Khoa Nghiệp vụ cơ bản, Học viện Phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ

**Tác giả liên hệ: Phạm Chí Lân (Email: lanphamppa2809@gmail.com)*

Tóm tắt: Công an cấp xã với vị trí gần dân, sát cơ sở, là lực lượng có mặt sớm nhất khi xảy ra cháy, tai nạn, sự cố và là một trong những cơ quan có nhiệm vụ xác minh, giải quyết vụ cháy. Trên cơ sở quy định của pháp luật, bài viết phân tích thực trạng quan hệ phối hợp giữa Công an cấp xã với lực lượng Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trong xác minh, giải quyết vụ cháy, đặc biệt là những đặc thù đặt ra tại địa bàn đô thị và khu công nghiệp.

Từ khóa: Công an cấp xã, quan hệ phối hợp, khu công nghiệp, đô thị, xác minh, giải quyết vụ cháy.

Abstract: Operating closest to the people and at the grassroots level, the commune-level police force is among the first to arrive at the scene of fires, accidents, or incidents and is among the agencies tasked with verifying and handling fires. Based on legal regulations, this article analyzes the current state of coordination between commune-level police and Fire and Rescue Police in the verification and handling of fires, with particular emphasis on the specific characteristics and challenges present in urban areas and industrial zones.

Keywords: Commune-level Police, coordination, industrial zones, urban areas, verification and handling of fires.

1. Trong hệ thống tổ chức Công an nhân dân, quan hệ phối hợp giữa Công an cấp xã và lực lượng Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (PCCC và CNCH) trong xác minh, giải quyết vụ cháy là sự tương tác, hỗ trợ và hiệp đồng giữa lực lượng nắm địa bàn cơ sở với lực lượng nghiệp vụ chuyên trách, nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp trong quản lý an ninh, trật tự và xử lý các vụ cháy, tai nạn, sự cố xảy ra. Hệ thống pháp luật Việt Nam hiện nay đã tạo lập hành lang pháp lý khá đồng bộ và chặt chẽ quy định về chức năng, nhiệm vụ cũng như cơ chế phối hợp giữa Công an cấp xã với lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH trong xác minh, giải quyết vụ cháy.

Luật PCCC và CNCH năm 2024 là văn bản pháp lý cao nhất trực tiếp điều chỉnh công tác này, khoản 3, Điều 6 quy định rõ trách nhiệm của cơ quan Công an hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã khi nhận được tin báo cháy phải thông báo ngay cho lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH có thẩm quyền để giải quyết. Bên cạnh đó, Điều 6 Thông tư số 109/2025/TT-BCA ngày 20/11/2025 quy định về phân công trách nhiệm, quan hệ phối hợp, quy trình xác minh, giải quyết vụ cháy trong Công an nhân dân quy định Công an cấp xã: bảo vệ hiện trường, bảo vệ tài sản, bảo đảm an ninh, trật tự khu vực xảy ra cháy theo quy định; thu thập, ghi nhận các dấu vết, đồ vật, tài liệu tại hiện trường có

nguy cơ bị thay đổi, phá hủy (nếu có); xác định và lấy lời khai của người biết việc, người có liên quan, đối tượng nghi vấn gây ra cháy; thu thập thông tin, tài liệu có liên quan đến vụ cháy, dữ liệu camera giám sát của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân liên quan đến vụ cháy (nếu có); phối hợp các lực lượng xác định sơ bộ thiệt hại về người, tài sản. Chủ trì xác minh, giải quyết vụ cháy theo thủ tục hành chính đối với vụ cháy không thuộc cơ sở thuộc diện quản lý về PCCC trên địa bàn quản lý theo phân cấp của Giám đốc Công an tỉnh, thành phố. Phối hợp xác minh, giải quyết vụ cháy do Cơ quan điều tra, cơ quan, đơn vị Cảnh sát PCCC và CNCH thụ lý khi có yêu cầu.

Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ là nhiệm vụ quan trọng trong công tác bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội, có liên quan trực tiếp đến tính mạng, sức khỏe và tài sản của Nhà nước, tổ chức, cá nhân. Trong xác minh, giải quyết vụ cháy, Công an cấp xã, với vị trí gần dân, sát cơ sở, là lực lượng đầu tiên tiếp nhận tin báo, có mặt tại hiện trường sớm nhất phối hợp với lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH triển khai chữa cháy, CNCH. Do vậy, Công an cấp xã nắm bắt đầy đủ thông tin, cập nhật thông tin sớm nhất có ý nghĩa trong hoạt động xác minh, giải quyết vụ cháy theo quy định của Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự và Thông tư số 109/2025/TT-BCA ngày 20/11/2025.

2. Trong bối cảnh đô thị hóa diễn ra nhanh chóng, xuất hiện nhiều loại hình công trình phức tạp cùng các khu công nghiệp tập trung mật độ hàng hóa cao, các nguy cơ sự cố cháy, tai nạn, sự cố xảy ra mang tính thảm họa gia tăng rõ rệt. Theo thống kê của Cục Cảnh sát PCCC và CNCH, 6 tháng đầu năm 2026, trên toàn quốc xảy ra 1.502 vụ cháy cơ sở, phương tiện giao thông cơ giới và hộ gia đình làm 49 người tử vong, 51 người bị thương, thiệt hại trực tiếp về tài sản hơn 574,45 tỷ đồng, đã xác minh, làm rõ 942/1.502 vụ, chiếm 62,72% tổng số vụ cháy xảy ra. Trong đó, Công an cấp xã tiếp nhận, xác minh, giải quyết theo thủ tục hành chính 753 vụ, chiếm 50,13% tổng số vụ cháy xảy ra, đã kết luận 508 vụ, còn 150 vụ, chiếm 19,92% tổng số vụ xác minh, giải quyết theo thẩm quyền;

Thực tiễn công tác PCCC và CNCH thời gian qua cho thấy, số vụ cháy tại các đô thị và khu công nghiệp có xu hướng gia tăng về số lượng, bên cạnh những vụ việc gây hậu quả nghiêm trọng tại các doanh nghiệp là các vụ cháy tại khu tập kết rác, nương cáp ngầm, cột điện... ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, hộ gia đình, trong đó, số vụ cháy thuộc thẩm quyền xác minh, giải quyết của Công an cấp xã ngày một tăng lên. Đặc biệt, tại các khu vực này có yêu cầu đặc thù về thông tin quần chúng nhân dân, người lao động do nơi đây tập trung đông người tạm cư, người lao động làm việc theo giờ, không đăng ký tạm trú, tạm vắng. Do đó, đòi hỏi phải làm rõ mối quan hệ phối hợp với lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH nhằm phát huy vai trò, năng lực của các bên trong việc nâng cao hiệu quả công tác này.

Kết quả khảo sát về trang bị phương tiện cho thấy, do cơ cấu lại tổ chức lực lượng theo chính quyền địa phương hai cấp nên Công an cấp xã chưa được trang bị và ly khám nghiệm hiện trường; chưa trang bị những phương tiện thiết yếu như: kính lúp, xẻng xúc..., còn thiếu một số thiết bị cơ bản như: máy ảnh, thước đo laze phục vụ công tác này. Lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH đã được trang bị phương tiện khám nghiệm hiện trường, có chuyên môn sâu về PCCC và CNCH... phục vụ kết luận nguyên nhân cháy. Trong khi đó, quan hệ phối hợp giữa Công an cấp xã và lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH còn một số hạn chế như: chưa có quy chế phối hợp cụ thể, chi tiết cho từng loại địa bàn, đặc biệt là địa bàn đô thị và khu công nghiệp; ranh giới nhiệm vụ giữa xác minh, giải quyết theo thẩm quyền do pháp luật quy định đôi khi chưa thực sự rõ ràng; cán bộ Công an cấp xã còn hạn chế về trang thiết bị, kiến thức PCCC và CNCH, đặc biệt áp dụng đối với cơ sở công nghiệp là nơi có yếu tố hóa chất, vật liệu đặc thù. Chính vì vậy, quan hệ phối hợp giữa Công an cấp xã với lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH trong xác minh, giải quyết vụ cháy tại địa bàn đô thị và khu công nghiệp cần được xem xét xuyên suốt từ giai đoạn tiếp nhận tin báo ban đầu, tổ chức chữa cháy, CNCH, bảo vệ hiện trường, trong đó mỗi giai đoạn đặt ra những yêu cầu, đặc thù riêng cần được làm rõ, cụ thể:

Phối hợp trong tiếp nhận, xử lý tin báo cháy ban đầu. Ngay khi tiếp nhận tin báo về vụ cháy, tai nạn, sự cố, Công an cấp xã phải thông tin kịp thời cho lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH có thẩm quyền để giải quyết. Các thông tin cần đầy đủ, chính xác, khách quan về loại chất cháy, khoảng cách ngăn cháy, nguồn nước, giao thông... bảo đảm việc triển khai chiến đấu có hiệu quả của lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH.

Phối hợp bảo vệ hiện trường và tổ chức chữa cháy, CNCH trước khi lực lượng chuyên trách đến. Tại địa bàn đô thị, mật độ giao thông cao, hạ tầng chật hẹp thường khiến xe chữa cháy, xe CNCH chuyên dụng gặp khó khăn khi tiếp cận hiện trường; tại khu công nghiệp, khoảng cách từ trụ sở lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH đến hiện trường thường xa hơn so với khu dân cư. Trong khi đó, Công an cấp xã có khoảng cách gần hơn đối với đối tượng xảy ra vụ việc, do vậy hoàn toàn có mặt sớm nhất để giải quyết vụ việc xảy ra.

Phối hợp huy động lực lượng, phương tiện PCCC và CNCH. Bên cạnh lực lượng Công an cấp xã và Cảnh sát PCCC và CNCH, việc xử lý vụ cháy tại đô thị và khu công nghiệp còn cần sự tham gia của lực lượng dân phòng, lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, Đội PCCC và CNCH cơ sở của doanh nghiệp, cùng phương tiện chữa cháy, CNCH tại chỗ theo phương châm bốn tại chỗ, gồm chỉ huy tại chỗ, lực lượng tại chỗ, phương tiện tại chỗ và hậu cần tại chỗ. Do là đơn vị gần dân, nắm rõ, hiểu sâu về địa bàn nên có thể nhanh chóng huy động về lực lượng, phương tiện, thực hiện nhiệm vụ, nhất là với việc huy động lực lượng, phương tiện xe cẩu, xe xúc cũng như các phương tiện chuyên dụng khác.

Phối hợp xác minh, giải quyết vụ cháy, thu thập dấu vết, tài liệu ban đầu. Sau khi đám cháy được khống chế, dập tắt, công tác thu thập dấu vết, tài liệu, xác định thiệt hại là nhiệm vụ quan trọng, có ý nghĩa làm cơ sở xử lý theo quy định của pháp luật, kể cả xử lý hành chính hoặc chuyển hồ sơ để xem xét trách nhiệm hình sự nếu có dấu hiệu tội phạm. Đối với các vụ cháy cơ sở trong khu công nghiệp, việc xác minh còn phức tạp hơn do hiện

trường thường rộng nên đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa Công an cấp xã, lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH với đại diện doanh nghiệp để cung cấp thông tin về chủng loại hàng hóa, quy trình sản xuất, hệ thống điện, máy móc tại khu vực xảy ra cháy làm cơ sở để xác định thiệt hại.

3. Từ những vấn đề đặt ra nêu trên, để nâng cao hiệu quả quan hệ phối hợp giữa Công an cấp xã với lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH trong xác minh, giải quyết vụ cháy tại địa bàn đô thị và khu công nghiệp, cần tập trung nghiên cứu, thực hiện một số nội dung cụ thể sau:

Một là, Công an tỉnh, thành phố cần ban hành quy chế phối hợp cụ thể trong xác minh, giải quyết vụ cháy, trong đó có quy định điều khoản riêng về quan hệ phối hợp giữa Công an cấp xã và lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH trong công tác PCCC và CNCH nói chung, xác minh, giải quyết vụ cháy nói riêng. Phần quy chế phối hợp xác minh, giải quyết vụ cháy cần quy định rõ trách nhiệm của Công an cấp xã trong từng giai đoạn xử lý vụ cháy: từ tiếp nhận, xác minh sơ bộ tin báo, thông tin ngay cho lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH qua tổng đài 114 và kênh liên lạc nội bộ; tổ chức lực lượng tại chỗ ứng cứu ban đầu, bảo vệ hiện trường, phân luồng giao thông; thu thập thông tin đánh giá mức độ thiệt hại sau khi đám cháy được dập tắt, giữ vai trò chủ trì xác minh, giải quyết vụ cháy theo thủ tục hành chính đến việc phối hợp xác minh nhân thân, thu thập lời khai người liên quan trong quá trình tham gia xác minh, giải quyết vụ cháy theo thủ tục tố giác, tin báo về tội phạm khi các cơ quan khác giữ vai trò chủ trì.

Hai là, phân định rõ ranh giới nhiệm vụ giữa xác minh ban đầu và điều tra nguyên nhân vụ cháy. Cần xác định rõ phạm vi công việc mà Công an cấp xã được thực hiện khi có mặt tại hiện trường vụ cháy, tai nạn, sự cố, bao gồm: bảo vệ nguyên trạng hiện trường, ghi nhận thông tin ban đầu, hỗ trợ xác minh nhân thân người bị nạn, người liên quan; đồng thời quy định rõ thẩm quyền chủ trì khám nghiệm hiện trường, xác định nguyên nhân cháy, nổ thuộc về Công an cấp xã, Cơ quan Cảnh sát PCCC và CNCH hay Cơ quan điều tra có thẩm quyền.

Ba là, tăng cường trang bị phương tiện và tập huấn nghiệp vụ xác minh, giải quyết vụ cháy cho Công an cấp xã. Cần trang bị cho Công an cấp xã, đặc biệt tại địa bàn có khu công nghiệp, khu đô thị tập trung đông dân cư, một số phương tiện bảo vệ hiện trường, phương tiện khám nghiệm hiện trường, phương tiện bảo quản dấu vết cháy... Trên cơ sở phương tiện đã trang bị và nhiệm vụ xác minh giải quyết vụ cháy, cần tổ chức tập huấn đảm bảo mỗi Công an cấp xã có từ 01 – 02 đồng chí điều tra viên có chuyên môn chuyên sâu về nghiệp vụ xác minh, giải quyết vụ cháy, đồng thời bồi dưỡng cho cán bộ, chiến sĩ thuộc Công an cấp xã chuyên môn về nghiệp vụ bảo vệ hiện trường, nhất là phát hiện, thu thập, bảo quản dấu vết cháy.

Bốn là, thiết lập cơ chế phối hợp đặc thù với chủ đầu tư hạ tầng và doanh nghiệp trong khu công nghiệp, khu dân cư, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong kết nối, chia sẻ thông tin phục vụ công tác phối hợp. Cần nghiên cứu xây dựng, kết nối hệ thống truyền tin báo cháy giữa Công an cấp xã với Trung tâm thông tin chỉ huy của lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH, tích hợp dữ liệu về vị trí, đặc điểm các cơ sở trọng điểm về PCCC và CNCH trên địa bàn, nhất là các nhà xưởng, kho hàng trong khu công nghiệp. Việc kết nối không chỉ góp phần nâng cao hiệu quả quan hệ phối hợp giữa Công an cấp xã và lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH, mà còn góp phần hạn chế thiệt hại về người và tài sản do cháy, nổ gây ra, đáp ứng yêu cầu bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa bàn đô thị và khu công nghiệp trong tình hình mới bởi giảm đáng kể thời gian tiếp nhận thông tin đồng nghĩa giảm thời gian cháy tự do của đám cháy.

Quan hệ phối hợp giữa Công an cấp xã với lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH là một trong những yếu tố quyết định hiệu quả xử lý vụ cháy, tai nạn, sự cố, đặc biệt tại địa bàn đô thị và khu công nghiệp - nơi tính chất vụ việc xảy ra thường phức tạp, nguy cơ thiệt hại lớn. Bên cạnh đó, việc nâng cao chất lượng quan hệ phối hợp không chỉ góp phần nâng cao hiệu quả công tác chữa cháy, CNCH mà còn tạo cơ sở để tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước về PCCC, CNCH trên địa bàn, phát huy vai trò của Công an cấp xã trong

công tác nắm tình hình, phòng ngừa từ sớm, từ xa các nguy cơ cháy, tai nạn, sự cố xảy ra.■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ trưởng Bộ Công an (2024), *Thông tư số 109/2025/TT-BCA ngày 20/11/2025 quy định về phân công trách nhiệm, quan hệ phối hợp, quy trình xác minh, giải quyết vụ cháy trong Công an nhân dân*, Hà Nội.
2. Cục Cảnh sát PCCC và CNCH (2026), *Báo cáo sơ kết 6 tháng đầu năm 2026 của lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH*, Hà Nội.
3. Quốc hội (2024), *Luật PCCC và CNCH*, Hà Nội.